HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI CHO CÁN BỘ CÁC CƠ QUAN CẤP HUYỆN, XÃ

(Tài liệu dành cho giảng viên nguồn cấp tỉnh)

Hà Nội, tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT 3
LỜI MỞ ĐẦU 4
PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TÀI LIỆU 5
PHẦN 2: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TẬP HUẤN 6
BÀI 1: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ GIỚI 6
BÀI 2: VẤN ĐỀ GIỚI NỔI BẬT Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI 13
BÀI 3. TRUYỀN THÔNG VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI 31
BÀI 4. LỒNG GHÉP GIỚI 44
BÀI 5. NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI 52
BÀI 6. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI 56
PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ TRÒ CHƠI NÂNG CAO KIẾN THỨC VỀ GIỚI 61
PHỤ LỤC 2: MỘT SỐ KỸ NĂNG DÀNH CHO GIẢNG VIÊN 83

TỪ VIẾT TẮT

DTTS	Dân tộc thiểu số
MN	Miền núi
DTTS&MN	Dân tộc thiểu số và miền núi
MTQG	Mục tiêu quốc gia
HLHPN	Hội Liên hiệp Phụ nữ
PN	Phụ nữ
KT-XH	Kinh tế - xã hội
TCTK	Tổng cục Thống kê
UBND	Ủy ban nhân dân
UBDT	Ủy ban Dân tộc
CTMTQG DTTS&MN	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

LỜI MỞ ĐẦU

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án thành phần số 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" gọi tắt là Dự án 8, trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025, Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ban hành Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 hướng dẫn triển khai Dự án 8. Trong đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng tài liệu nâng cao năng lực thực hiện bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ các cấp trong hệ thống chính trị.

Để giúp cán bộ các cơ quan cấp huyện và xã có đủ kiến thức và kỹ năng thực hiện lồng ghép giới trong chương trình, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, Trung ương Hội LHPN Việt Nam xây dựng tài liệu tập huấn "Phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ các cơ quan cấp huyện và xã". Tài liệu này được biên soạn với mục đích giúp cho đội ngũ giảng viên nguồn ở cấp tỉnh thực hiện các khóa tập huấn về bình đẳng giới cho cán bộ các cơ quan cấp huyện và xã.

Tài liệu do nhóm tác giả gồm TS. Lê Văn Sơn và ThS. Nguyễn Bích Ngọc biên soạn, hoàn thiện dựa trên nền tảng bộ tài liệu Lồng ghép giới cho cán bộ các cấp được Tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam hỗ trợ xây dựng dự thảo. Tài liệu cũng đã được góp ý, phản biện bởi các chuyên gia độc lập và được chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ TÀI LIỆU

1.1. Mục đích của tài liệu

Tài liệu tập huấn *"Phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ các cơ quan cấp huyện và xã"* được biên soạn nhằm hướng dẫn cho giảng viên nguồn cấp tỉnh thực hiện khóa tập huấn về bình đẳng giới dành cho cán bộ các cơ quan cấp huyện, cấp xã tham gia thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Chương trình MTQG về DTTS&MN), giai đoạn -2021-2030.

1.2. Đối tượng sử dụng tài liệu

Đối tượng sử dụng tài liệu này là các giảng viên/tập huấn viên ở cấp tỉnh đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- Đã có kiến thức về giới, bình đẳng giới và lồng ghép giới
- Có kỹ năng và kinh nghiệm lồng ghép giới trong các chương trình, dự án
- Có kinh nghiệm đào tạo, tập huấn về giới, bình đẳng giới và lồng ghép giới, đặc biệt là kinh nghiệm đào tạo, tập huấn cho cán bộ các cơ quan chuyên môn cấp huyện và xã.
- Có kiến thức và kỹ năng sử dụng phương pháp tập huấn có sự tham gia của người học.

1.3. Đối tượng được tập huấn

Tài liệu này được sử dụng bởi giảng viên nguồn ở cấp tỉnh để đào tạo cho nhóm đối tượng tham gia tập huấn là cán bộ và lãnh đạo của một số cơ quan có liên quan ở cấp huyện tham gia thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN tại cấp huyện, xã. Người được đào tạo có thể là lãnh đạo Cấp ủy, Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện và một số cơ quan chuyên môn ở cấp huyện và xã.

1.4. Kết cấu của tài liệu

Tài liệu được chia làm 03 phần gồm: Phần 1: Giới thiệu về tài liệu; Phần 2: Hướng dẫn giảng các bài học cụ thể; Phần 3: các phụ lục có liên quan. Các nội dung đào tạo được phân bổ theo thời lượng cụ thể như sau:

Bài	**Tên bài**	**Thời lượng (phút)**
Bài 1	Một số khái niệm cơ bản về giới	260
Bài 2	Vấn đề giới nổi bật của vùng dân tộc thiểu số và miền núi	210

Bài 3	Truyền thông về bình đẳng giới	230
Bài 4	Lồng ghép giới	150
Bài 5	Ngân sách có trách nhiệm giới	100
Bài 6	Xây dựng kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới	140
	Tổng thời lượng đào tạo	**1090 phút**

PHẦN 2: HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TẬP HUẤN

BÀI 1: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ GIỚI

1.1. Mục tiêu bài học

Sau bài học, học viên có thể:

- Hiểu và diễn giải được các khái niệm cơ bản về giới bao gồm: Giới và giới tính, vai trò giới, nhu cầu giới, định kiến giới, phân biệt đối xử về giới, bạo lực trên cơ sở giới, bình đẳng giới, công bằng giới, nâng cao quyền năng cho phụ nữ;
- Nhận thức rõ được tầm quan trọng và lợi ích của việc lồng ghép giới trong thực hiện, giám sát và đánh giá Chương trình MTQG về DTTS&MN.

1.2. Phân bổ nội dung và phương pháp tập huấn

Các nội dung bài giảng được phân bổ theo thời lượng và phương pháp tập huấn cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời lượng (phút)	Phương pháp
1	Khởi động và giới thiệu bài học	20	Trò chơi trải nghiệm, trình bày
2	Giới và Giới tính	30	Trò chơi trải nghiệm; trình bày
3	Vai trò giới	30	Trò chơi trải nghiệm, trình bày
4	Nhu cầu giới	20	Thảo luận chung, trình bày
5	Bình đẳng giới và công bằng giới	40	Thảo luận chung, trình bày
6	Định kiến giới, khuôn mẫu giới và phân biệt đối xử về giới	40	Bài tập trải nghiệm, thảo luận toàn thể, trình bày
7	Bạo lực giới	40	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
8	Mù giới, nhạy cảm giới, trách nhiệm giới	40	Trình bày
	Tổng thời lượng bài học	**260 phút**	

1.3. Nội dung bài giảng

1.3.1. Khái niệm giới và Giới tính

Giới tính chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ[1]. Các đặc điểm sinh học của nam và nữ không thể thay đổi hoán đổi được cho nhau.

Ví dụ: Nam giới có dương vật, tinh hoàn và tinh trùng; phụ nữ có buồng trứng, tử cung và kinh nguyệt.

Giới chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ[2] trong các mối quan hệ xã hội. Giới phản ánh sự khác biệt giữa nam và nữ về khía cạnh xã hội. Các đặc điểm giới được hình thành từ quá trình tự học hỏi hoặc được giáo dục. Các đặc điểm về giới thường đa dạng và có sự khác biệt giữa các nhóm xã hội, vùng địa lý và thời điểm. Các đặc điểm xã hội thay đổi theo thời gian.

Ví dụ: khi một em bé sinh ra được xác định là cháu trai, bố mẹ và những người thân trong gia đình thường hướng dẫn cháu thực hành những đặc điểm, cử chỉ hoặc điệu bộ được cho là phù hợp của một bé trai như: không ẻo lả, không được khóc; không mặc quần áo có màu hồng hoặc màu sặc sỡ, luôn tỏ ra mạnh mẽ, dũng cảm…

Tương tự, khi một cháu bé sinh ra là cháu gái sẽ được hướng dẫn thực hành tho các đặc điểm, cử chỉ, điệu bộ được mọi người cho là phù hợp với cháu gái như: nhẹ nhàng, dịu dàng, mặc các đồ sặc sỡ, có thể nũng nịu…

Phân biệt sự khác nhau giữa giới tính và giới

Sự khác nhau giữa giới và giới tính được mô tả trong bảng dưới đây

Bảng 2: Phân biệt sự khác nhau giữa giới và giới tính

Giới	Giới tính
Đặc điểm xã hội	Đặc điểm sinh học
Đa dạng (tuổi, dân tộc, vùng miền)	Đồng nhất (tuổi, dân tộc, vùng miền)
Do học hỏi và giáo dục	Bẩm sinh
Có thể thay đổi theo thời gian	Không thể thay đổi theo thời gian

1.3.2. Vai trò giới

Vai trò giới được hiểu là sự phân công trách nhiệm, nghĩa vụ hoặc những công việc mà các giới khác nhau thực hiện trong gia đình, cộng đồng, cơ quan hay tổ chức. Vai trò giới cũng bao hàm các hành vi ứng xử mà xã hội mong đợi khi người đó là nam và nữ trong các mối quan hệ xã hội.

Tất cả công việc hay vai trò mà nam và nữ ở 3 vai trò gồm (1) vai trò sản xuất, (2) vai trò tái sản xuất và (3) vai trò cộng đồng.

---

[1] Khoản 2, Điều 5, Luật Bình đẳng giới 2006 - Luật số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006. https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-2006-73-2006-QH11-15866.aspx.

[2] Khoản 1, Điều 5, Luật Bình đẳng giới 2006 - Luật số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006. https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-2006-73-2006-QH11-15866.aspx.

Vai trò sản xuất

Vai trò sản xuất là các hoạt động làm ra sản phẩm, hàng hoá hoặc dịch vụ để tiêu dùng và trao đổi thương mại. Đây là những hoạt động tạo ra thu nhập và được trả công. Cả phụ nữ và nam giới đều tham gia vào các hoạt động sản xuất, tuy nhiên, do định kiến trong xã hội nên mức độ tham gia của nam và nữ không giống nhau; giá trị công việc và đóng góp của nam và nữ cũng không được nhìn nhận như nhau. Xã hội thường coi trọng và đánh giá cao vai trò này hơn các vai trò khác (vai trò tái sản xuất hoặc vai trò cộng đồng).

Vai trò tái sản xuất

Vai trò tái sản xuất là các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ hoặc nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí giúp tái tạo sức khỏe và sản xuất dân số bao gồm các công việc chăm sóc gia đình, nuôi dạy và chăm sóc con cái, nấu ăn, dọn dẹp, giặt giũ, chăm sóc sức khoẻ các thành viên gia đình… Đây là những hoạt động thiết yếu đối với cuộc sống con người, đảm bảo sự phát triển bền vững của dân số và lực lượng lao động; tiêu tốn nhiều thời gian nhưng không tạo ra thu nhập, vì vậy mà ít khi được coi là "công việc thực sự", được làm miễn phí, không được các nhà kinh tế đưa vào các phép tính giá trị đóng góp cho nền kinh tế. Xã hội thường không coi trọng và đánh giá cao vai trò này. Hầu hết phụ nữ và trẻ gái đang là người đảm nhận các công việc này trong gia đình.

Vai trò cộng đồng

Vai trò cộng đồng là những hoạt động mà cả nam và nữ tham gia trong cộng đồng vì mục đích duy trì và phát triển bền vững cộng đồng. Công việc cộng đồng có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển văn hoá tinh thần và thúc đẩy mối quan hệ liên kết gắn bó trong cộng đồng. Các hoạt động này thường được thực hiện theo tinh thần tự nguyện và không được trả công. Sự tham gia của nam và nữ ở vai trò này có sự khác biệt giữa các vùng miền.

Cả nam và nữ đều có khả năng tham gia vào cả ba loại vai trò trên. Tuy nhiên, với quan niệm truyền thống hiện nay, phụ nữ hầu như đều phải đảm nhiệm chính trong vai trò tái sản xuất, đồng thời cũng tham gia vai trò sản xuất như nam giới. Điều này tạo nên gánh nặng cho phụ nữ do không có sự chia sẻ từ phía nam giới.

Sự hiểu biết sâu sắc về vai trò giới ở từng vùng miền giúp chúng ta hiểu được sự tham gia giống và khác nhau của nam và nữ trong từng nhóm vai trò cụ thể và trên cơ sở đó có thể thiết kế các hoạt động phù hợp để phát huy tối đa kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng của mỗi giới; đồng thời thúc đẩy cơ chế cùng chia sẻ

và hỗ trợ lẫn nhau cùng thực hiện tốt các vai trò cụ thể. Cách tiếp cận này sẽ góp phần giảm sự bất bình đẳng trong phân công lao động dựa trên cơ sở giới, đồng thời thu hút được sự tham gia hiệu quả của tất cả các giới.

1.3.3. Nhu cầu giới

Nhu cầu giới được hiểu là những mong muốn và mối quan tâm của nam, nữ và các giới khác nhau[3]. Trong đời sống hàng ngày, mỗi giới có nguyện vọng và yêu cầu cần được đáp ứng để thực hiện tốt vai trò của mình. Nhu cầu giới được chia làm 02 loại: (1) Nhu cầu giới thực tế và (2) Nhu cầu giới chiến lược.

Nhu cầu giới thực tế là nhu cầu ngắn hạn của các giới (nam, nữ và giới khác) và khi được đáp ứng chỉ giúp mỗi giới làm tốt vai trò, công việc hay trách nhiệm mà họ đang thực hiện mà không làm thay đổi vị thế, quyền lực hay vị trí của họ trong mối quan hệ với giới khác.

Nhu cầu giới chiến lược là những nhu cầu lâu dài của mỗi giới và khi nhu cầu này được đáp ứng sẽ giúp cải thiện địa vị và quyền lực của mỗi giới trong mối quan hệ với giới khác. Nói cách khác, khi đáp ứng nhu cầu giới thực tiễn sẽ không tạo ra được bình đẳng giới. Chỉ khi nào đáp ứng nhu cầu giới chiến lược thì mới làm cho các giới trở nên bình đẳng hơn trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.

1.3.4. Định kiến giới, khuôn mẫu giới và phân biệt đối xử về giới

Định kiến giới là những nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam, nữ hoặc các giới khác[4]. Nói một cách khác định kiến giới là suy nghĩ hay nhận định không đúng của mọi người về những gì mà phụ nữ, nam giới hay một giới nào đó có thể làm, nên làm và không nên làm khi người đó là nam hay nữ về mặt sinh học. Các định kiến giới thường theo xu hướng nhìn nhận ít tích cực, không phản ánh đúng khả năng thực tế của từng cá nhân dẫn đến việc hạn chế hoặc bó buộc một giới nào đó chỉ được làm theo một khuôn mẫu được cho là phù hợp với giới tính đó.

Ví dụ: “Nam giới giỏi kỹ thuật, nữ giới giỏi nấu nướng”. Đây là quan điểm không đúng về khả năng của nam giới và phụ nữ vì không phải tất cả nam giới đều giỏi ở lĩnh vực kỹ thuật và không phải tất cả nữ giới giỏi ở việc nấu nướng. Các quan niệm sai lầm này khiến cho cho cả nam và nữ đều bị ảnh hưởng. Những người nam không giỏi kỹ thuật hoặc nữ không giỏi nấu nướng sẽ bị coi thường;

---

[3] USAID, Một số thuật ngữ về giới - https://pdf.usaid.gov/pdf_docs/Pnadl089.pdf

[4] Khoản 4, Điều 5, Luật Bình đẳng giới 2006 - Luật số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006. https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-2006-73-2006-QH11-15866.aspx

những người nữ giỏi kỹ thuật hoặc nam giỏi nấu nướng có thể không được tạo cơ hội thể hiện năng lực bản thân.

Khuôn mẫu giới là những kỳ vọng, mong đợi hay niềm tin của cộng đồng, xã hội về vai trò, vị trí, khả năng, hành vi ứng xử của mỗi giới. Các kỳ vọng hoặc niềm tin đó được tất cả mọi người hướng tới và coi là "chuẩn mực" cần tuân theo. Cho dù những niềm tin hay kỳ vọng này có mang hàm ý tích cực hay tiêu cực vẫn đều gây áp lực cho những người không đạt được mong đợi ấy. Chính vì, khuôn mẫu giới trở thành rào cản vô hình dẫn đến bất bình đẳng giới.

Ví dụ cộng đồng kỳ vọng rằng phụ nữ phải là người "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" và coi đây là chuẩn mực để phấn đấu đạt được điều này. Tuy nhiên, kỳ vọng này khiến cho phụ nữ phải chịu nhiều áp lực và gánh nặng công việc nhà mà không có sự chia sẻ của nam giới. Tương tự, cộng đồng thường kỳ vọng về nam và nữ khác nhau: "Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm" và cả nam và nữ đều coi đây là chuẩn mực cần đạt được. Nhưng có một thực tế là không thể chỉ một mình đàn ông xây nhà mà cần cả vai trò và đóng góp của phụ nữ thì việc xây nhà mới hiệu quả. Mặt khác, tổ ấm của một gia đình không chỉ có người đàn bà vun đắp mà đòi hỏi nỗ lực của cả người chồng.

Phân biệt đối xử về giới là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình[5].

Biểu hiện của sự phân biệt đối xử về giới thường được thể hiện ở những nhóm hành vi ứng xử mang tính thiên lệch hoặc không phù hợp với nam, nữ hoặc các giới khác như: (1) không tôn trọng; (2) không ghi nhận và (3) không tạo điều kiện thuận lợi, dựa vào đặc điểm giới tính hoặc những biểu hiện giới khác biệt của họ.

Định kiến giới, khuôn mẫu giới và sự phân biệt đối xử về giới có mối liên hệ qua lại chặt chẽ với nhau và đều là nguyên nhân sâu xa dẫn tới bất bình đẳng giới. Định kiến giới và khuôn mẫu giới gây ra những tổn hại và cản trở sự phát triển của cả nam và nữ.

1.3.5. Bình đẳng giới và công bằng giới

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau; được tạo điều kiện và cơ hội để phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau của sự phát triển đó[6].

---

[5] Khoản 5, Điều 5, Luật Bình đẳng giới 2006 - Luật số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006. https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-2006-73-2006-QH11-15866.aspx

Bình đẳng giới thực chất là bình đẳng về quyền của con người của các giới. Bình đẳng giới không phải là sự hoán đổi vai trò hay chức năng của nam và nữ mà là sự công nhận và tôn trọng những điểm khác biệt giữa các giới và tạo điệu kiện thuận lợi cho mỗi giới phát huy tối đa khả năng của mình. Bình đẳng giới cũng không có nghĩa là cào bằng hay giống hệt nhau cho các giới mà cần tính đến sự khác biệt khi xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình hành động và các giải pháp can thiệp nhằm đảm bảo tất cả các giới được lựa chọn và phát huy năng lực của mình, cũng như được hưởng lợi ích từ những thành quả do mình xây dựng và vun đắp.

Mục tiêu bình đẳng giới là xóa bỏ sự phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới ***bình đẳng giới thực chất*** giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình[7].

Công bằng giới là sự đối xử hợp lý đối với các giới dựa trên sự khác biệt của họ để đảm bảo tất cả các giới được tham gia và hưởng lợi ích công bằng dựa trên khác biệt về giới của họ.

Ví dụ về công bằng giới: Luật lao động quy định nữ lao động được nghỉ 30 phút/ngày (trong thời kỳ kinh nguyệt) và 60 phút/ngày trong thời kỳ nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi. Những quy định này đảm bảo cho phụ nữ có thêm thời gian vệ sinh và cho con bú vì các nhà làm luật đã dựa trên sự khác biệt sinh học của nữ so với nam để đưa ra qui định này với mục đích giúp cho lao động nữ đạt được sự thoải mái khi lao động như lao động nam kể cả trong thời kì kinh nguyệt.

Bình đẳng giới và công bằng giới có mối quan hệ mật thiết với nhau. Bình đẳng giới là mục đích cuối cùng cần đạt được còn công bằng giới là phương tiện hay cách thức giúp đạt được mục tiêu bình đẳng.

Bất bình đẳng giới là khái niệm ngược lại với bình đẳng giới. Bất bình đẳng giới là sự phân biệt đối xử về vị thế, điều kiện và cơ hội khiến cho nam, nữ hay giới khác trở nên bất lợi hơn trong việc thực hiện quyền con người, đóng góp vai trò hoặc hưởng lợi. Hay nói cách khác, bất bình đẳng giới là sự đối xử không công bằng khiến cho một giới nào đó trở nên bất lợi hơn giới khác trong tiếp cận cơ hội, nguồn lực hoặc thụ hưởng lợi ích khác nhau trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

---

[6] Khoản 3, Điều 5, Luật Bình đẳng giới 2006 - Luật số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006. https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-2006-73-2006-QH11-15866.aspx.

[7] Điều 4, Luật Bình đẳng giới 2006 - Luật số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006. https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-2006-73-2006-QH11-15866.aspx.

Ví dụ:

- Phụ nữ ít được nắm các vị trí lãnh đạo và ra quyết định trong các cơ quan, tổ chức, do quan niệm cho rằng phụ nữ không quyết đoán, không có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí này.

- Phụ nữ thường làm các công việc được trả lương thấp hơn nam giới và thường tập trung ở một số ngành nghề có mức lương thấp hơn, ít làm việc trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, do quan niệm trẻ em gái nên học các ngành nghề đơn giản và phụ nữ không phù hợp với các ngành khoa học, kỹ thuật.

- Gánh nặng công việc gia đình và việc chăm sóc không được trả lương đặt lên vai phụ nữ do quan niệm cho rằng chăm sóc gia đình là thiên chức của phụ nữ.

- Bạo lực trên cơ sở giới và bạo lực gia đình thường xảy ra với phụ nữ do quan niệm cho rằng nam giới được phép "dạy dỗ" vợ.

1.3.6. Bạo lực trên cơ sở giới

Bạo lực trên cơ sở giới hay bạo lực giới là hình thức bạo lực nhằm vào một người trên cơ sở đối xử phân biệt giới hoặc giới tính, bao gồm các hành động gây ra những tổn hại về thể chất, tâm lý và tình dục. Bạo lực giới còn là những đe doạ sẽ thực hiện những hành động gây tổn hại trên, sự ép buộc và những hình thức khác nhằm tước bỏ tự do của người đó[8].

Các hình thức bạo lực giới:

Bạo lực về thể chất: là bất kỳ hành động cố ý nào gây thương tích và tổn thương về thân thể và sức khỏe của người bị bạo lực, ví dụ như đe dọa hoặc tấn công bằng vũ khí hoặc bằng vật khác; nhốt trong phòng hoặc trói; tát, đấm, cấu véo, kéo tóc, làm bỏng, bóp cổ, đánh; ném đồ vật vào người; lột quần áo; Giết chết người bị bạo lực…

Bạo lực tinh thần: là những hành vi gây tổn hại về tinh thần như chửi, rủa, nhục mạ, hạ thấp phẩm giá người bị bạo lực, kiểm soát các hoạt động của người bị bạo lực, lợi dụng vị thế của mình để gây áp lực, buộc người kia phải tuân theo mình, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Bạo lực tình dục: là hành vi quấy rối tình dục hoặc cưỡng ép quan hệ tình dục ngoài ý muốn của người bị bạo lực, sử dụng những lời lẽ hoặc hành động cưỡng ép người khác thực hiện hành vi tình dục, ví dụ: từ chối không sử dụng biện pháp tránh thai hoặc bao cao su khi quan hệ tình dục; cưỡng ép quan hệ tình dục

[8] Điều 1, Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) - Tài liệu dịch của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam dịch và giới thiệu - năm 2005. https://phapluatdansu.edu.vn/2007/09/11/00/46/y4567/.

trái ý muốn, tấn công/quấy rối tình dục; bắt mang thai, nạo phá thai; bắt ép xem các ấn phẩm đồi trụy; bắt chứng kiến các hành vi tình dục của người khác… Bạo lực tình dục khiến người bị bạo lực đau đớn về thể xác và tổn thương, suy sụp về tinh thần.

Bạo lực kinh tế: là hành vi cưỡng bức với thủ đoạn muốn kiểm soát các thành viên khác trong gia đình nhằm tạo tình trạng lệ thuộc về tài chính. Hành vi này có thể là cắt giảm quá mức chi tiêu sinh hoạt trong gia đình hoặc ngăn cản người trong gia đình có việc làm ổn định; buộc thành viên gia đình đóng góp tài chính vượt quá khả năng của họ; đập phá tài sản riêng của mình nhằm gây áp lực về tâm lý đối với thành viên trong gia đình; cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên gia đình hoặc tài sản chung của gia đình...

1.3.7. *Mù giới, nhạy cảm giới và trách nhiệm giới*

Mù giới được dùng để mô tả tình trạng không quan tâm hoặc không có hiểu biết đầy đủ về bình đẳng giới khi xây dựng và thực hiện chính sách hoặc hoạt động can thiệp[9]. Không tính đến sự khác biệt về nhu cầu, lợi ích, khả năng tiếp cận và kiểm soát nguồn lực cũng như ra quyết định của mỗi giới.

Ví dụ: Nhiều người, kể cả phụ nữ, cho rằng nam giới có quyền đánh vợ khi vợ trót nặng lời với chồng. Đây là cách nhìn "mù giới". Thực tế nam giới không có quyền làm như vậy mà vì bất bình đẳng giới nên người ta mới chấp nhận việc nam giới sử dụng vũ lực với phụ nữ như là cách để "dạy dỗ" người phụ nữ.

Nhạy cảm giới là nhận thức được tầm quan trọng của bình đẳng giới và có hiểu biết sự khác biệt về nhu cầu, vai trò, trách nhiệm của mỗi giới do sự khác nhau về đặc điểm sinh học vốn có của họ. Đồng thời hiểu được sự khác biệt trong khả năng tiếp cận, kiểm soát nguồn lực và mức độ tham gia, hưởng lợi trong quá trình phát triển của nam và nữ[10].

Ví dụ: Người làm công tác truyền thông nhận thức được rằng phụ nữ thường ít có cơ hội thu nhận thông tin nói chung và thông tin về dự báo thời tiết, cách phòng tránh thảm họa nói riêng, do các bản tin này thường được phát vào thời gian nấu ăn khi phụ nữ đang bận ở trong bếp.

Tuy nhiên, mặc dù có nhận thức được sự khác biết như vậy, nhưng các nhà can thiệp lại chưa thực hiện hành động cụ thể nào để giải quyết vấn đề khác biệt đó.

[9] USAID (năm???)- Một số thuật ngữ về giới.https://pdf.usaid.gov/pdf_docs/Pnadl089.pdf .
[10] USAID, năm???, Một số thuật ngữ về giới https://pdf.usaid.gov/pdf_docs/Pnadl089.pdf

Trách nhiệm giới được hiểu là tình trạng có nhạy cảm giới, nhận thấy tầm quan trọng của bình đẳng giới, sự khác nhau về vai trò giới, nhu cầu giới, khả năng tiếp cận và kiểm soát nguồn lực và thực hiện những hành động cụ thể để loại trừ nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt về giới, hướng tới đạt mục đích về bình đẳng giới.

Ví dụ: Người lãnh đạo/quản lý của một tổ chức, một chương trình có trách nhiệm giới nghĩa là họ sẽ có kế hoạch lấy ý kiến phụ nữ, nam giới trong nhóm đối tượng cần hỗ trợ nhằm tìm ra những nhu cầu giống và khác nhau của phụ nữ và nam giới, xác định nguyên nhân của sự khác biệt đó để làm căn cứ xây dựng các biện pháp can thiệp, hỗ trợ đáp ứng nhu cầu phù hợp.

1.3.8. Nâng cao vị thế của phụ nữ

Nâng cao vị thế của phụ nữ chính là nỗ lực tăng cường năng lực ra quyết định và khả năng thực hiện quyết định về xã hội, kinh tế, chính trị và luật pháp của phụ nữ. Nâng cao vị thế phụ nữ được thực hiện thông qua việc nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng, cải thiện việc tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực cho phụ nữ.

Ví dụ: Trước kia nam giới là người tham gia chủ yếu vào các cuộc họp họ, họp thôn xóm. Một vài phụ nữ cũng tham gia vào các cuộc họp này nhưng thường chỉ im lặng, ít có ý kiến. Nhờ có sự tác động, ví dụ của Chương trình tiết kiệm tín dụng tạo điều kiện cho người phụ nữ tiếp cận với nguồn vốn, tham dự các khoá tập huấn về làm ăn kinh tế và nâng cao hiểu biết về luật pháp, đồng thời khuyến khích phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội. Sau một thời gian, nhiều người phụ nữ đó đại diện cho gia đình tham gia bàn bạc và cho ý kiến trong các cuộc họp họ, họp thôn xóm.

BÀI 2: VẤN ĐỀ GIỚI NỔI BẬT Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

2.1. Mục tiêu bài học

Sau bài học, học viên có thể:

- Mô tả được các vấn đề giới nổi bật của vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN);
- Nhận biết được nguyên nhân dẫn tới vấn đề giới ở vùng DTTS &MN;
- Đề xuất một số giải pháp giải quyết vấn đề giới của vùng đồng bào DTTS&MN

2.2. Phân bổ nội dung chính, phương pháp và thời lượng

Các nội dung bài học được phân bổ, với thường lượng cụ thể và phương pháp sau đây:

STT	Nội dung	Thời lượng (phút)	Phương pháp
1	Khởi động và giới thiệu bài học	10	Trò chơi trải nghiệm, trình bày
2	Khái niệm phân tích giới	40	Thảo luận nhóm, trình bày
3	Các khía cạnh cần quan tâm khi phân tích giới	40	Thảo luận nhóm, trình bày
4	Giới thiệu một số vấn đề giới của vùng DTTS trong một số lĩnh vực	60	Trình bày
5	Thực hành phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề giới	60	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
	Tổng thời lượng bài học	**210**	

2.3. Nội dung bài giảng

2.3.1. Khái niệm phân tích giới

Phân tích giới

Phân tích giới là một phương pháp nghiên cứu nhằm xem xét và xác định những vấn đề bất bình đẳng giới trong một lĩnh vực cụ thể.

Phân tích giới là bước đầu tiên trong qui trình lồng ghép giới. Kết quả phân tích giới chỉ ra những vấn đề bất bình đẳng giới trong lĩnh vực phân tích; phân tích nguyên nhân dẫn tới vấn đề đó và gợi mở các giải pháp để giải quyết vấn đề giới hoặc biện pháp cần thực hiện nhằm đảm bảo bình đẳng giới.

Mục đích phân tích giới

- Xác định các vấn đề bất bình đẳng giới trong lĩnh vực phân tích hoặc một hoạt động can thiệp cụ thể;
- Xác định nguyên nhân dẫn tới tình trạng bất bình đẳng giới.
- Gợi ý những giải pháp cần thực hiện để đảm bảo bình đẳng giới

Các bước phân tích giới

- **Bước 1:** thu thập, xử lý, phân tích thông tin để xác định những vấn đề bất bình đẳng giới.
- **Bước 2:** xác định phân tích các nguyên nhân dẫn tới tình trạng bất bình đẳng giới.
- **Bước 3:** Gợi mở các giải pháp để giải quyết vấn đề giới đó.

2.3.2. Các khía cạnh giới cần quan tâm khi phân tích giới

Phân công lao động theo giới (vai trò giới)

Mục đích:

- Xác định được sự bất bình đẳng giữa nam và nữ trong phân công công việc trong gia đình và cộng đồng, hay nhận biết sự khác biệt trong thực hiện các vai trò giới của nam và nữ.
- Xác định nguyên nhân dẫn tới sự bất bình đẳng giới trong phân công công việc hoặc thực hiện các vai trò giới đó.
- Gợi mở giải pháp thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của cả nam và nữ hoặc đảm bảo sự bình đẳng trong thực hiện các vai trò giới.

Câu hỏi phân tích

- Giữa nam và nữ ai đang làm gì? Hoặc ai đang tham gia vào hoạt động nào?
- Có sự khác biệt gì giữa nam và nữ khi tham gia hoặc thực hiện công việc đó?
- Nguyên nhân vì sao có sự khác biệt trong phân công lao động hoặc thực hiện các vai trò giới?
- Sự khác biệt đó có phải là một vấn đề bất bình đẳng giới không? Vì sao?
- Chúng ta có thể làm gì để giải quyết tình trạng bất bình đẳng đó hoặc thúc đẩy sự tham gia bình đẳng của nam và nữ trong các hoạt động hoặc vai trò đó?

Làm thế nào để nhận biết vấn đề bất bình đẳng giới trong phân công lao động

Khi phân tích giới trong phân công lao động chúng ta có thể thấy sự khác nhau giữa nam và nữ trong thực hiện một số công việc hoặc vai trò (1) sản xuất, (2) tái sản xuất ; (3) vai trò cộng đồng, nhưng không phải mọi sự phân công khác

nhau đều là vấn đề bất bình đẳng giới. Sự khác nhau trong phân công công việc cho nam và nữ chỉ được coi là một vấn đề bất bình đẳng giới khi:

- ***Sự phân biệt đối xử về giới:*** việc phân công công việc cho một giới nào đó dựa vào quan niệm, niềm tin hay chuẩn mực cho rằng công việc đó phù hợp với giới đó chứ không phải dựa vào năng lực và nhu cầu của họ.

- ***Vị thế/vai trò:*** Việc phân công lao động khiến cho một giới nào đó không phát huy được khả năng của mình, thậm chí làm nặng thêm các định kiến giới vốn có về vai trò giới của nam hoặc nữ.

- ***Cơ hội:*** việc phân công lao động như hiện tại có thể dẫn tới một giới nào đó bị mất cơ hội được tham gia hoặc hưởng lợi.

- ***Lợi ích:*** việc phân công lao động khiến cho một giới nào đó không được hưởng lợi.

- ***Quyền:*** sự phân công lao động như hiện tại khiến cho quyền ra quyết định của một giới nào đó không được quyền quyết định hoặc tham gia vào quá trình ra quyết định đối với những vấn đề có liên quan đến mình.

- ***Tôn trọng:*** một giới nào đó không được tôn trọng khi đảm nhận vai trò nào đó

- ***Ghi nhận:*** vai trò và đóng góp của một giới nào đó không được ghi nhận và xem xét, khiến cho họ không phát huy được khả năng của bản thân.

- ***Tạo điều kiện thuận lợi:*** một giới nào đó không được tạo những điều kiện thuận lợi để phát huy khả năng của bản thân.

Tiếp cận và kiểm soát nguồn lực

Mục đích

- Xác định những vấn đề bất bình đẳng giới trong tiếp cận (sử dụng hay hưởng thụ) và kiểm soát (quản lý hay ra quyết định) các nguồn lực.

- Chỉ ra những nguyên nhân dẫn tới bất bình đẳng giới trong tiếp cận và kiểm soát nguồn lực.

- Gợi mở các giải pháp nhằm đảm bảo nam và nữ được tiếp cận và kiểm soát bình đẳng các nguồn lực.

Câu hỏi phân tích

- Giữa nam và nữ ai đang được sử dụng nguồn lực nào?

- Có sự khác biệt giữa nam và nữ trong sử dụng nguồn lực không?

- Giữa nam và nữ ai đang được kiểm soát (quản lý và ra quyết định) những nguồn lực nào?

- Có sự khác biệt nào giữa nam và nữ trong kiểm soát?

- Nguyên nhân vì sao có sự khác biệt giữa nam và nữ trong tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực đó?

- Có giải pháp nào để thúc đẩy sự tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực đó một cách bình đẳng giữa nam và nữ.

Làm thế nào để nhận biết một vấn đề bất bình đẳng giới trong tiếp cận và kiểm soát nguồn lực

Khi phân tích giới trong một lĩnh vực cụ thể và thấy có sự khác biệt giữa nam và nữ trong tiếp cận hoặc kiểm soát nguồn lực nhưng để biết sự khác biệt đó có phải là vấn đề giới hay không thì cần dựa vào một số biểu hiện sau đây:

- ***Sự phân biệt đối xử về giới:*** chỉ một giới nào đó được tiếp cận hoặc được quyết định nguồn lực đó do quan niệm định kiến giới cho rằng chỉ có giới đó là phù hợp để tiếp cận hoặc quyết định về nguồn lực đó.

- ***Vai trò/vị thế***: vị thế hoặc vai trò của giới nào đó bị bất lợi nên không được tiếp cận hoặc kiểm soát được nguồn lực nào đó.

- ***Lợi ích***: tình trạng khác biệt trong tiếp cận hoặc kiểm soát nguồn lực sẽ khiến cho một giới nào đó không được hưởng lợi.

- ***Quyền:*** quyền quyết định của một giới nào đó không được đảm bảo

- ***Cơ hội:*** giới nào đó không được tiếp cận nguồn lực

- ***Tôn trọng:*** tiếng nói của giới nào đó không được tôn trọng trong quá trình ra quyết định về nguồn lực

- ***Ghi nhận/xem xét:*** nhu cầu tiếp cận nguồn lực của giới nào đó không được xem xét và ghi nhận.

- ***Tạo điều kiện thuận lợi:*** một giới nào đó không được tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận nguồn lực hoặc tham gia ra quyết định về nguồn lực.

Sự tham gia và quá trình ra quyết định

Mục đích

- Xác định những vấn đề bất bình đẳng giới trong việc ra quyết định.

- Xác định được nguyên nhân dẫn tới tình trạng bất bình đẳng đó

- Gợi mở các giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong ra các quyết định.

Câu hỏi phân tích

- Có những quyết định nào phải đưa ra (gắn với lĩnh vực phân tích)?

- Giữa nam và nữ ai được tham vấn hoặc hỏi ý kiến trong quá trình ra quyết định đó?

- Giữa nam và nữ ai là người đưa ra quyết định cuối cùng trong các quyết định đó?

- Có sự khác biệt gì giữa nam và nữ trong việc đưa ra các quyết định đó?

- Vì sao có sự khác biệt trong quá trình đưa ra các quyết định?

- Cần phải làm gì để đảm bảo bình đẳng giữa nam và nữ trong việc ra các quyết định?

Làm thế nào để xác định vấn đề bất bình đẳng giới trong tham gia và ra quyết định

Khi phân tích giới trong một lĩnh vực cụ thể, chúng ta thấy có sự khác biệt giữa nam và nữ trong tham gia và ra quyết định về một nội dung nào đó và để xác định được sự khác biệt đó có phải là vấn đề bất bình đẳng giới thì cần dựa vào các dấu hiệu sau đây:

- ***Sự phân biệt đối xử về giới***: một giới nào đó không được tham gia hoặc ra quyết định về nguồn lực do định kiến giới.

- ***Vai trò/vị thế:*** một giới nào đó không được tham gia trong quá trình ra quyết định do vị thế thấp kém hơn.

- ***Cơ hội:*** một giới nào đó không được tham gia vào quá trình ra quyết định vì không được tạo cơ hội tham gia.

- ***Lợi ích:*** lợi ích của một giới nào đó sẽ bị ảnh hưởng hoặc không được đảm bảo

- ***Quyền:*** một giới nào đó không có tiếng nói hoặc không được ra quyết định.

- **Tôn trọng và ghi nhận**: tiếng nói của giới nào đó không được tôn trọng và xem xét trong quá trình ra quyết định.

Nhu cầu giới

Mục đích

- Xác định mong muốn và mối quan tâm chung và riêng của nam và nữ (gắn với lĩnh vực phân tích).

- Gợi mở biện pháp đáp đáp ứng hiệu quả nhu cầu chung và khác biệt của nam và nữ

Câu hỏi phân tích

- Nhu cầu chung của nam và nữ là gì?

- Nhu cầu riêng của nam và riêng của nữ là gì?

- Những nhu cầu nào khi đáp ứng sẽ giúp phụ nữ hoặc nam giới làm tốt hơn vai trò truyền thống của họ (nhu cầu giới thực tiễn)?

- Những nhu cầu nào khi được đáp ứng sẽ cải thiện mối quan hệ nam nữ trở nên bình đẳng hơn (nhu cầu giới chiến lược)

- Các giải pháp cần thực hiện đáp ứng tốt nhất nhu cầu của nam hoặc nữ?

<u>Cách nhận biết nhu cầu giới chiến lược và nhu cầu giới thực tiễn</u>

Khi phân tích nhu cầu của nam và nữ trong một lĩnh vực cụ thể, chúng ta có thể nhận thấy nhu cầu giống và khác nhau của mỗi giới. Đối với những nhu cầu giống nhau thì việc đáp ứng khá dễ dàng, nhưng đối với nhu cầu khác biệt thì việc đáp ứng đòi hỏi cần phải có cách đáp ứng khác biệt. Điều quan trọng nhất là chúng ta cần nhận ra khi đáp ứng nhu cầu nào sẽ giúp thúc đẩy bình đẳng giới (nhu cầu chiến lược). Muốn biết những nhu cầu đáp ứng cho nam và nữ là nhu cầu giới chiến lược hay nhu cầu giới thực tiễn thì cần căn cứ vào một số dấu hiệu sau đây:

- Nhu cầu giới thực tiễn: là khi đáp ứng nhu cầu đó cho nam hoặc nữ chỉ giúp nam và nữ làm tốt vai trò hay nhiệm vụ truyền thống họ vẫn thường làm.
- Nhu cầu giới chiến lược: khi đáp ứng sẽ giúp nam và nữ có sự chia sẻ hỗ trợ lẫn nhau trong một công việc, nhiệm vụ nào đó hoặc sẽ giúp tiếng nói và khả năng ra quyết định của nam và nữ trở nên bình đẳng hơn.

Các yếu tố ảnh hưởng

<u>Mục đích</u>

- Xác định các yếu tố cản trở chung và riêng đối với nam và nữ khi tham gia hoặc thụ hưởng từ các hoạt động can thiệp.
- Gợi mở các giải pháp khắc phục và giải quyết các yếu tố cản trở giúp nam và nữ tham gia bình đẳng hoặc được thụ hưởng từ các hoạt động can thiệp.

<u>Câu hỏi phân tích</u>

- Khó khăn, rào cản riêng đối với nam là gì (gắn với vấn đề phân tích)?
- Khó khăn, rào cản riêng đối với nữ là gì (gắn với lĩnh vực phân tích)
- Rào cản, khó khăn chung của cả hai giới
- Giải pháp cần thực hiện để khắc phục những khó khăn, rào cản cho mỗi giới (nếu có)
- Giải pháp cần thực hiện để khắc phục những khó khăn, rào cản chung cho hai giới (nếu có)

<u>Làm thế nào để nhận biết các yếu tố ảnh hưởng</u>

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đối với nam và nữ do đó khi phân tích các yếu tố ảnh hưởng thường chú trọng vào một số khía cạnh cụ thể sau đây:

- ***<u>Định kiến giới:</u>*** các quan điểm sai lầm, tiêu cực hoặc thiên lệch về giới thường là yếu tố rất phổ biến ảnh hưởng đến sự phân công lao động, nhu cầu, vai trò giới hoặc tiếp cận và kiểm soát nguồn lực.
- ***<u>Thái độ và niềm tin</u>:*** thái độ ứng xử và niềm tin của nam, nữ và người dân trong cộng đồng cũng là yếu tố ảnh hưởng, có thể thúc đẩy hoặc cản trở nam và nữ

tham gia vào quá trình ra quyết định, được hưởng lợi, được tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực.

- ***Các đặc điểm xã hội khác:*** bao gồm trình độ học vấn, dân tộc, hoàn cảnh gia đình và tình trạng sức khỏe…là những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia và ra quyết định của nam và nữ trong một số lĩnh vực cụ thể. Khi phân tích giới chúng ta cần cố gắng xác định cụ thể những đặc điểm xã hội nào đang ảnh hưởng đến nam và nữ.

2.2.3. Thực trạng vấn đề giới trong một số lĩnh vực

Tiếp cận cơ hội kinh tế của người dân tộc thiểu số

Phụ nữ DTTS bất lợi hơn nam giới DTTS trong tiếp cận tín dụng chính thức để phát triển sinh kế, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Phụ nữ DTTS đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ các sản phẩm truyền thống ở vùng DTTS&MN nhưng tỉ lệ hộ DTTS do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2019 chỉ đạt 15,8%, thấp hơn gần 5 điểm phần trăm so với tỉ lệ tương ứng của hộ gia đình DTTS do nam giới là chủ hộ là 20,7%. Giá trị khoản vay của hộ DTTS do phụ nữ làm chủ hộ thấp hơn so với hộ gia đình DTTS do nam giới là chủ hộ; đồng thời thấp hơn đáng kể so với mức cho vay tối đa của Ngân hàng Chính sách xã hội. Nguyên nhân: (i) Các cơ sở/hộ sản xuất - kinh doanh - dịch vụ do nữ làm chủ hộ có quy mô nhỏ nên chưa có nhu cầu vay các khoản vốn lớn; (ii) năng lực của các nữ chủ hộ DTTS về lập hồ sơ vay vốn, phương án sản xuất, kinh doanh còn hạn chế nên chưa tiếp cận được những khoản vay với giá trị lớn; (iii) các cơ sở, hộ nhỏ, không có đầy đủ sổ sách, chứng từ giao dịch và báo cáo tài chính nên không đáp ứng điều kiện vay vốn không cần bảo đảm tiền vay[11].

Việc làm của người dân tộc thiểu số

Lực lượng lao động nữ DTTS đang gặp nhiều bất lợi, là một trong những nhóm "yếu thế" trong thị trường lao động. Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động là người DTTS có cải thiện so với năm 2015, tuy nhiên vẫn rất yếu kém. Tỉ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên năm 2019 là 10,3% (nam 11,7% và nữ 8,9%), chưa bằng một nửa so với tỉ lệ tương ứng lực lượng lao động cả nước. Có tới 18/53 DTTS có tỉ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật dưới 5% như La Hủ 1,7% (nam 2,0% và nữ 1,4%), Xtiêng 2,1% (nam 2,8% và nữ 1,3%), Xinh Mun 2,1%

[11] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019 .

(nam 2,9% và nữ 1,3%), Brâu 2,3% (nam 3,0% và nữ 1,5%), Ba Na 2,3% (nam 2,8% và nữ 1,9%)[12].

Nữ DTTS có xu hướng tham gia lao động rất sớm. Cơ cấu việc làm thể hiện sự bất lợi "kép" từ yếu tố dân tộc và giới tính. Rất nhiều em gái DTTS đã làm việc như người trưởng thành từ trước khi đủ 15 tuổi. Trong khi ở độ tuổi này, phần lớn em gái người Kinh còn đang tiếp tục đi học. Tỉ lệ tham gia lực lượng lao động của dân số là người DTTS từ 15 tuổi trở lên là 83,3% (nam 87,2% và nữ 79,4%), cao hơn so với tỉ lệ tương ứng của cả nước là 76,2% (nam 81,1% và nữ 71,4%). Có 9 trong tổng số 53 DTTS có tỉ lệ tham gia lực lượng lao động cao, từ 90% trở lên, ví dụ như người Cơ Lao là 94,8% (trong đó nam 94,4% và nữ 95,2%), người Lự là 94,1% (trong đó nam 95,4% và nữ 92,8%), người Cống là 91,9% (trong đó nam 92,5% và nữ 91,4%). Đây cũng là nhóm dân tộc có tỉ trọng việc làm trong khu vực nông, lâm nghiệp cao. Người dân thường bắt đầu tham gia sản xuất nông, lâm nghiệp cùng hộ gia đình từ độ tuổi còn đang đi học trung học cơ sở và có xu hướng tiếp tục làm việc ngay cả khi đã qua độ tuổi lao động[13].

Lao động nữ DTTS thường làm các công việc không ổn định, dễ bị tổn thương nhiều hơn so với lao động nam DTTS và lao động nữ người Kinh. Có tới 76,4% việc làm của lao động nữ DTTS trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, cao hơn gần 6 điểm phần trăm so với lao động nam DTTS (70,5%) và cao gấp đôi so với lao động nữ cả nước (35,9%). Có 24/53 DTTS có tỉ trọng việc làm của lao động nữ trong nông, lâm nghiệp chiếm trên 90%. Về vị thế trong việc làm, tỉ lệ lao động nữ DTTS làm các công việc "lao động gia đình không hưởng lương" là 52,0%, cao gấp gần 2 lần so với tỉ lệ này của lao động nam DTTS là 26,6% và cao gấp hơn 2,5 lần so với lao động nữ cả nước 19,4%. Đây là nhóm công việc không ổn định, điều kiện làm việc kém hơn so với việc làm ở các khu vực khác và không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc[14].

Giáo dục, đào tạo cho người dân tộc thiểu số

Tiếp cận giáo dục chất lượng vẫn tiếp tục là thách thức đối với trẻ em DTTS. Tỉ lệ huy động trẻ mầm non vùng DTTS&MN giai đoạn 2011-2019 chỉ đạt 56,2% (cả nước đạt 88,5%); Tỉ lệ huy động trẻ nhà trẻ chỉ đạt 11,8% (cả nước đạt 25,8%).

---

[12] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019

[13] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019

[14] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019

Trẻ em DTTS yếu tiếng Việt trong khi giáo viên hạn chế về tiếng dân tộc đã gây cản trở việc huy động trẻ và chất lượng giáo dục mầm non ở vùng DTTS&MN[15].

Tỉ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông của người DTTS mới đạt 80,9% (nam 86,7%, nữ 75,1%), thấp hơn đáng kể so với người Kinh (nam 97,0%, nữ 94,6%). Ở nhóm tuổi càng cao thì tỉ lệ người DTTS, đặc biệt nữ DTTS, biết đọc, biết viết chữ phổ thông càng thấp. Trong nhóm từ 35-44 tuổi, có tới 30,3% phụ nữ DTTS không biết đọc, biết viết chữ phổ thông[16]. Đây là rào cản đối với phụ nữ trung tuổi trong tham gia vào các khóa đào tạo nghề, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư được tổ chức thường xuyên ở địa phương.

Chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc thiểu số

Mặc dù chăm sóc sức khoẻ nói chung và sức khoẻ sinh sản nói riêng cho phụ nữ DTTS đã có nhiều tiến bộ trong thời gian qua, tuy nhiên vẫn còn khoảng cách đáng kể so với phụ nữ Kinh và phụ nữ Hoa. Tỉ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản đã giảm xuống 46 trên 100.000 ca sinh sống vào năm 2019, giảm 23 ca trên 100.000 ca sinh sống so với năm 2009. Mặc dù vậy, tỉ lệ này ở vùng DTTS&MN vẫn cao gấp 3 lần so với cả nước và một số nhóm DTTS vẫn cao gấp bốn lần so với phụ nữ Kinh[17].

Tỉ lệ phụ nữ DTTS từ 10-49 tuổi sinh con tại cơ sở y tế đạt 86,4%, tăng 22,8% so với năm 2015, tuy nhiên vẫn thấp hơn đáng kể so với phụ nữ Kinh là trên 99%. Đáng chú ý là mức chênh lệch giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn lên tới 12,8 điểm % (thành thị là 98,0% và nông thôn là 85,2%). Đồng thời chênh lệch giữa các vùng kinh tế - xã hội cũng khá lớn; Tây Nguyên có tỉ lệ phụ nữ DTTS từ 10-49 tuổi sinh con tại cơ sở y tế là 84,2%, thấp hơn 14,2 điểm % so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 98,4%. Vẫn còn 3 dân tộc có tỉ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế đạt dưới 50% gồm Mông 49,6%, Mảng 44,5% và La Hủ 34,7%[18].

Nguyên nhân của chênh lệch trong chăm sóc sức khoẻ giữa phụ nữ DTTS và phụ nữ Kinh, Hoa gồm: (i) Những hạn chế, yếu kém của hệ thống y tế ở vùng DTTS, các trạm y tế xã còn hạn chế về năng lực trong đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe và sức khỏe sinh sản của phụ nữ và nam giới DTTS; (ii) Rào cản ngôn

---

[15] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019

[16] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019 .

[17] Tổng Cục thống kê, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/11/ket-qua-toan-bo-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/

[18] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019 .

ngữ giữa cán bộ y tế và người dân; (iii) những tập tục văn hoá lâu đời ở một số DTTS không cho phép phụ nữ đến cơ sở y tế khám thai và sinh con; (iv) muốn được nhân viên y tế nữ khám bệnh; (v) không đủ khả năng chi trả cho dịch vụ; (vi) Ở một số khu vực miền núi, giao thông đi lại khó khăn, khoảng cách tới cơ sở y tế xa là rào cản đối với phụ nữ DTTS đến cơ sở y tế để khám thai và sinh con[19].

Hôn nhân và gia đình ở các dân tộc thiểu số

Mặc dù bị cấm theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vẫn tồn tại dai dẳng trong các DTTS ở Việt Nam, gây ra nhiều vấn đề về sức khỏe, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực và là một trong những lực cản đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững của vùng DTTS.

Tỉ lệ người DTTS tảo hôn năm 2018 là 21,9%, giảm 4,7 điểm phần trăm so với năm 2014 (26,6%). Tuy nhiên, tỉ lệ tảo hôn vẫn ở mức cao tại những vùng tập trung nhiều đồng bào DTTS sinh sống như Tây Nguyên 27,5%, Trung du và miền núi phía Bắc 24,6%, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 22,4%. Theo dân tộc, tỉ lệ tảo hôn cao nhất là Mông 51,5% (nam 52,7%, nữ 50,4%), Cơ Lao 47,8% (nam 34,0%, nữ 63,0%), Mảng 47,2% (nam 42,7%, nữ 50,7%), Xinh Mun 44,8% (nam 42,5%, nữ 46,9%), Mạ 39,2% (nam 31,7%, nữ 51,3%). Tỉ lệ tảo hôn của nữ DTTS vẫn cao hơn nam DTTS (nam 20,1% và nữ 23,5%)[20].

Việc kết hôn sớm, mang thai và sinh đẻ trong lứa tuổi vị thành niên, khi cơ thể người mẹ chưa phát triển hoàn thiện, thiếu hiểu biết, kinh nghiệm và chưa sẵn sàng về mặt tâm lý để mang thai và sinh con gây ảnh hưởng lớn tới sức khỏe bà mẹ, sự phát triển bình thường của thai nhi và trẻ sơ sinh. Đây là nguyên nhân làm gia tăng tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em DTTS, tăng tỉ lệ tử vong ở trẻ em DTTS dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi, tăng tỉ lệ tử vong của bà mẹ DTTS liên quan đến thai sản.

Bạo lực đối với phụ nữ ở các dân tộc thiểu số

Bạo lực đối với phụ nữ nói chung và phụ nữ DTTS do chồng hoặc bạn tình gây ra thường là dạng bạo lực phổ biến nhất mà phụ nữ phải hứng chịu. Các hình thức bạo lực gồm bạo lực thể xác, bạo lực tình dục, bạo lực tinh thần, bạo lực kinh tế và kiểm soát hành vi cho thấy, bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong đời và bạo

---

[19] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019 .

[20] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019

lực gây ra trong 12 tháng qua đều có sự khác biệt đáng kể giữa các dân tộc. Trong 5 hình thức bạo lực do chồng/bạn tình gây ra, tỉ lệ phụ nữ DTTS bị bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục và/hoặc bạo lực tinh thần (trong đời và 12 tháng qua) đều thấp hơn so với tỉ lệ tương ứng của phụ nữ cả nước và phụ nữ Kinh. Trái lại, tỉ lệ phụ nữ DTTS lại bị kiểm soát hành vi và bạo lực kinh tế lại cao hơn so với tỉ lệ tương ứng của phụ nữ cả nước và phụ nữ Kinh[21].

Tình hình bạo lực ở các dân tộc phụ thuộc khá nhiều vào truyền thống mẫu hệ hay phụ hệ của dân tộc đó. Trong các nhóm xã hội theo phụ hệ, thì tập tục về vai trò và giá trị giới tương tự như ở nhóm dân tộc Kinh, ví dụ bị áp lực phải sinh được con trai. Phụ nữ thuộc nhóm dân tộc theo mẫu hệ, ví dụ như dân tộc Chăm, có vẻ như có quyền lực và khả năng kiểm soát cao hơn trong gia đình. Phụ nữ thuộc nhóm dân tộc này không phải chịu áp lực sinh con trai nhưng lại bị áp lực sinh con gái. Nhiều phụ nữ DTTS có thái độ chấp nhận bạo lực do người chồng hoặc bạn tình gây ra hơn là phụ nữ người Kinh.

Gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công

Gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công trong hộ gia đình DTTS đang đặt nhiều hơn vào phụ nữ và trẻ em gái. Có 74% phụ nữ DTTS và 5% trẻ em gái DTTS thường xuyên đảm nhận công việc đi lấy nước sinh hoạt trong hộ gia đình, so với tỉ lệ tương ứng của cả nước là 65% và 2%. Nhận thức của phụ nữ DTTS và cộng đồng người DTTS bị ảnh hưởng nặng nề của định kiến và khuôn mẫu giới về phân công công việc trong gia đình, áp đặt công việc nội trợ, chăm sóc trẻ em, người già, người ốm trong gia đình là trách nhiệm, nghĩa vụ của phụ nữ[22].

Tham gia vào hệ thống chính quyền cơ sở và phát triển

Tỉ lệ cán bộ công chức là nữ DTTS so với tổng số cán bộ công chức trong cơ quan Đảng còn hạn chế, chỉ chiếm 6,0%; tỉ lệ này trong Hội đồng nhân dân là 7,3%; trong cơ quan hành chính là 11,4% và trong các tổ chức chính trị - xã hội là 15,5%[23].

2.3.3. Thực hành kỹ năng nhận diện vấn đề giới ở vùng dân tộc thiểu số

[21] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (2020), Báo cáo Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với Phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 - Hành trình để thay đổi.

[22] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019 .

[23] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019 .

Để giúp cải thiện kỹ năng nhận diện vấn đề bất bình đẳng giới hoặc các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em gái ở vùng DTTS, người đào tạo có thể sử dụng bài tập thực hành phân tích giới sau đây:

Chia nhóm

Tùy theo số lượng người tham gia, người điều hành chia các đại biểu thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm trung bình từ 5-8 người. Các nhóm cử ra một người làm người điều hành cuộc thảo luận, một người làm thư ký ghi chép kết quả thảo luận và một người đại diện trình bày kết quả thảo luận. Mỗi nhóm chọn một lĩnh vực cụ thể để thảo luận, ví dụ:

- Tiếp cận cơ hội kinh tế, việc làm
- Giáo dục đào tạo
- Chăm sóc sức khỏe
- Hôn nhân và gia đình
- Tiếp cận thông tin và trợ giúp pháp lý
- Tham gia vào hệ thống chính quyền cơ sở và phát triển

Thảo luận nhóm

Các nhóm thảo luận để xác định vấn đề giới trong một khía cạnh đã chọn bằng cách trả lời một số câu hỏi và đề ra giải pháp nhằm giải quyết vấn đề dựa trên bảng dưới đây:

Bảng 3: Hướng dẫn xác định vấn đề giới của vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo lĩnh vực

Lĩnh vực	**Câu hỏi gợi ý xác định vấn đề giới**	**Đề xuất giải pháp**
Tiếp cận cơ hội kinh tế, việc làm	- Tỉ lệ nam và nữ trong lực lượng lao động người DTTS làm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và dịch vụ? - Các loại công việc lao động nữ DTTS đang đảm nhận và có khác gì so với loại công việc của lao động nam DTTS và lao động nữ người Kinh? - Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động nữ người DTTS có khác biệt gì so với lao động nam DTTS và lao động nữ người	- Cần thực hiện những giải pháp gì để nam và nữ lao động người DTTS bình đẳng trong cận cơ hội kinh tế và việc làm? - Cần phá bỏ những rào cản gì để tạo điều kiện thuận lợi cho nữ lao động DTTS tiếp cận được các cơ hội kinh tế và việc làm?

	Kinh? - Các rào cản đối với lao động nữ DTTS khi dịch chuyển việc làm ra khỏi lĩnh vực nông, lâm nghiệp và tiếp cận công việc làm công ăn lương?	
Giáo dục đào tạo	- Tỉ lệ trẻ nữ DTTS được tới trường so với trẻ em nam DTTS và trẻ em nữ cả nước như thế nào? - Tỉ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông của học sinh nữ DTTS so với học sinh nam DTTS và học sinh nữ người Kinh như thế nào?	- Cần thực hiện những giải pháp gì để trẻ em nữ DTTS được tiếp cận cơ hội giáo dục và đào tạo? - Cần phá bỏ những rào cản nào để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh nữ DTTS tiếp cận cơ hội giáo dục và đào tạo?
Chăm sóc sức khỏe	- Tỉ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản của phụ nữ DTTS như thế nào so với phụ nữ Kinh - Tỉ lệ phụ nữ DTTS từ 10-49 tuổi sinh con tại cơ sở y tế như thế nào so với phụ nữ Kinh - Nguyên nhân của chênh lệch trong chăm sóc sức khoẻ giữa phụ nữ DTTS và phụ nữ Kinh	- Cần thực hiện những giải pháp gì để giảm thiểu tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản? - Cần phá bỏ những rào cản nào để khích lệ phụ nữ DTTS sinh con tại cơ sở y tế?
Hôn nhân và gia đình	- Tình trạng tảo hôn của nam và nữ DTTS như thế nào? Nguyên nhân dẫn đến tình trạng tảo hôn? - Tình trạng bạo lực đối với phụ nữ DTTS như thế nào? Nguyên nhân? - Gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công của phụ nữ và trẻ em gái trong hộ gia đình DTTS như thế nào? Nguyên nhân?	- Cần thực hiện những giải pháp gì để ngăn chặn tình trạng tảo hôn của nam và nữ ở vùng DTTS? - Cần thực hiện những giải pháp gì để phòng chống bạo lực đối với phụ nữ DTTS? - Cần thực hiện những giải pháp gì để thúc đẩy chia sẻ việc nhà giữa nam và nữ

		DTTS?
Tiếp cận thông tin và trợ giúp pháp lý	- Tỉ lệ phụ nữ DTTS tiếp cận với các dịch vụ trợ giúp pháp lý như thế nào so với nam giới DTTS? - Những khó khăn rào cản đối với nữ DTTS khi tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý.	- Cần thực hiện những giải pháp gì để tăng cường tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý của phụ nữ DTTS? - Cần xóa bỏ các rào cản nào để tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ DTTS tiếp cận dịch vụ pháp lý?
Tham gia vào hệ thống chính quyền cơ sở và phát triển	- Tỉ lệ cán bộ công chức là nữ DTTS so với tổng số cán bộ công chức trong cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính như thế nào? - Những khó khăn và rào cản đối với nữ DTTS khi tham gia cơ quan Đảng, Hội đồng nhân nhân và cơ quan hành chính như thế nào?	- Cần thực hiện những giải pháp gì để tăng tỉ lệ nữ DTTS trong các vị trí quản lý? - Cần xóa bỏ các rào cản nào để tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ DTTS tham gia các vị trí lãnh đạo?

Trình bày kết quả thảo luận nhóm

Tùy theo thời gian của lớp tập huấn, giảng viên mời đại diện từng nhóm trình bày kết quả thảo luận. Sau mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận, các thành viên trong nhóm và các nhóm khác có thể đặt câu hỏi bổ sung, làm rõ hoặc góp ý chỉnh sửa cho phù hợp. Sau đó giảng viên chốt các vấn đề chính dựa trên ý kiến của người tham gia.

2.3.4. Tài liệu tham khảo cho giảng viên

1. UN Women, Ủy ban Dân tộc, Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Australian Aid, (2021), Báo cáo Số liệu về phụ nữ và nam giới các dân tộc ở Việt Nam giai đoạn 2015-2019.

2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Dân tộc (2019), Để phụ nữ DTTS không bị bỏ lại phía sau.

3. UN Women, Ủy ban Dân tộc, Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Australian Aid, (2021), Tóm tắt chính sách: Các vấn đề giới trong vùng DTTS ở Việt Nam", https://vietnam.un.org/sites/default/files/2021-08/Tom%20Tat%20Chinh%20Sach%2020x20cm%20VIE%200106.pdf

4. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Các vấn đề Xã hội của Quốc hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020), Thúc đẩy lồng ghép giới trong Chương trình MTQG về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

5. Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc (2019), Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

6. Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025.

BÀI 3. TRUYỀN THÔNG VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

3.1. Mục tiêu bài học

Sau bài học, học viên có thể:

- Xác định được nội dung và các chủ đề cần truyền thông liên quan đến bình đẳng giới
- Nắm chắc mục đích và nguyên tắc cần tuân thủ khi truyền thông về bình đẳng giới.
- Xây dựng được kế hoạch truyền thông một số chủ đề về bình đẳng giới

3.2. Phân bổ nội dung, thời gian và phương pháp

STT	Nội dung	Thời lượng (phút)	Phương pháp
1	Khởi động và giới thiệu nội dung bài học	10	Trò chơi, trình bày
2	Mục đích, đối tượng và nội dung truyền thông	40	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
3	Các nguyên tắc cần tuân thủ khi truyền thông về chủ đề bình đẳng giới	30	Thảo luận chung, trình bày
4	Xác định các chủ đề truyền thông về bình đẳng giới	30	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
5	Lồng ghép giới trong hoạt động truyền thông	60	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
6	Thực hành xây dựng kế hoạch truyền thông về bình đẳng giới	60	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
	Tổng thời lượng bài học	**230**	

3.3. Nội dung bài giảng

3.3.1. Mục đích truyền thông

Truyền thông là quá trình trao đổi, chia sẻ thông tin, kiến thức, kinh nghiệm, tư tưởng, tình cảm… liên tục giữa hai hoặc nhiều người nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, thay đổi nhận thức, tiến tới điều chỉnh hành vi và thái độ phù hợp với nhu cầu phát triển của cá nhân/nhóm/cộng đồng xã hội.

Mục đích truyền thông về bình đẳng giới nhằm đạt được sự thay đổi về kiến thức, thái độ và hành vi liên quan đến bình đẳng giới. Việc thay đổi hành vi của người được truyền thông đạt được theo hai hướng: i) Thúc đẩy sự hình thành các hành vi tích cực, phù hợp về bình đẳng giới; ii) Tạo ra một môi trường duy trì những hành vi tích cực về bình đẳng giới;

3.3.2. Đối tượng truyền thông

Các hoạt động truyền thông về bình đẳng giới hướng tới đối tượng là nam và nữ người DTTS. Tùy theo chủ đề và nội dung truyền thông, có thể phân tách riêng người tham gia là nam và nữ để việc tiếp thu thông tin hiệu quả hơn.

3.3.3. Một số nguyên tắc cần tuân thủ khi truyền thông về bình đẳng giới

PHẢI/NÊN

- Lựa chọn vấn đề giới hoặc định kiến giới/khuôn mẫu giới nổi bật và then chốt nhất tại địa phương để tạo sự thay đổi (nguyên tắc "Đốt lửa đúng cách");
- Đúng đối tượng - Đúng thông điệp - Đúng kênh truyền thông(nguyên tắc "Ba đúng");
- Thống nhất và đồng bộ về thông tin, thông điệp, hình ảnh trên mọi phương tiện và vật mang thông tin, cũng như trên mọi kênh truyền thông để tạo hiệu ứng mạnh mẽ (nguyên tắc "Đồng bộ");
- Nhắc đi nhắc lại nội dung truyền thông/thông điệp (nguyên tắc "Đủ lượng");
- Thông điệp hấp dẫn cả về nội dung và hình ảnh (nguyên tắc "Đủ chất");
- Bảo mật thông tin, đặc biệt đối với người bị bạo lực giới;
- Tuân thủ phương pháp tiếp cận "lấy cộng đồng/nạn nhân của bạo lực giới làm trung tâm" - tin tưởng và thúc đẩy vào khả năng tự giải quyết vấn đề của nạn nhân và cộng đồng;
- Áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền - truyền thông về khung pháp lý trong nước và quốc tế, phân tích và kêu gọi trách nhiệm/nghĩa vụ của nhà nước và các bên liên quan nhằm xóa bỏ bất bình đẳng giới.

KHÔNG ĐƯỢC/KHÔNG NÊN

- Củng cố các định kiến và khuôn mẫu giới;
- Tạo ra các khuôn mẫu và định kiến mới gây bất lợi cho nam giới và/hoặc nữ giới.

3.3.3. Xác định nội dung truyền thông

Chủ đề hay nội dung truyền thông được xác định căn cứ vào kết quả tìm hiểu nhu cầu của từng nhóm đối tượng truyền thông. Do đó việc tìm hiểu nhu cầu của

nhóm đối tượng về nội dung bình đẳng giới mà họ quan tâm là rất cần thiết. Để xác định được các nội dung truyền thông phù hợp, người điều hành sử dụng phương pháp đánh giá nhanh nhu cầu. Các chủ đề truyền thông về bình đẳng giới có thể được lựa chọn tùy theo đặc thù của từng địa phương, ví dụ:

- Bạo lực gia đình, bạo lực giới
- Xâm hại tình dục trẻ em
- Phòng chống quấy rồi tình dục
- Buôn bán phụ nữ và trẻ em
- Vấn đề tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống
- Chia sẻ việc nhà
- Tăng quyền năng kinh tế cho phụ nữ
- Phụ nữ tham gia lãnh đạo

3.3.4. Xác định hình thức/kênh truyền thông

Tùy theo từng nội dung truyền thông, người phụ trách công tác truyền thông có thể lựa chọn hình thức truyền thông phù hợp. Có thể kết hợp các hình thức truyền thông đa dạng để truyền tải thông tin đến đối tượng được truyền thông. Các hình thức có thể lựa chọn bao gồm:

- Truyền thông qua vật phẩm mang thông điệp truyền thông
- Tài liệu, ấn phẩm in (tờ rơi, tờ gấp, bài viết…)
- Loa phát thanh
- Đài truyền hình
- Đài truyền thanh
- Lồng ghép trong các cuộc họp thôn/bản
- Các website cung cấp thông tin
- Mạng xã hội (facebook, Zalo)
- Truyền thông nhóm nhỏ
- Truyền thông cá nhân.
- Các sự kiện truyền thông nhóm lớn

Tùy theo điều kiện thực tế ở từng địa phương, cán bộ phụ trách truyền thông có thể lựa chọn hình thức phù hợp.

3.3.5. Truyền thông bình đẳng giới trên nền tảng số

Ở Việt Nam, thực hiện Chiến lược chuyển đổi số của Chính phủ, các cơ quan nhà nước và các đơn vị làm công tác thông tin, truyền thông đã không ngừng tiến hành chuyển đổi số, mở rộng các kênh thông tin trên nền tảng internet. Với đặc điểm thông tin nhanh chóng, thuận tiện, dễ tiếp cận và hấp dẫn hơn so với cách

thức tuyên truyền truyền thống và phù hợp với các tầng lớp nhân dân, kể cả người dân vùng sâu, vùng xa.

Khi truyền thông các nội dung về bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các đơn vị chủ trì hoạt động truyền thông có thể sử dụng một số kênh truyền thông phù hợp trên nền tảng số như:

- Facebook: đây là trang mạng xã hội có nhiều người sử dụng và các thông điệp truyền thông có thể được tiếp cận một cách nhanh chóng. Thông qua Facebook, các thông tin về bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng DTTS có thể được truyền tải đến cho người dân thông qua một số hình thức như: (1) các tin bài ngắn tuyên truyền về bình đẳng giới; (2) các video, clip tiểu phẩm có chủ đề về bình đẳng giới hoặc mang thông điệp truyền thông về những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em gái; (3) các đường dẫn kết nối thông tin được đăng tải bởi các cơ quan đơn vị khác nhau nhằm tạo nguồn tham khảo thông tin. Nhiệm vụ chính khi thực hiện truyền thông qua trang này đó là cần người quan trị để kiểm duyệt và đăng bài để đảm bảo chất lượng của bài đăng; đồng thời thu hút số lượng người theo dõi trang; tăng cường tương tác với người theo dõi trang để tạo ra sự tương tác tích cực.

- Zalo: Hiện nay số lượng người dùng Zalo khá lớn. Chính vì thế đây cũng là kênh truyền thông phù hợp để truyền tải các thông điệp về BĐG. Tương tự như Facebook, trang này có thể chia sẻ các bài viết, video, clip truyền thông mang thông điệp về BĐG hoặc các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng dân tộc thiểu số. Nhiệm vụ chính khi truyền thông qua trang này đó là lựa chọn các bài viết, phim, video ngắn có chủ đề liên quan và đăng tải trên trang; tạo ra các nhóm tương tác những người cùng quan tâm và đăng tải thông tin trên nhóm. Để vận hành hiệu quả cần có người quản trị (trưởng nhóm) và thường xuyên đăng tải thông tin và mời các thành viên tham gia nhóm.

- Youtube: là kênh truyền thông hiệu quả để truyền tải thông điệp về BĐG và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng DTTS. Để vận hành kênh này cần đăng ký tài khoản trên kênh và xây dựng các phim ngắn, video clip về chủ đề BĐG và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trem gái. Ngoài ra, người quản trị kênh nên kết nối kênh này với hai kênh Facebook và Zalo ở trên để tăng hiệu quả liên kết và chia sẻ thông tin.

- Duy trì trang thông tin (website) của cơ quan Hội phụ nữ các cấp (nếu có) và các tổ chức, đơn vị tham gia Dự án 8 (nếu có): mục đích của chuyên trang này

đó là thường xuyên đăng tải các thông tin về kết quả thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Dự án 8 và các hoạt động có liên quan đến BĐG và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng DTTS. Nhiệm vụ chính khi truyền thông qua trang này đó là lựa chọn các phim, video ngắn hoặc các bài viết có liên quan đến chủ đề và đăng tải. Đồng thời, chú ý chia sẻ thông tin và thu hút tăng số lượng người tham gia.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng các phương tiện truyền thông số trong truyền thông về bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em cần thực hiện số giải pháp:

- Các thông điệp truyền thông bình đẳng giới trên các mạng xã hội cần ngắn, gọn, dễ hiểu, phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa của người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ví dụ như thiết kế hình ảnh, video sinh động, bắt mắt; chất lượng…

- Cần thường xuyên cung cấp thông tin chính thống trên các phương tiện truyền thông xã hội, sử dụng diễn đàn trực tuyến để tổ chức hội thảo, tọa đàm, thông tin những thành tựu về bình đẳng giới và những tấm gương người tốt, việc tốt, phê phán, đấu tranh phản bác các quan điểm về định kiến giới, khuôn mẫu giới….Đặc biệt cần phát huy vai trò kiểm duyệt các tin, bài, hình ảnh hoặc phim trước khi đăng để đảm bảo phù hợp với đường lối chính sách của nhà nước và qui định pháp luật liên quan.

- Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để lắng nghe được những luồng thông tin chính mà người dân quan tâm về bình đẳng giới; đồng thời, cũng dễ dàng thực hiện điều tra xã hội học về chất lượng, loại hình thông tin mà người đọc ở các lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, khu vực quan tâm về vấn đề cần thúc đẩy bình đẳng giới.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng về cách viết tin, bài, sử dụng, khai thác tối đa các tính năng của các phương tiện truyền thông xã hội; Đồng thời đội ngũ cán bộ, chuyên viên phụ trách truyền thông về bình đẳng giới cần phải có tinh thần tự học hỏi, nỗ lực tìm hiểu các kiến thức về truyền thông, cũng như kiến thức về bình đẳng giới một cách liên tục, từ đó ứng dụng vào thực tiễn công việc.

- Tăng cường quản lý công tác truyền thông xã hội. Các phương tiện truyền thông xã hội có tính lan tỏa nhanh, nên các cơ quan quản lý cần có biện pháp ngăn chặn, triệt phá, vô hiệu hóa các thông tin xấu, độc, sai sự thật trên các phương tiện truyền thông xã hội…; thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, đấu tranh với các nhà cung cấp dịch vụ truyền thông xã hội xuyên biên giới, bảo đảm an ninh mạng;

chấn chỉnh, có chế tài xử lý đối với những người có hành vi vi phạm, đưa thông tin thất thiệt.

- Nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân trong sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội như: phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội; khuyến khích nhân dân đưa thông tin tích cực, những việc làm tốt về bình đẳng giới trong xã hội; không chia sẻ thông tin chưa được kiểm chứng.

3.3.6. Giải pháp phát huy hiệu quả truyền thông tại cộng đồng

Với đặc thù đa phần đồng bào DTTS có hạn chế về trình độ học vấn nên việc sử dụng các hình thức truyền thông trực tiếp vẫn là một giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao nhận thức và cung cấp thông tin cho đồng bào DTTS về BĐG và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em. Tuy nhiên, để có thể phát huy hiệu quả của kênh truyền thông trực tiếp cho người dân trong cộng đồng, các đơn vị, tổ chức khi thực hiện truyền thông có thể lựa chọn một số hình thức phù hợp sau đây:

- Lồng ghép trong các buổi họp thôn bản hoặc các cuộc họp thành viên định kỳ của các tổ chức chính trị xã hội ở cơ sở (Ví dụ: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh…): khi thực hiện giải pháp này cần xác định rõ các chủ đề truyền thông cụ thể về BĐG và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em gái vùng DTTS sẽ truyền thông và lập kế hoạch về thời gian và địa điểm triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông này. Việc lồng ghép cần đảm bảo về thời lượng để tránh hình thức. Đồng thời chú trọng phương pháp truyền thông theo hướng tăng cường tương tác và thảo luận giữa những người tham gia truyền thông, hạn chế hình thức truyền thông một chiều. Hướng người tham gia thảo luận về vấn đề bất bình đẳng giới đang xảy ra ở địa phương, nguyên nhân của vấn đề đó và thảo luận về kinh nghiệm, giải pháp để giả quyết vấn đề bất bình đẳng giới đã xác định.

- Tổ chức các cuộc thi, hội thi: các đơn vị, tổ chức có thể tính đến phương pháp truyền thông thông qua hình thức hội thi, cuộc thi tìm hiểu kiến thức về bình đẳng giới. Các cuộc thi này có thể được thực hiện bởi các tổ chức chính trị- xã hội ở địa phương, thu hút sự tham gia của người dân tìm hiểu thông tin và kiến thức về BĐG. Thông qua đó, giúp họ cải thiện kiến về BĐG và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Truyền thông qua hình thức thông tin cổ động: Xây dựng cụm thông tin cổ động gồm khẩu hiệu, tranh cổ động ở những vị trí trung tâm cụm xã, khu dân cư, hoặc các nút giao thông;niêm yết bản tin, dán tranh cổ động, khẩu hiệu có nội dung

liên quan về bình đẳng giới được cập nhật và thay đổi thường xuyên, phù hợp với đối tượng tuyên truyền, đảm bảo tính hấp dẫn và thu hút sự quan tâm, chú ý của cộng đồng; Tổ chức tổ, nhóm thông tin lưu động, xây dựng nội dung, chương trình để tuyên truyền tại các gia đình, xóm, thôn, phường, xã vào các dịp sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt đoàn thể.

- Truyền thông qua hình thức văn nghệ quần chúng: Bám sát đối tượng, nội dung, yêu cầu công tác truyền thông về bình đẳng giới trên địa bàn, xây dựng các tiết mục văn nghệ: ca múa nhạc, tiểu phẩm, kịch ngắn, ngâm thơ, kể chuyện... để biểu diễn lồng ghép với các nội dung khác trong các chương trình văn nghệ quần chúng tại thôn, bản, xã, phường, đơn vị cơ quan, trường học, các câu lạc bộ. Nêu gương người tốt việc; cổ vũ, động viên cộng đồng thúc đẩy bình đẳng giới.

- Truyền thông qua hình thức văn hóa đọc: Căn cứ đối tượng, nội dung truyên truyền lựa chọn hình thức thích hợp dạng ấn phẩm như: bản tin, sách, báo, tạp chí, tờ rơi, tờ gấp... có nội dung tuyên truyền về bình đẳng giới do các cơ quan chức năng, các đoàn thể xã hội phát hành; Tổ chức phòng đọc, điểm đọc tại Thư viện xã, phường, điểm Bưu điện văn hóa xã; Thư viện cơ quan, trường học;

- Truyền thông qua hình thức sinh hoạt Câu lạc bộ: Thông qua hoạt động của các Câu lạc (Câu lạc bộ Hội Cựu chiến binh, Câu lạc bộ Phụ nữ, Câu lạc bộ Người cao tuổi...) lồng ghép nội dung tuyên truyền bình đẳng giới để tổ chức buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề cho thành viên sinh hoạt các Câu lạc bộ. Thông qua Ban chủ nhiệm cung cấp các thông tin, tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền về bình đẳng giới tới các thành viên sinh hoạt Câu lạc bộ để từ đó nâng cao nhận thức cho người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của bình đẳng giới trong việc xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc.

- Tổ truyền thông cộng đồng về bình đẳng giới. Tổ tuyên truyền được thành lập với các thành viên gồm: Bí thư chi bộ Trưởng thôn, các đoàn thể ở địa phương và các hội viên nòng cốt. Tổ tập trung tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục lạc hậu và một số vấn đề xã hội cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm", nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em. Tham gia giám sát và phản biện trong các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị; Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện

lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và Người có uy tín trong cộng đồng[24].

3.3.7. Lập kế hoạch truyền thông về bình đẳng giới

Xác định nội dung, thông điệp truyền thông

- Lựa chọn các chủ đề hoặc nội dung về bình đẳng giới được truyền thông
- Chuẩn bị nội dung thông tin truyền thông đáp ứng đặc điểm nhu cầu của từng giới, dựa vào kết quả phân tích nhu cầu;
- Xây dựng thông điệp truyền thông phản ánh tình hình thực tế, quan điểm của cả nam giới và phụ nữ và nhằm thúc đẩy bình đẳng giới;
- Các thông điệp truyền thông không chỉ nhấn mạnh các trường hợp bất bình đẳng mà còn cần phải đưa ra các giải pháp, thành tựu và các mô hình tốt;
- Xóa bỏ định kiến về vai trò giới khi xây dựng nội dung tài liệu.

Xác định đối tượng truyền thông

- Xác định nhóm đối tượng sẽ được truyền thông dựa trên nhu cầu, mối quan tâm của họ.
- Phân tích đặc điểm và nhu cầu của đối tượng đối với nội dung truyền thông theo từng giới;
- Phân tích những định kiến giới, nếu có, của nhóm đối tượng (phụ nữ và nam giới) về nội dung sẽ được truyền thông;
- Phân tích, xem xét sự tham gia của nhóm đối tượng (phụ nữ và nam giới) trong các cuộc truyền thông trước đây, có chủ đề tương tự hoặc liên quan;
- Phân tích, xem xét các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia truyền thông của nhóm đối tượng (phụ nữ và nam giới).

Lựa chọn phương pháp, kênh truyền thông

- Xác định hình thức sẽ được lựa chọn để truyền thông.
- Phân tích một số rào cản khó khăn mà đối tượng có thể gặp phải khi truyền thông theo cách đã chọn;
- Thể hiện sự cân bằng giữa hai giới trên hình ảnh;
- Thể hiện không định kiến về vai trò giới;
- Thể hiện yếu tố tuổi tác, giới tính, dân tộc;
- Sử dụng ngôn ngữ thể hiện trung tính giới, ví dụ, nên dùng “lao động giúp việc gia đình” thay vì dùng “phụ nữ giúp việc gia đình”.

Lựa chọn thời gian và địa điểm

[24] Theo Trung ương Hội LHPN Việt Nam, tại Hội nghị sơ kết thực hiện Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" đã cho biết: tính đến tháng 12/2022 đã thành lập được 1.320 tổ truyền thông cộng đồng về bình đẳng giới.

Tùy theo hình thức truyền thông đã chọn, người thực hiện truyền thông lựa chọn thời gian, thời lượng và địa điểm thực hiện hoạt động truyền thông cho phù hợp. Việc lựa chọn thời gian và thời lượng cần đảm bảo phù hợp cho cả nam và nữ trong nhóm đối tượng được truyền thông có thể tham gia.

3.3.6. Lồng ghép giới trong hoạt động truyền thông

Mục đích

- Đảm bảo bình đẳng giới trong tiếp cận thông tin và tham gia các hoạt động truyền thông do các cơ quan, tổ chức cung cấp.
- Loại bỏ các định kiến giới và mọi hình thức phân biệt đối xử về giới trong các hoạt động tuyên truyền do các cơ quan, tổ chức thực hiện.
- Nâng cao nhận thức về vấn đề giới và thu hút sự quan tâm thực hiện các giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới.

Cách thức thực hiện lồng ghép giới trong hoạt động truyền thông

Tiêu chí lồng ghép giới	**Mô tả về tiêu chí**	**Cách thức lồng ghép giới**
Chủ đề tuyên truyền, được xác định trên cơ sở đánh giá nhu cầu của nam giới và phụ nữ trong nhóm đối tượng được tuyên truyền	Chủ đề tuyên truyền, phổ biến kiến thức được xác định trên cơ sở đánh giá mối quan tâm của nam, nữ trong nhóm đối tượng được truyền thông.	- Xác định chủ đề/nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng khác nhau. - Tham vấn ý kiến của nam, nữ đối tượng được truyền thông về chủ đề/nội dung truyền thông
Xác định rõ đối tượng được truyền thông là nam, nữ hoặc cả nam và nữ căn cứ vào chủ đề.	Đối tượng nam, nữ hoặc cả nam và nữ được truyền thông về các chủ đề truyền thông	- Xác định rõ đối tượng được tuyên truyền là nam, nữ hay cả hai. - Khi xác định có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ trong nhóm đối tượng được truyền thông, có thể áp dụng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới tạm thời bằng cách qui định tỷ lệ nam nữ hoặc ưu tiên cho nhóm nam hoặc nhóm nữ tham gia nhiều hơn để đảm bảo giảm nhanh khoảng cách chênh lệch giữa nam và nữ trong tiếp cận thông tin.

Có thông điệp truyền thông chung cho cả nam và nữ, và có thông điệp truyền thông dành riêng cho nam hoặc cho nữ tùy theo chủ đề truyền thông.	Tùy theo chủ đề truyền thông, cần xác định rõ những thông điệp nào dành chung cho cả hai và những thông điệp nào cần tuyên truyền cho riêng nam hoặc riêng nữ (nếu có)	- Xác định rõ các thông điệp chính cần truyền thông cho cả nam và nữ và những thông điệp riêng cho nam hoặc nữ thuộc nhóm đối tượng đích của các hoạt động truyền thông. - Rà soát thông điệp và đảm bảo các thông điệp truyền thông không sử dụng ngôn từ, hình ảnh ủng hộ định kiến giới hoặc phân biệt đối xử về giới.
Sử dụng kênh/hình thức truyền thông phù hợp với mong đợi của nam, nữ trong nhóm đối tượng được truyền thông	Hình thức hay kênh truyền thông được sử dụng để tuyên truyền, phổ biến kiến thức được xác định trên cơ sở phù hợp với mong đợi của nam, nữ trong nhóm đối tượng đích	- Xác định các kênh/hình thức truyền thông phù hợp để truyền thông - Tham vấn ý kiến của nam, nữ trong nhóm đối tượng đích về kênh hay hình thức truyền thông.
Cán bộ truyền thông có kiến thức về giới	Cán bộ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền phải có kiến thức cơ bản về giới bao gồm các khái niệm về giới và kỹ năng lồng ghép giới trong các hoạt động truyền thông	- Khích lệ hoặc lựa chọn cán bộ tuyên truyền có kiến thức về giới liên quan đến chủ đề pháp luật được tuyên truyền.
Đảm bảo các điều kiện hậu cần phù hợp (thời gian, địa điểm, chỗ ăn nghỉ, đi lại..) đảm bảo cho nam, nữ có thể dễ dàng tham gia hoạt động truyền	Lựa chọn thời gian và địa điểm tổ chức truyền thông và cung cấp điều kiện hậu cần phù hợp (ăn, nghỉ, đi lại) cho đại biểu tham gia truyền thông để họ có thể dễ dàng	- Tham vấn ý kiến của nam, nữ trong nhóm đối tượng được truyền thông về thời gian và địa điểm phù hợp cho họ có thể tham gia. - Cân nhắc điều kiện ăn nghỉ, đi lại để nam, nữ đại biểu có thể dễ dàng tham gia.

thông.	tham gia.	

Khi tổ chức thực hiện truyền thông

Tiêu chí lồng ghép giới	**Mô tả về tiêu chí**	**Cách thức lồng ghép giới**
Nam, nữ hoặc cả hai được tham gia hoạt động tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật dựa theo theo nhu cầu.	Nam, nữ hoặc cả nam và nữ trong nhóm đối tượng đích được tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật theo nhu cầu.	- Xác định rõ đối tượng tham gia hoạt động truyền thông là nam, nữ hay cả hai dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu hoặc mối quan tâm của đối tượng hưởng lợi về nội dung tập huấn, hội thảo. - Quy định tỉ lệ nam, nữ tham gia khóa tập huấn, hội thảo tùy theo đặc thù của từng hoạt động. - Không cản trở nam, nữ tham gia hoạt động truyền thông vì lý do giới tính.
Nam, nữ được tham gia tích cực trong các hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục về pháp luật	Nam, nữ tham gia hoạt động truyền thông được khích lệ đóng góp ý kiến và trao đổi tích cực. Đảm bảo không có sự lấn át ý kiến giữa nam và nữ.	- Tuyên truyền viên/tư vấn viên cần tạo điều kiện để nam, nữ tham gia truyền thông có cơ hội bình đẳng tiếp cận với sản phẩm truyền thông hoặc chia sẻ thông tin, phát biểu, thảo luận trong các sự kiện truyền thông phổ biến pháp luật. - Có thể tách riêng nhóm nam, nữ để đảm bảo không có sự lấn át ý kiến giữa nam và nữ.
Tài liệu truyền thông không có định kiến giới và PBĐX về giới	Các tài liệu sử dụng trong các hoạt động truyền thông không sử dụng ngôn từ, hình ảnh mang định kiến giới hoặc ủng hộ cho việc phân biệt đối xử về giới.	- Rà soát các tài liệu sử dụng để tuyên truyền nhằm đảm bảo không sử dụng ngôn từ, hình ảnh mang định kiến giới hoặc phân biệt đối xử về giới.

Khi giám sát và đánh giá hoặc báo cáo kết quả hoạt động truyền thông

Tiêu chí lồng ghép giới	Mô tả về tiêu chí	Cách thức lồng ghép giới
Có chỉ số nhạy cảm giới để đo lường sự thay đổi của nam, nữ sau truyền thông	Có các chỉ số cụ thể để đo lường sự thay đổi của nam, nữ sau khi tham gia các hoạt động truyền thông (hay nói cách khác là có chỉ số nhạy cảm giới)	- Xây dựng và sử dụng phiếu đánh giá trước và sau hoạt động truyền thông nhằm đo lường các tác động tích cực và tiêu cực đối với cả nam và nữ trong nhóm đối tượng được truyền thông.
Báo cáo giám sát và đánh giá có mô tả những thay đổi về giới sau truyền thông	Báo cáo giám sát có mô tả các thay đổi của nam và nữ sau khi tham gia các hoạt động truyền thông và gợi ý những điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông cho nam, nữ trong nhóm đối tượng được truyền thông	- Đưa ra các kiến nghị cải thiện đối với những điểm hạn chế của hoạt động truyền thông bao gồm cả việc lồng ghép giới trong các hoạt động truyền thông tiếp theo

3.3.7. Bài tập thực hành lập kế hoạch truyền thông

Để tạo cơ hội cho học viên được thực hiện kỹ năng, người đào tạo có thể sử dụng bài tập thảo luận nhóm để thực hành kỹ năng lập kế hoạch truyền thông về bình đẳng giới.

Chia nhóm

Chia các thành viên tham gia thành các nhóm nhỏ tùy theo số lượng thực tế. Trung bình mỗi nhóm nên có từ 5-8 người tham gia. Mỗi nhóm nên có một người điều hành, một thư ký ghi chép kết quả thảo luận nhóm và một người đại diện trình bày kết quả thảo luận nhóm.

Thảo luận nhóm

Các nhóm thảo luận một số câu hỏi sau đây:

- Lựa chọn một nội dung truyền thông liên quan đến Dự án 8
- Xác định đối tượng được truyền thông

- Xác định mục đích và phương pháp truyền thông.
- Xác định thời gian và địa điểm truyền thông

Các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm.

3.3.7. Tài liệu tham khảo cho giảng viên

Tài liệu cần tham khảo

1. Quyết định số 1790/QĐ-TTg ngày 23/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030.https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=204342.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông (2014), Bộ chỉ số về giới trong truyền thông. https://www.academia.edu

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổ chức Hòa bình và Phát triển Tây Ban Nha (2015), Sổ tay truyền thông thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị.

4. Nguyễn Kim Lan, (2014), Bộ tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới dành cho các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực luật và tư pháp tại Việt Nam.https://csaga.org.vn/kiem-toan-xa-hoi-dua-tren-quyen-tre-em-ve-ke-hoach-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-tinh-dien-bien--cht1143.html

BÀI 4. LỒNG GHÉP GIỚI

4.1. Mục tiêu bài học

Sau bài học, học viên có thể:

- Hiểu rõ khái niệm, mục đích và nguyên tắc lồng ghép giới
- Cam kết thực hiện vai trò và nhiệm vụ lồng ghép giới của mình trong quá trình triển khai, giám sát và đánh giá Chương trình MTQG về DTTS&MN
- Làm gương, truyền cảm hứng tới đồng nghiệp và cán bộ cấp huyện - xã và cấp cộng đồng về cam kết lồng ghép giới trong Chương trình MTQG về DTTS&MN

4.2. Phân bổ nội dung chính, phương pháp và thời lượng

Nội dung chi tiết của bài học được phân bổ, với thời gian và phương pháp cụ thể như mô tả trong bảng dưới đây.

STT	Nội dung	Thời lượng (phút)	Phương pháp
1	Khởi động và giới thiệu bài học	10	Trò chơi khởi động, trình bày
2	Khái niệm lồng ghép giới, mục đích và nguyên tắc lồng ghép giới	40	Trình bày
3	Lồng ghép giới trong đào tạo, tập huấn	60	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
4	Thực hành lồng ghép giới trong tập huấn	40	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
	Tổng thời lượng bài học	**150**	

4.3. Nội dung bài giảng

4.3.1. Khái niệm lồng ghép giới

Lồng ghép giới là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. Đó là việc tính đến nhu cầu và mối quan tâm của nữ và nam trong quá trình xây dựng, thực hiện và kiểm tra, giám sát một chương trình hoặc chính sách cụ thể. Mục đích nhằm xóa bỏ các biểu hiện bất bình đẳng nam, nữ. Lồng ghép giới chính là việc đánh giá, xem xét cần làm gì cho nữ và nam ở mỗi hoạt động, mỗi đề án cụ thể ở tất cả các cấp.

Lồng ghép giới không phải là một mục tiêu mà là một chiến lược, một cách thức để đạt được mục tiêu bình đẳng giới. Mục tiêu cuối cùng của lồng ghép giới là để tạo ra những thay đổi tích cực trong các cấu trúc xã hội và thể chế vì một xã hội công bằng mà trong đó các lợi ích và quá trình ra quyết định không bị phân biệt đối xử đối với cả hai giới.

Lồng ghép giới không chỉ là biện pháp để đạt được bình đẳng giới, mà còn là phương tiện quan trọng để đạt được các mục tiêu khác như tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo bền vững, cải thiện giáo dục, bảo đảm an ninh, bảo vệ môi trường...

Mục đích của lồng ghép giới

- Giảm bất bình đẳng giới ở vùng DTTS và MN;
- Đảm bảo sự tác động tích cực của dự án đến đời sống của cả nam giới và phụ nữ người DTTS;
- Đáp ứng nhu cầu giống và khác nhau của nam giới và phụ nữ người DTTS
- Tạo điều kiện cho phụ nữ và nam giới có quyền ngang nhau trong việc tiếp cận và hưởng lợi từ dự án
- Tạo điều kiện cho nam và nữ tham gia bình đẳng trong quá trình ra quyết định

Nguyên tắc cần tuân thủ khi lồng ghép giới

Khi lồng ghép giới cần phải đảm bảo thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

- Tôn trọng các quyền con người của nam và nữ: các quyền của nam và nữ đã được công nhận trong hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế, do đó khi thực hiện lồng ghép giới cần tuân thủ đảm bảo các quyền này.
- Đảm bảo cho nam và nữ được tham gia bình đẳng vào các hoạt động. Không cản trở, hạn chế hoặc loại bỏ nam hoặc nữ tham gia các hoạt động can thiệp vì lý do giới tính, thể hiện giới hoặc xu hướng tình dục.
- Có thể sử dụng những biện pháp hay giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới tạm thời để tập trung hỗ trợ cho nhóm thiệt thòi (theo kết quả phân tích giới) và giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới tạm thời không bị coi là phân biệt đối xử về giới.
- Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm chung của tất cả các bên liên quan.

4.3.2. Lồng ghép giới trong hoạt động đào tạo, tập huấn

Mục đích lồng ghép giới

- Loại bỏ định kiến giới và phân biệt đối xử về giới đối với sự tham gia của phụ nữ trong các lớp tập huấn;
- Khích lệ sự tham gia tối đa của cả nam và nữ vào các lớp tập huấn;

Cách thức lồng ghép giới trong hoạt động tập huấn

Khi đánh giá nhu cầu đào tạo hoặc xây dựng chương trình tập huấn

Tiêu chí lồng ghép giới	**Mô tả về tiêu chí**	**Cách thức lồng ghép giới**
Nội dung tập huấn được xác định dựa vào nhu cầu của nam, nữ trong nhóm đối tượng hưởng lợi	Nội dung tập huấn đề ra đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm chung và riêng của nam và nữ trong nhóm đối tượng hưởng lợi.	-Xác định nhu cầu của nam và nữ về (1) kiến thức, 2) thái độ và (3) kỹ năng của nam và nữ trong nhóm đối tượng đích - Phân loại những nội dung kiến thức, thái độ và kỹ năng dành riêng cho nam hoặc dành riêng cho nữ để đáp ứng riêng.
Các vấn đề bất bình đẳng giới hoặc khía cạnh giới có liên quan đến nội dung tập huấn được xem xét đưa vào nội dung bài giảng	Các khía cạnh giới hoặc vấn đề bất bình đẳng giới liên quan đến nội dung tập huấn được xác định và giải quyết thông qua tập huấn.	- Xem xét các vấn đề bất bình đẳng giới liên quan đến nội dung tập huấn (ví dụ: bất bình đẳng trong: phân công lao động; ra quyết định, tiếp cận và kiểm soát nguồn lực; rào cản, thách thức…) - Đề ra giải pháp để giải quyết các vấn đề bất bình đẳng giới hoặc khía cạnh giới trong nội dung tập huấn.

Lập kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn

Tiêu chí lồng ghép giới	**Mô tả về tiêu chí**	**Cách thức lồng ghép giới**
Xác định rõ đối tượng tham gia tập huấn là nam, nữ hay cả hai căn cứ vào kết quả đánh giá nhu cầu	Kế hoạch tập huấn có mô tả rõ ràng đối tượng tham gia là nam hoặc nữ hay cả hai.	-Xác định đối tượng tham gia là nam, nữ hay cả hai căn cứ vào kết quả đánh giá nhu cầu về nội dung đào tạo.
Nội dung tập huấn đáp ứng nhu cầu ưu tiên của nam, nữ	Chủ đề hay nội dung tập huấn được xác định trên cơ sở đánh giá nhu cầu ưu tiên của nam, nữ trong nhóm đối	-Tham vấn ý kiến của nam, nữ trong nhóm đối tượng hưởng lợi về nội dung tập huấn mà họ quan tâm.

trong nhóm đối tượng hưởng lợi.	tượng hưởng lợi.	- Xác định các nội dung tập huấn đáp ứng nhu cầu của nam, nữ hoặc cả hai.
Phương pháp sử dụng trong tập huấn đảm bảo khích lệ sự tham gia tích cực của cả nam, nữ	Các phương pháp sử dụng trong các lớp tập huấn giúp phát huy sự tham gia tích cực của cả nam và nữ.	- Xác định các phương pháp sẽ sử dụng trong tập huấn, - Các phương pháp sử dụng giúp phát huy sự tham gia tích cực của cả nam và nữ. - Đề xuất tách riêng nhóm nam, nữ để đảm bảo không có sự áp đảo ý kiến giữa hai nhóm trong quá trình thảo luận.
Lựa chọn thời gian và địa điểm tổ chức tập huấn phù hợp đảm bảo nam, nữ có thể dễ dàng tham gia.	Lựa chọn thời điểm, thời lượng và địa điểm tổ chức tập huấn phù hợp trên cơ sở tham vấn ý kiến của nam, nữ trong nhóm đối tượng hưởng lợi để đảm bảo họ có thể tham gia.	- Tham vấn ý kiến của nam, nữ đối tượng hưởng lợi về thời gian và địa điểm phù hợp cho họ có thể tham gia.
Giảng viên có kiến thức về giới và cách thức lồng ghép giới trong tập huấn	Giảng viên tập huấn có kiến thức về các vấn đề bất bình đẳng giới liên quan nội dung tập huấn. Đồng thời, người điều hành và tập huấn phải có kỹ năng thu hút sự tham gia của nam và nữ trong tập huấn	- Đưa yêu cầu người điều hành cần có kiến thức về vấn đề bất bình đẳng giới liên quan đến chủ đề tập huấn. - Tùy theo chủ đề có thể yêu cầu người điều hành phải có kinh nghiệm lồng ghép giới trong tổ chức tập huấn

Khi thực hiện các khóa tập huấn

Tiêu chí lồng ghép giới	**Mô tả về tiêu chí**	**Cách thức lồng ghép giới**
Nam, nữ hoặc cả hai được tham gia đào tạo dựa theo theo nhu	Nam, nữ hoặc cả hai trong nhóm đối tượng hưởng lợi được tham gia các khóa đào tạo, theo nhu cầu. Không có	- Xác định rõ đối tượng tham gia tập huấn là nam, nữ hay cả hai dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu hoặc mối quan tâm của

cầu.	tình trạng cản trở nam, nữ tham gia tập huấn vì lý do giới tính. Có thể sử dụng biện pháp quy định tỉ lệ nam nữ tham gia khi thấy có sự chênh lệch lớn giữa nam, nữ tham gia các khóa tập huấn tương tự	đối tượng hưởng lợi về nội dung tập huấn. - Quy định tỉ lệ nam, nữ tham gia khóa tập huấn, tùy theo đặc thù của từng hoạt động.
Đảm bảo các điều kiện hậu cần phù hợp (thời gian, địa điểm, chỗ ăn nghỉ, đi lại..) đảm bảo cho nam, nữ có thể dễ dàng tham gia.	Tổ chức lớp tập huấn theo thời gian và địa điểm phù hợp để cả nam và nữ có thể tham gia, và cung cấp điều kiện hậu cần phù hợp (ăn, nghỉ, đi lại) cho đại biểu tham gia tập huấn một cách dễ dàng.	- Tham vấn ý kiến của nam, nữ đối tượng hưởng lợi về thời gian và địa điểm phù hợp cho họ có thể tham gia. - Cân nhắc điều kiện ăn nghỉ, đi lại để nam, nữ đại biểu có thể dễ dàng tham gia.
Tài liệu tập huấn không sử dụng ngôn từ, hình ảnh có định kiến giới.	Các tài liệu sử dụng tập huấn không sư dụng ngôn từ hay hình ảnh có định kiến giới hoặc ủng hộ định kiến giới hoặc PBĐX trên cơ sở giới.	- Rà soát các tài liệu sử dụng trong tập huấn và tọa đàm nhằm đảm bảo các tài liệu này không sử dụng ngôn từ và hình ảnh ủng họ cho các định kiến giới.
Người điều hành sử dụng những phương pháp khác nhau để khích lệ sự tham gia tối đa của nam, nữ đại biểu	Các phương pháp sử dụng trong lớp tập huấn, tọa đàm giúp khích lệ sự tham gia tối đa của nam, nữ đại biểu	- Sử dụng các biện pháp khác nhau để khích lệ sự tham gia của cả nam và nữ (khi có sự tham gia của cả hai) tham gia đóng góp ý kiến. - Tách riêng nhóm nam và nhóm nữ khi nhận thấy có sự áp đảo ý kiến giữa hai nhóm. - Khi tập huấn người điều hành không sử dụng ngôn từ, hình ảnh hoặc có cử chỉ, thái độ và hành vi ủng hộ cho các định

		kiến giới hoặc PBĐX về giới. - Người tập huấn cần kịp thời thúc đẩy các tranh luận liên quan đến các vấn đề giới hoặc các định kiến giới liên quan đến chủ tập huấn hoặc tọa đàm nếu nhận thấy mối quan tâm của các tham dự viên, mặc dù nội dung điều hành này không có trong kế hoạch. - Trong các kết luận của cán bộ tập huấn cần đảm bảo sẽ đề cập đến các vấn đề giới liên quan đã được thảo luận trước đó, cũng như các hành động cần tiến hành nhằm thúc đẩy bình đẳng giới

Giám sát, đánh giá và báo cáo hoạt động tập huấn

Tiêu chí lồng ghép giới	**Mô tả về tiêu chí**	**Cách thức lồng ghép giới**
Có bản đánh giá trước và sau hoạt động tập huấn nhằm đánh giá mức độ đạt được kết quả hoạt động tập huấn so với mục đích, mục tiêu đã đề ra.	Các lớp tập huấn có đánh giá trước và sau tập huấn để đo lường sự thay đổi Các kết quả đánh giá đều được tách biệt theo giới tính người tham dự	- Xây dựng bản đánh giá trước và sau hoạt động nhằm đánh giá mức độ đạt được của hoạt động so với mục đích, mục tiêu đã đề ra. - Mô tả kết quả đánh giá được mô tả tách biệt theo giới tính. Ví dụ: đánh giá sự thay đổi về nhận thức và hành vi của tham dự viên nam và nữ liên quan đến cả các vấn đề giới và chủ đề tập huấn. - Với các điểm chưa đạt được như kế hoạch sẽ cần rút kinh nghiệm cho các hoạt động sau. - Kịp thời đưa ra giải pháp khích lệ hoặc tạo điều kiện cho nam hoặc nữ

		tham dự viên khi phát hiện nhóm nam hoặc nữ chưa tham gia tích cực vào các nội dung thảo luận trong lớp tập huấn.
Báo cáo tập huấn có mô tả kết quả được phân tách theo giới	Báo cáo kết quả hoạt động tập huấn, có mô tả những kết quả đạt được và có phân tách theo giới tính; bao gồm các khuyến nghị liên quan đến lồng ghép giới.	- Mô tả các kết quả đạt được bởi tập huấn và phân tách theo giới tính - Báo cáo có các khuyến nghị liên quan đến lồng ghép giới trong các hoạt động tập huấn.

4.3.3. Thực hành lồng ghép giới trong tập huấn, đào tạo

Để nâng cao kỹ năng thực hành lồng ghép giới trong tập huấn, giảng viên có thể sử dụng hình thức thảo luận nhóm dưới đây.

Chia nhóm

Tùy theo số lượng người tham gia, người đào tạo có thể được chia thành các nhóm nhỏ. Mỗi nhóm cử ra một người làm người điều hành, một người làm thư ký và một người báo cáo kết quả thảo luận nhóm.

Thảo luận nhóm

Các thành viên trong mỗi nhóm sẽ thảo luận về bảng kiểm dưới đây

STT	Tiêu chí	Có	Không
1	Nội dung tập huấn được xác định dựa vào nhu cầu của nam, nữ trong nhóm đối tượng hưởng lợi		
2	Các vấn đề bất bình đẳng giới hoặc khía cạnh giới có liên quan đến nội dung tập huấn được xem xét đưa vào nội dung bài giảng		
3	Xác định rõ đối tượng tham gia tập huấn là nam, nữ hay cả hai căn cứ vào kết quả đánh giá nhu cầu		
4	Nội dung tập huấn đáp ứng nhu cầu ưu tiên của nam, nữ trong nhóm đối tượng hưởng lợi.		
5	Phương pháp sử dụng trong tập huấn đảm bảo khích lệ sự tham gia tích cực của cả nam, nữ		
6	Lựa chọn thời gian và địa điểm tổ chức tập huấn phù hợp đảm bảo nam, nữ có thể dễ dàng tham gia.		
7	Giảng viên có kiến thức về giới và cách thức lồng ghép giới		

	trong tập huấn		
8	Nam, nữ hoặc cả hai được tham gia đào tạo dựa theo theo nhu cầu.		
9	Đảm bảo các điều kiện hậu cần phù hợp (thời gian, địa điểm, chỗ ăn nghỉ, đi lại..) đảm bảo cho nam, nữ có thể dễ dàng tham gia.		
10	Tài liệu tập huấn không sử dụng ngôn từ, hình ảnh có định kiến giới.		
11	Người điều hành sử dụng những phương pháp khác nhau để khích lệ sự tham gia tối đa của nam, nữ đại biểu		
12	Có bản đánh giá trước và sau hoạt động tập huấn nhằm đánh giá mức độ đạt được kết quả hoạt động tập huấn so với mục đích, mục tiêu đã đề ra.		
13	Báo cáo tập huấn có mô tả kết quả được phân tách theo giới		

Tài liệu tham khảo cho giảng viên

1. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban Dân tộc, (2019), Để phụ nữ DTTS không bị bỏ lại phía sau.

2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, (2020), Thúc đẩy lồng ghép giới trong Chương trình MTQG về phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN

3. Tổng cục Thống kê, Ủy ban dân tộc (2019), Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019.

4. UNFPA và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, (2019) Báo cáo rà soát 10 năm thực hiện Luật Bình đẳng giới.

5. Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho phụ nữ (UN Women) tại Việt Nam, Vụ Bình đẳng giới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, DFAT, (2020), Báo cáo rà soát tình hình thực hiện Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới, giai đoạn 2011-2020.

6. Dự án JPP-JIFF (2014), Bộ tài liệu hướng dẫn lồng ghép giới dành cho các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực luật và tư pháp tại Việt Nam.

BÀI 5. NGÂN SÁCH CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

5.1. Mục tiêu

Sau bài học, học viên có thể:

- Hiểu rõ bản chất của lập ngân sách có trách nhiệm giới

- Biết cách vận dụng kỹ năng lập ngân sách có trách nhiệm giới trong quá trình lập kế hoạch, thực hiện, giám sát ngân sách

5.2. Phân bổ nội dung, thời lượng và phương pháp tập huấn

Các nội dung của bài học được phân bổ theo thời lượng và phương pháp cụ thể như mô tả trong bảng dưới đây.

STT	Nội dung	Thời lượng (phút)	Phương pháp tập huấn
1	Khởi động và giới thiệu bài học	10	Trò chơi, trình bày
2	Khái niệm ngân sách có trách nhiệm giới	30	Thảo luận chung; trình bày
3	Mục đích lập ngân sách có trách nhiệm giới	30	Thảo luận chung, trình bày
2	Thực hành sử dụng bảng kiểm lập ngân sách có trách nhiệm giới	30	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
	Tổng thời lượng	**100**	

5.3. Nội dung bài giảng

5.3.1. Khái niệm ngân sách có trách nhiệm

Lập ngân sách có trách nhiệm giới là quá trình lập kế hoạch, phê chuẩn, thực hiện, giám sát và kiểm soát chi ngân sách có tính đến các mối quan tâm về giới và kết hợp phân tích giới[25]. Cụ thể bao gồm việc phân tích tác động giới của chính sách và ngân sách, lồng ghép các vấn đề giới vào quá trình quyết định ngân sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới.

Ngân sách có trách nhiệm giới đảm bảo ngân sách nhà nước đáp ứng nhu cầu của cả nam và nữ, dựa trên những hiểu biết từ:

- Phân tích và xác định các khoảng cách về giới;

- Phân tích tác động về bình đẳng giới qua thu và sử dụng thuế;

[25] UN Women, Ngân sách có trách nhiệm giới trong hoạt động thẩm tra và giám sát thực hiện ngân sách của Hội đồng nhân dân, (2019), https://vietnam.un.org/sites/default/files/2019-06/GRB-VIE-FINAL-COMPRESSED.pdf#:~:text=T%C3%A0i%20li%E1%BB%87u%20H%C6%B0%E1%BB%9Bng%20d%E1%BA%ABn%20Ng%C3%A2n%20s%C3%A1ch%20c%C3%B3%20tr%C3%A1ch,v%C3%A0%20Trao%20quy%E1%BB%81n%20cho%20ph%E1%BB%A5%20n%E1%BB%AF%20%28UN%20Women%29.

- Đánh giá khoảng cách giữa chính sách và phân bổ ngân sách trong thực tế để thực hiện chính sách đó.

Ngân sách có trách nhiệm giới KHÔNG PHẢI là:

- Không phải là ngân sách bố trí cho hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ và chương trình quốc gia bình đẳng giới.

- Không có nghĩa là ngân sách tách biệt dành riêng cho phụ nữ.

- Không phải là các khoản chi giống hệt nhau cho nam và nữ (50-50).

5.3.2. Mục đích lập ngân sách có trách nhiệm giới

Mục đích của lập ngân sách có trách nhiệm giới nhằm:

1) Thay đổi cơ cấu phân bổ ngân sách và chính sách để mọi nguồn lực xã hội được sử dụng theo hướng thúc đẩy bình đẳng giới;

(2) Xem xét tác động kinh tế và xã hội của ngân sách đối với phụ nữ và nam giới để điều chỉnh việc phân bổ một cách phù hợp.

5.3.3. Sử dụng bảng kiểm ngân sách có trách nhiệm giới

Để đảm bảo quá trình lập dự toán ngân sách và chấp hành ngân sách có trách nhiệm giới, bảng kiểm dưới đây có thể được sử dụng. Các câu trả lời "có" và "không" sẽ giúp nhận biết rõ hơn các yếu tố giới đã được lồng ghép như thế nào trong quá trình lập ngân sách và chấp hành ngân sách.

Bảng 5: Bảng kiểm về giới đối với ngân sách của dự án

Tiêu chí	Có	Không
Lập Dự toán ngân sách		
Có nhiệm vụ hoặc hoạt động nhằm thúc đẩy bình đẳng giới hoặc giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới đã được xác định thông qua phân tích giới		
Mô tả kết quả hoặc tác động cụ thể đối với nữ và nam mà các tiểu dự án và chương trình muốn đạt được		
Dự kiến về mức độ và chất lượng tham gia (tiếng nói, quyền ra quyết định) của nam và nữ trong các hoạt động dự án		
Có ngân sách dự toán phân bổ cho các hoạt động hướng tới thúc đẩy bình đẳng giới (sự tham gia của nữ) hoặc có ưu tiên về ngân sách cho việc thúc đẩy bình đẳng giới		
Các hoạt động đã xác định được các kết quả cụ thể về bình đẳng giới và làm rõ ngân sách cho các hoạt động này trên tổng ngân sách cho tiểu dự án nói chung		
Trong dự toán, có xem xét ngân sách dành riêng hỗ trợ		

nhóm nghèo nhất, ví dụ nhóm sản xuất/chăn nuôi dành riêng cho nữ		
Chấp hành ngân sách		
Ngân sách cho các hoạt động của dự án được sử dụng đúng mục đích nhằm thúc đẩy bình đẳng giới		
Hệ thống các chỉ số giám sát, theo dõi việc thực hiện dự án có bao gồm các chỉ số về giới và cách bổ sung nếu chưa bao gồm		
Có các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo dự án thực hiện đúng theo dự toán ngân sách được giao, bao gồm hướng tới thúc đẩy bình đẳng giới và cách khắc phục nếu chưa có.		
Dự án có xây dựng được hệ thống thống kê số liệu tách biệt theo giới tính về người hưởng lợi, mức độ tham gia, tiếp cận các nguồn lực (vốn, vật tư sản xuất…)		
Có cần điều chỉnh dự toán ngân sách để đảm bảo việc lồng ghép giới được thực hiện có hiệu quả		
Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự án có phân tích các kết quả về bình đẳng giới (bao gồm số liệu có tách biệt theo giới tính) và cách bổ sung nếu chưa bao gồm		
Mức độ phân bổ ngân sách trong thực tế đáp ứng được các hoạt động về lồng ghép giới		

5.3.4. Thực hành lập ngân sách có trách nhiệm giới

- Truyền thông về lập ngân sách có trách nhiệm giới

Để giúp người học có thể ứng dụng kiến thức vào thực tiễn, bài tập theo nhóm có thể được sử dụng như sau:

Chia nhóm thảo luận

Tùy theo số lượng người tham gia, có thể chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 5-8 người. Mỗi nhóm cử ra một người điều hành, một thư ký ghi chép kết quả thảo luận nhóm và một người trình bày kết quả thảo luận nhóm.

Thảo luận nhóm

Các thành viên trong mỗi nhóm sẽ thảo luận một số câu hỏi sau đây:

- Khi thực hiện lập ngân sách cho một chương trình hoặc hoạt động tại địa phương, các anh chị thường lưu ý tới những vấn đề gì?

- Đưa một chương trình/hoạt động cụ thể tại địa phương và chỉ ra ngân sách có trách nhiệm giới ở đó là gì?

- Nếu cân nhắc đến sự khác biệt giữa nam và nữ giới theo thông tin đã có từ phân tích giới, việc lập kế hoạch ngân sách sẽ thay đổi như thế nào?

Sau đó, đại diện của mỗi nhóm được mời lên trình bày và các nhóm khác đóng góp ý kiến bổ sung.

5.3.5. Tài liệu tham khảo cho giảng viên

1. UN Women, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Kinh tế, Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2019), Tài liệu hướng dẫn Ngân sách có trách nhiệm giới trong hoạt động thẩm tra và giám sát thực hiện ngân sách của Hội đồng nhân dân.- https://vietnam.un.org/vi/4115-tai-lieu-huong-dan-ve-lap-ngan-sach-co-trach-nhiem-gioi-trong-hoat-dong-tham-tra-va-giam-sat

2. UN Women, Ngân sách có trách nhiệm giới, những câu hỏi thường gặp (2019),-https://vietnam.un.org/vi/13983-ngan-sach-co-trach-nhiem-gioi-nhung-cau-hoi-tung-gap

BÀI 6. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THÚC ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI

6.1. Mục tiêu bài học

Sau khóa học, học viên có thể:

- Nắm chắc mục đích và nguyên tắc cần sử dụng khi xây dựng kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới;

- Xây dựng được kế hoạch hành động thúc đẩy bình đẳng giới giới theo chuyên đề (lựa chọn chuyên đề theo lĩnh vực, vị trí công tác và tình hình thực tế tại địa phương).

6.1. Phân bổ nội dung, thời lượng và phương pháp

Các nội dung của bài học được phân bổ theo thời lượng và phương pháp cụ thể dưới đây.

STT	Nội dung	Thời lượng (phút)	Phương pháp
1	Mục đích xây dựng kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới	20	Thuyết trình
2	Các nguyên tắc cần tuân thủ khi lập kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới	30	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
3	Các bước thực hiện xây dựng kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới	30	Thảo luận nhóm nhỏ, trình bày
4	Thực hành xây dựng kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới và góp ý chỉnh sửa/bổ sung	60	Thuyết trình, thảo luận toàn thể
	Tổng thời lượng bài giảng	**140**	

6.3. Nội dung bài giảng

6.3.1. Kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới

Kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới là bản mô tả về những ý tưởng thúc đẩy bình đẳng giới ở cấp cơ ở do cán bộ cơ sở thực hiện.

Mục đích của kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới nhằm thực hiện các hoạt động truyền thông thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi của nam và nữ người dân

tộc thiểu số về bình đẳng giới, bằng cách phá bỏ khuôn mẫu giới, định kiến giới và sự phân biệt đối xử về giới hoặc thực hiện các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết các vấn đề bất bình đẳng giới đang xảy ra ở tại địa phương.

6.3.2. Các nguyên tắc cần tuân thủ khi lập kế hoạch

Đảm bảo có sự tham gia: khi xây dựng kế hoạch hoạt động cần huy động sự tham gia của các bên liên quan ở cấp cơ sở để có thể tận dụng được tối đa nguồn nhân lực của địa phương.

Lồng ghép trong các hoạt động hiện có: các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới nên được lồng ghép vào các hoạt động hiện có của các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương để tiết kiệm thời gian và nguồn lực cũng như tăng cường hiệu quả các hoạt động.

Đảm bảo sự tham gia của cả nam và nữ: khi thực hiện các hoạt động thúc đẩy bình đẳng giới cần chú ý huy động sự tham gia của cả nam và nữ người DTTS vào các hoạt động.

Đảm bảo linh hoạt và khả thi: tùy theo tình hình thực tế ở địa phương để xác định các vấn đề giới cần đưa vào kế hoạch can thiệp cho phù hợp và đảm bảo đưa ra kế hoạch khả thi về nguồn lực và vấn đề giới cần giải quyết.

6.3.3. Các bước lập kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới

Để lập kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới, người lập kế hoạch cần thực hiện theo các bước sau đây

Xác định chủ đề bình đẳng giới

Cần xác định rõ kế hoạch hướng đến giải quyết vấn đề bình đẳng giới nào tại địa phương. Các vấn đề bất bình đẳng giới có thể được xác định dựa vào kinh nghiệm thực tế hoặc dựa vào kết qủa tham vấn ý kiến của người dân. Các chủ đề thúc đẩy bình đẳng giới có thể cân nhắc đưa vào kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới bao gồm:

- Chia sẻ việc nhà
- Tảo hôn và hôn nhân cận huyết
- Phòng chống buôn bán người
- Vai trò kinh tế của phụ nữ
- Vai trò lãnh đạo quản lý của phụ nữ
- Phòng chống xâm hại tình dục trẻ em
- Phòng chống bạo lực gia đình

Xác định đối tượng đích của bản kế hoạch

Tùy theo từng chủ đề, người lập kế hoạch cần chỉ rõ ai là đối tượng đích mà bản kế hoạch hướng tới. Nói cách khác ai là đối tượng mà bản kế hoạch nhắm tới và tạo ra sự thay đổi về nhận thức, thái độ và hành vi liên quan đến bình đẳng giới khi triển khai kế hoạch. Tuy nhiên, đối tượng đích của kế hoạch bình đẳng giới là nam và nữ người DTTS ở tại các thôn bản nơi triển khai thực hiện kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới.

Xác định mục tiêu và kết quả mong đợi của kế hoạch

Sau khi xác định rõ được chủ đề, người lập kế hoạch cần xác định rõ mục tiêu và kết quả mong đợi cần đạt được khi triển khai thực hiện kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới. Các mục tiêu và kết quả mong đợi có thể bao gồm:

- Về kiến thức/nhận thức: xác định thông tin hoặc kiến thức nào cần thay đổi hoặc đối tượng đích cần có được sau khi tham gia kế hoạch.
- Về thái độ: xác định đối tượng đích cần thay đổi thái độ gì sau khi tham gia kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới.
- Về hành vi: xác định những hành vi nào mà đối tượng đích

Tùy theo từng vấn đề giới được xác định giải quyết thông qua kế hoạch này, người xây dựng kế hoạch xác định rõ các mục tiêu và kết quả mong đợi cần đạt được liên quan đến kiến thức, thái độ và hành vi.

Xác định thời gian và địa điểm

Người xây dựng kế hoạch cần xác định rõ thời gian thực hiện kế hoạch sẽ được triển khai trong khoảng thời gian bao lâu. Đồng thời xác định địa điểm triển khai thực hiện kế hoạch ở đâu. Địa điểm thực hiện kế hoạch bao gồm phạm vi (cấp thôn, liên thôn hoặc cấp xã) và không gian thực hiện (trực tiếp hay gián tiếp).

Xác định các hoạt động cần thực hiện

Tùy theo từng vấn đề bất bình đẳng giới đã chọn và căn cứ vào mục tiêu, kết quả mong đợi của bản kế hoạch, người xây dựng kế hoạch cần xác định được những hoạt động sẽ được triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu và kết quả mong đợi đề ra. Các hoạt động có thể xem xét triển khai thực hiện bao gồm:

- Truyền thông
- Tập huấn
- Tọa đàm
- Nói chuyện chuyên đề
- Cuộc thi

Qui mô hoạt động được xác định tùy thuộc vào nguồn lực tài chính và nhân lực hiện có, tránh đề ra các hoạt động không khả thi.

Xác định vai trò và trách nhiệm của từng bên

Căn cứ vào các hoạt động đã xác định, người thực hiện kế hoạch cần xác định và làm rõ vai trò và trách nhiệm của từng bên liên quan khi triển khai thực hiện các hoạt động đó dựa trên nguyên tắc phát huy tối đa kinh nghiệm chuyên môn và nguồn lực sẵn có. Các bên liên quan có thể tham gia ở cấp xã, thôn bản có thể bao gồm:

- Hội liên hiệp phụ nữ cấp xã/Chi hội phụ nữ thôn
- Cán bộ LĐTBXH cấp xã
- Cán bộ văn hóa xã
- Cán bộ Hội nông dân cấp xã
- Trạm y tế xã
- Giáo viên các trường Trung học cơ sở và tiểu học trên địa bàn

Ngoài ra, đối với những hoạt động cần có sự tham gia của cấp cao hơn khi triển khai thực hiện kế hoạch, người lập kế hoạch cần xác định và đề xuất đưa vào bản kế hoạch để có biện pháp huy động sự tham gia.

6.3.4. Thực hành xây dựng kế hoạch thúc đẩy bình đẳng

Để giúp học viên có thêm kiến thức và kỹ năng về lập kế hoạch thúc đẩy bình đẳng giới, giảng viên có thể sử dụng bài tập thực hành theo nhóm dưới đây.

Chia nhóm

Tùy theo số lượng người tham gia, giảng viên có thể chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 5-8 người. Các nhóm của ra một người điều hành thảo luận, một thư ký và một người đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.

Thảo luận nhóm

Giảng viên dành thời gian cho mọi người thảo luận và xây dựng kế hoạch hành động thúc đẩy bình đẳng giới của nhóm bằng cách trả lời một số câu hỏi sau đây:

1. Vấn đề giới muốn giải quyết trong bản kế hoạch là gì?
2. Đối tượng đích của bản kế hoạch là ai?
3. Mục tiêu và kết quả mong đợi cần đạt được là gì
4. Các hoạt động cần thực hiện là gì?
5. Thời gian và địa điểm tổ chức hoạt động đó?
6. Người chịu trách nhiệm thực hiện

Kết quả thảo luận nhóm được trình bày vào bảng sau đây

Vấn đề giới được giải	Mục tiêu và kết qủa	Đối tượng đích	Các hoạt động sẽ	Thời gian và địa điểm	Người chịu trách nhiệm

quyết	mong đợi		thực hiện		
1.					
2					
3.					
4.					

Trình bày kết quả thảo luận nhóm

Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận, sau mỗi nhóm trình bày, các thành viên trong nhóm và các nhóm khác có thể bổ sung, góp ý hoàn thiện bản kế hoạch của nhóm. Giảng viên đưa ra nhận xét và điều chỉnh góp ý cho bản kế hoạch.

PHỤ LỤC 1: QUY ĐỊNH CỦA LUẬT PHÁP QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Một số công ước và cam kết quốc tế

Quyền bình đẳng giữa nam và nữ đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận và thực hiện từ hàng thập kỷ nay. **Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền** là tuyên ngôn về các quyền cơ bản của con người được Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 10 tháng 12 năm 1948. Trong đó liệt kê các quyền cơ bản mà mọi cá nhân, được hưởng, không phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay tất cả quan điểm khác, quốc tịch hay nguồn gốc xã hội, tài sản, nơi sinh, hay tất cả những hoàn cảnh khác (điều 2).

Năm 1966, Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua hai Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa và Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị. Hai công ước khẳng định rằng việc công nhận những phẩm giá vốn có và quyền bình đẳng của mọi thành viên trong cộng đồng nhân loại là nền tảng cho tự do, công lý và hoà bình trên thế giới. Do vậy, các quốc gia hội viên có trách nhiệm công nhận các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, dân sự và Chính trị của mọi cá nhân.

Công ước Loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) năm 1979 là Công ước quốc tế quan trọng nhất về các quyền dành cho phụ nữ, trong đó có yêu cầu các quốc gia thành viên cam kết đảm bảo phụ nữ và nam giới có các cơ hội bình đẳng về quyền dân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội. Các bên thoả thuận đưa nguyên tắc bình đẳng nam nữ vào hiến pháp quốc gia và/hoặc vào việc xây dựng luật pháp thích hợp khác. Công ước buộc các bên áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ ở các vùng nông thôn để đảm bảo bình đẳng giữa nam và nữ và hưởng lợi bình đẳng từ "sự phát triển nông thôn" và "trong các hoạt động cộng đồng".

Tiếp đó năm 1995, Cương lĩnh hành động Bắc Kinh ra đời là kết quả của Hội nghị Phụ nữ thế giới lần thứ 4 tại Bắc Kinh, Trung Quốc, trong đó 189 quốc gia cam kết thực hiện 12 lĩnh vực trọng tâm vì sự tiến bộ của phụ nữ trong đó có lĩnh vực về "Phụ nữ và môi trường" đảm bảo sự tham gia tích cực của phụ nữ trong quá trình ra quyết định về môi trường; lồng ghép các mối quan tâm về giới vào các chính sách và các chương trình phát triển bền vững cũng như tăng cường hoặc thiết lập cơ chế ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế để đánh giá ảnh hưởng của các chính sách phát triển và môi trường đến phụ nữ.

Năm 2000, tại Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ,189 quốc gia thành viên của LHQ ký Tuyên bố Thiên niên kỷ thể hiện cam kết về một sự hợp tác toàn cầu mới về xóa nghèo đói, phát triển và bảo vệ môi trường gồm 8 mục tiêu phấn đấu đạt được vào năm 2015. Trong đó, việc khuyến khích thúc đẩy bình đẳng giữa các giới và trao quyền cho phụ nữ như là phương tiện để chống nghèo đói và bệnh tật, cũng như thúc đẩy phát triển bền vững thực chất. Các Mục tiêu thiên niên kỷ quan tâm đặc biệt đến bình đẳng giới trong an ninh môi trường, thể hiện qua các mục tiêu như xoá đói giảm nghèo (Mục tiêu 1), bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (mục tiêu 3) và tính bền vững về môi trường (Mục tiêu 7).

Năm 2015, Đại hội đồng LHQ đã thông qua Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và các mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) bao gồm 17 mục tiêu, được xác định bởi 169 mục tiêu cụ thể và 232 chỉ tiêu nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở mỗi quốc gia thành viên Liên Hợp quốc (LHQ). Trong đó, mục tiêu 5 là về bình đẳng giới gồm có 6 chỉ tiêu cụ thể: 1) Chấm dứt phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái; 2) Xóa bỏ mọi hình thức bạo lực đối với tất cả phụ nữ và trẻ em gái; 3) Xóa bỏ các tập tục có hại; 4) Công nhận việc chăm sóc và việc nhà không được trả công và khuyến khích chia sẻ trách nhiệm trong gia đình; 5) Đảm bảo phụ nữ tham gia đầy đủ, hiệu quả và có các cơ hội bình đẳng để nắm giữ các vị trí lãnh đạo ở tất cả các cấp ra quyết định về chính trị, kinh tế và trong cuộc sống; và 6) Đảm bảo tiếp cận phổ quát với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe và quyền tình dục, sinh sản.

2. Pháp luật Việt Nam về Bình đẳng giới

Chính phủ Việt Nam đã khẳng định quyền bình đẳng nam nữ cho mọi công dân Việt Nam ngay từ Bản Tuyên Ngôn thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945. Hiến pháp Việt Nam luôn đảm bảo bình đẳng giữa nam và nữ. Điều 9 - Hiến pháp đầu tiên của nước ta năm 1946 quy định: "Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện". Hiến pháp hiện hành (sửa đổi 2013) quy định tại điều 26: "1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; 2. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; 3. Nghiêm cấp phân biệt đối xử về giới"

Năm 1982, Chính phủ Việt Nam phê chuẩn Công ước CEDAW cam kết đảm bảo phụ nữ và nam giới có các cơ hội bình đẳng về quyền dân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội.

Năm 2006 Luật bình đẳng giới được thông qua và có hiệu lực vào tháng 7/2007 theo sáng kiến của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Điều này thể hiện quyết tâm của Nhà nước và ý chí của toàn dân về vấn đề thúc đẩy bình đẳng giới và thực hiện quyền phụ nữ. Luật đã khẳng định mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Luật có 6 chương và 44 điều với nội dung về bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội,gia đình gồm: Chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, gia đình. Luật cũng quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới gồm: Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, Bảo đảm các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Thẩm tra lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, Thông tin, giáo dục, truyền thông về giới và bình đẳng giới, Nguồn tài chính cho hoạt động bình đẳng giới. Luật cũng quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân trong thực hiện vào bảo đảm bình đẳng giới. Các văn bản hướng dẫn thực hiện luật cũng đưa ra các yêu cầu và hướng dẫn cụ thể cho các bộ và cơ quan các cấp lồng ghép vấn đề giới vào chương trình hoạt động cụ thể của bộ/ngành/địa phương mình.

Luật Phòng chống bạo lực gia đình được thông qua năm 2007 được Uỷ ban các vấn đề xã hội của Quốc hội xây dựng. Luật quy định về phòng ngừa bạo lực gia đình, bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình và xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên, vấn đề bạo lực gia đình vẫn nghiêm trọng và các biện pháp hiện có chưa đủ để giải quyết vấn đề nan giải này.

Việt Nam cũng đã xây dựng Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến năm 2010 và Quy hoạch Phát triển Kinh tế -Xã hội giai đoạn 2006-2010 và các giai đoạn sau đều thừa nhận bình đẳng giới là một ưu tiên. Chiến lược và Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ giai đoạn đến năm 2010, 2015, Chiến lược bình đẳng giới từ năm 2015-2020.

Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 mới được Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 với mục tiêu tổng quát: “Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống

xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước". Các mục tiêu cụ thể của chiến lược gồm:

+ Lĩnh vực chính trị, đến năm 2025 đạt 60% và đến năm 2030 đạt 75% các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ;

+ Lĩnh vực kinh tế, lao động, tăng tỉ lệ lao động nữ làm công hưởng lương lên đạt 50% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030; giảm tỉ trọng lao động nữ làm việc trong khu vực nông nghiệp trong tổng số lao động nữ có việc làm xuống dưới 30% vào năm 2025 và dưới 25% vào năm 2030…

+ Lĩnh vực đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới: giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới; đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản...

+ Lĩnh vực y tế, tỷ số giới tính khi sinh đạt mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2025 và 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống vào năm 2030; tỉ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản giảm còn 42/100.000 trẻ sinh sống vào năm 2025 và xuống dưới 42/100.000 vào năm 2030...

+ Lĩnh vực giáo dục, nội dung về giới, bình đẳng giới được đưa vào chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân và được giảng dạy chính thức ở các trường sư phạm từ năm 2025 trở đi; tỉ lệ trẻ em trai và trẻ gái

Tài liệu tham khảo

1. Liên hợp Quốc (1979), Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Truy cập tại https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-ve-xoa-bo-moi-hinh-thuc-phan-biet-doi-xu-chong-lai-phu-nu-1979-269872.aspx

2. Liên hợp Quốc, Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp quốc. Truy cập tại: https://vietnam.un.org/vi/sdgs

3. Quốc hội (2006), Luật bình đẳng giới, năm 2006 của Việt Nam Truy cập tại https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Binh-dang-gioi-2006-73-2006-QH11-15866.aspx

4. Chính phủ (2021), Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ Việt Nam. Truy cập tại: https://thuvienphapluat.vn/van-

ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-28-NQ-CP-2021-Chien-luoc-quoc-gia-ve-binh-dang-gioi-giai-doan-2021-2030-466613.aspx

PHỤ LỤC 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ BẤT BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Vấn đề giới trong tiếp cận cơ hội kinh tế của người dân tộc thiểu số

Phụ nữ DTTS bất lợi hơn nam giới DTTS trong tiếp cận tín dụng chính thức để phát triển sinh kế, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 cho thấy, mặc dù phụ nữ DTTS đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ các sản phẩm truyền thống ở vùng DTTS&MN, tuy nhiên, tỉ lệ hộ DTTS do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội năm 2019 chỉ đạt 15,8%, thấp hơn gần 5 điểm phần trăm so với tỉ lệtỉ lệ tương ứng của hộ gia đình DTTS do nam giới là chủ hộ là 20,7%. Giá trị khoản vay của hộ DTTS do phụ nữ làm chủ hộ thấp hơn so với hộ gia đình DTTS do nam giới là chủ hộ; đồng thời thấp hơn đáng kể so với mức cho vay tối đa của Ngân hàng Chính sách xã hội. Nguyên nhân: (i) Các cơ sở/hộ sản xuất-kinh doanh-dịch vụ do nữ làm chủ hộ có quy mô nhỏ nên chưa có nhu cầu vay các khoản vốn lớn; (ii) năng lực của các nữ chủ hộ DTTS về lập hồ sơ vay vốn, phương án sản xuất, kinh doanh còn hạn chế nên chưa tiếp cận được những khoản vay với giá trị lớn; (iii) các cơ sở, hộ nhỏ, không có đầy đủ sổ sách, chứng từ giao dịch và báo cáo tài chính nên không đáp ứng điều kiện vay vốn không cần bảo đảm tiền vay[26].

Các nhóm nữ DTTS yếu thế nhất thường ít được hưởng lợi từ các thể chế tài chính vi mô do tỉ lệ thành công thấp hơn và khả năng tiếp tục duy trì các tổ nhóm tiết kiệm và tín dụng sau khi các dự án hỗ trợ kết thúc cũng thấp hơn.

Vấn đề giới trong việc làm của người dân tộc thiểu số

Lực lượng lao động nữ DTTS đang gặp nhiều bất lợi, là một trong những nhóm "yếu thế" trong thị trường lao động. Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 của Tổng Cục thống kê và Ủy ban Dân tộc cho thấy: Trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động là người DTTS có cải thiện so với năm 2015, tuy nhiên vẫn rất yếu kém. Tỉ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ sơ cấp trở lên năm 2019 là 10,3% (nam 11,7% và nữ 8,9%), chưa bằng một nửa so với tỉ lệ tương ứng lực lượng lao động cả nước. Có tới 18/53 DTTS có tỉ lệ lực lượng lao động đã qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật dưới 5% như La Hủ 1,7% (nam 2,0% và

[26] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019.

nữ 1,4%), Xtiêng 2,1% (nam 2,8% và nữ 1,3%), Xinh Mun 2,1% (nam 2,9% và nữ 1,3%), Brâu 2,3% (nam 3,0% và nữ 1,5%), Ba Na 2,3% (nam 2,8% và nữ 1,9%)[27].

Nữ DTTS có xu hướng tham gia lao động rất sớm; cơ cấu việc làm thể hiện sự bất lợi "kép" từ yếu tố dân tộc và giới tính. Rất nhiều em gái DTTS đã làm việc như người trưởng thành từ trước khi đủ 15 tuổi. Trong khi ở độ tuổi này, phần lớn em gái người Kinh còn đang tiếp tục đi học. Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 cho thấy: Tỉ lệ tham gia lực lượng lao động của dân số là người DTTS từ 15 tuổi trở lên là 83,3% (nam 87,2% và nữ 79,4%), cao hơn so với tỉ lệ tương ứng của cả nước là 76,2% (nam 81,1% và nữ 71,4%). Có 9/53 DTTS có tỉ lệ tham gia lực lượng lao động cao, từ 90% trở lên như Cơ Lao 94,8% (nam 94,4% và nữ 95,2%), Lự 94,1% (nam 95,4% và nữ 92,8%), Cống 91,9% (nam 92,5% và nữ 91,4%). Đây cũng là các dân tộc có tỉ trọng việc làm trong khu vực nông, lâm nghiệp cao; người dân thường bắt đầu tham gia sản xuất nông, lâm nghiệp cùng hộ gia đình từ độ tuổi còn đang đi học trung học cơ sở; đồng thời có xu hướng tiếp tục làm việc ngay cả khi đã qua độ tuổi lao động[28].

Lao động nữ DTTS làm các công việc không ổn định, dễ bị tổn thương: nhiều hơn so với lao động nam DTTS và lao động nữ người Kinh. Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 cho thấy: Có tới 76,4% việc làm của lao động nữ DTTS trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, cao hơn gần 6 điểm phần trăm so với lao động nam DTTS (70,5%) và cao gấp đôi so với lao động nữ cả nước (35,9%). Có 24/53 DTTS có tỉ trọng việc làm của lao động nữ trong nông, lâm nghiệp chiếm trên 90%. Về vị thế trong việc làm, tỉ lệ lao động nữ DTTS làm các công việc "lao động gia đình không hưởng lương" là 52,0%, cao gấp gần 2 lần so với tỉ lệ này của lao động nam DTTS là 26,6% và cao gấp hơn 2,5 lần so với lao động nữ cả nước 19,4%. Đây là nhóm công việc không ổn định, điều kiện làm việc kém hơn so với việc làm ở các khu vực khác và không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc.

Có nhiều rào cản đối với lao động nữ DTTS trong dịch chuyển việc làm ra khỏi nông, lâm nghiệp và tiếp cận công việc làm công ăn lương tại các nhà máy, doanh nghiệp tại địa phương, các khu công nghiệp trong nước hoặc đi làm việc ở

[27] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019.

[28] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019.

nước ngoài. Nguyên nhân gồm: (i) trong vai trò giới hiện tại thì phụ nữ DTTS vẫn gắn với công việc nội trợ và chăm sóc gia đình nhiều hơn nam giới DTTS; (ii) định kiến của xã hội về phụ nữ đi làm xa quê hương vẫn nặng nề ở một số nhóm DTTS; (iii) tình trạng phụ nữ DTTS mù chữ, tái mù chữ cao[29]. Không giao tiếp được bằng ngôn ngữ phổ thông, trình độ học vấn thấp, chưa được đào tạo chuyên môn kỹ thuật; (iv) thiếu kỹ năng cơ bản để di cư lao động an toàn và hiệu quả như thiếu hiểu biết về luật pháp, chính sách về lao động, việc làm; thiếu các kỹ năng giao tiếp, công nghệ thông tin ...

Vấn đề giới trong giáo dục, đào tạo cho người dân tộc thiểu số

Tiếp cận giáo dục chất lượng vẫn tiếp tục là thách thức đối với trẻ em DTTS. Theo kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019: Tỉ lệ huy động trẻ mầm non vùng DTTS&MN giai đoạn 2011-2019 chỉ đạt 56,2% (cả nước đạt 88,5%); Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ chỉ đạt 11,8% (cả nước đạt 25,8%). Trẻ em DTTS yếu tiếng Việt trong khi giáo viên hạn chế về tiếng dân tộc đã gây cản trở việc huy động trẻ và chất lượng giáo dục mầm non ở vùng DTTS&MN.

Tỉ lệ biết đọc, biết viết chữ phổ thông của người DTTS mới đạt 80,9% (nam 86,7%, nữ 75,1%), thấp hơn đáng kể so với người Kinh (nam 97,0%, nữ 94,6%). Ở nhóm tuổi càng cao thì tỉ lệ người DTTS, đặc biệt nữ DTTS, biết đọc, biết viết chữ phổ thông càng thấp. Trong nhóm từ 35-44 tuổi, có tới 30,3% phụ nữ DTTS không biết đọc, biết viết chữ phổ thông. Đây là rào cản đối với phụ nữ trung tuổi trong tham gia vào các khóa đào tạo nghề, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư được tổ chức thường xuyên ở địa phương.

Vấn đề giới trong chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc thiểu số

Mặc dù chăm sóc sức khoẻ nói chung và sức khoẻ sinh sản nói riêng cho phụ nữ DTTS đã có nhiều tiến bộ trong thời gian qua, tuy nhiên vẫn còn khoảng cách đáng kể so với phụ nữ Kinh và phụ nữ Hoa. Theo kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019, tỉ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản đã giảm xuống 46 trên 100.000 ca sinh sống vào năm 2019, giảm 23 ca trên 100.000 ca sinh sống so với năm 2009. Mặc dù vậy, tỉ lệ này ở vùng DTTS&MN vẫn cao gấp 3 lần so với cả nước và một số nhóm DTTS vẫn cao gấp bốn lần so với phụ nữ Kinh.

[29] Tình trạng phụ nữ trên 35 tuổi ở một số DTTS hiện tại không có khả năng hiểu được một câu đơn giản bằng tiếng Việt và nói được một câu đơn giản bằng tiếng Việt; không có khả năng đọc và viết một câu đơn giản bằng tiếng Việt; hoặc trước đây đã từng có khả năng này nhưng nay không còn khả năng này nữa.

Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 cho thấy: Tỷ lệ phụ nữ DTTS từ 10-49 tuổi sinh con tại cơ sở y tế đạt 86,4%, tăng 22,8% so với năm 2015, tuy nhiên vẫn thấp hơn đáng kể so với phụ nữ Kinh là trên 99%. Đáng chú ý là mức chênh lệch giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn lên tới 12,8 điểm % (thành thị là 98,0% và nông thôn là 85,2%). Đồng thời chênh lệch giữa các vùng kinh tế - xã hội cũng khá lớn; Tây Nguyên có tỉ lệ phụ nữ DTTS từ 10-49 tuổi sinh con tại cơ sở y tế là 84,2%, thấp hơn 14,2 điểm % so với vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 98,4%. Vẫn còn 3 dân tộc có tỉ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế đạt dưới 50% gồm Mông 49,6%, Mảng 44,5% và La Hủ 34,7%.

Nguyên nhân của chênh lệch trong chăm sóc sức khoẻ giữa phụ nữ DTTS và phụ nữ Kinh, Hoa gồm: (i) Những hạn chế, yếu kém của hệ thống y tế ở vùng DTTS, các trạm y tế xã còn hạn chế về năng lực trong đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe và sức khỏe sinh sản của phụ nữ và nam giới DTTS; (ii) Rào cản ngôn ngữ giữa cán bộ y tế và người dân; (iii) những tập tục văn hoá lâu đời ở một số DTTS không cho phép phụ nữ đến cơ sở y tế khám thai và sinh con; (iv) muốn được nhân viên y tế nữ khám bệnh; (v) không đủ khả năng chi trả cho dịch vụ; (vi) Ở một số khu vực miền núi, giao thông đi lại khó khăn, khoảng cách tới cơ sở y tế xa là rào cản đối với phụ nữ DTTS đến cơ sở y tế để khám thai và sinh con.

Vấn đề giới trong hôn nhân và gia đình ở các dân tộc thiểu số

Tình trạng tảo hôn

Mặc dù bị cấm theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống vẫn tồn tại dai dẳng trong các DTTS ở Việt Nam, gây ra nhiều vấn đề về sức khỏe, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực và là một trong những lực cản đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững của vùng DTTS.

Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2019 cho thấy, tỉ lệ người DTTS tảo hôn năm 2018 là 21,9%, giảm 4,7 điểm phần trăm so với năm 2014 (26,6%). Tuy nhiên, tỷ lệ tảo hôn vẫn ở mức cao tại những vùng tập trung nhiều đồng bào DTTS sinh sống như Tây Nguyên 27,5%, Trung du và miền núi phía Bắc 24,6%, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 22,4%. Theo dân tộc, tỷ lệ tảo hôn cao nhất là Mông 51,5% (nam 52,7%, nữ 50,4%), Cơ Lao 47,8% (nam 34,0%, nữ 63,0%), Mảng 47,2% (nam 42,7%, nữ 50,7%), Xinh Mun 44,8% (nam 42,5%, nữ 46,9%), Mạ 39,2% (nam 31,7%, nữ

51,3%). Tỷ lệ tảo hôn của nữ DTTS vẫn cao hơn nam DTTS (nam 20,1% và nữ 23,5%)[30].

Hậu quả của tảo hôn: Việc kết hôn sớm, mang thai và sinh đẻ trong lứa tuổi vị thành niên, khi cơ thể người mẹ chưa phát triển hoàn thiện, thiếu hiểu biết, kinh nghiệm và chưa sẵn sàng về mặt tâm lý để mang thai và sinh con gây ảnh hưởng lớn tới sức khỏe bà mẹ, sự phát triển bình thường của thai nhi và trẻ sơ sinh. Đây là nguyên nhân làm gia tăng tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em DTTS, tăng tỷ lệ tử vong ở trẻ em DTTS dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi, tăng tỷ lệ tử vong của bà mẹ DTTS liên quan đến thai sản.

Bạo lực đối với phụ nữ ở các dân tộc thiểu số: Bạo lực đối với phụ nữ nói chung và phụ nữ DTTS do chồng hoặc bạn tình gây ra thường là dạng bạo lực phổ biến nhất mà phụ nữ phải hứng chịu. Các hình thức bạo lực gồm bạo lực thể xác, bạo lực tình dục, bạo lực tinh thần, bạo lực kinh tế và kiểm soát hành vi. Kết quả điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019[31] cho thấy, bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong đời và bạo lực gây ra trong 12 tháng qua đều có sự khác biệt đáng kể giữa các dân tộc. Trong 5 hình thức bạo lực do chồng/bạn tình gây ra, tỉ lệ phụ nữ DTTS bị bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục và/hoặc bạo lực tinh thần (trong đời và 12 tháng qua) đều thấp hơn so với tỉ lệ tương ứng của phụ nữ cả nước và phụ nữ Kinh. Trái lại, tỷ lệ phụ nữ DTTS lại bị kiểm soát hành vi và bạo lực kinh tế lại cao hơn so với tỷ lệ tương ứng của phụ nữ cả nước và phụ nữ Kinh.

Một số nghiên cứu chỉ ra rằng: Tình hình bạo lực ở các dân tộc phụ thuộc khá nhiều vào truyền thống mẫu hệ hay phụ hệ của dân tộc đó. Trong các nhóm xã hội theo phụ hệ, thì tập tục về vai trò và giá trị giới tương tự như ở nhóm dân tộc Kinh, ví dụ bị áp lực phải sinh được con trai. Phụ nữ thuộc nhóm dân tộc theo mẫu hệ, ví dụ như dân tộc Chăm, có vẻ như có quyền lực và khả năng kiểm soát cao hơn trong gia đình. Phụ nữ thuộc nhóm dân tộc này không phải chịu áp lực sinh con trai nhưng lại bị áp lực sinh con gái. Nhiều phụ nữ DTTS có thái độ chấp nhận bạo lực do người chồng hoặc bạn tình gây ra hơn là phụ nữ người Kinh.

Gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công trong hộ gia đình dân tộc thiểu số

[30] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019

[31] Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (2020), Báo cáo Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với Phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 – Hành trình để thay đổi.

Gánh nặng công việc chăm sóc không được trả công trong hộ gia đình DTTS đang đặt nhiều hơn vào phụ nữ và trẻ em gái. Có 74% phụ nữ DTTS và 5% trẻ em gái DTTS thường xuyên đảm nhận công việc đi lấy nước sinh hoạt trong hộ gia đình, so với tỉ lệ tương ứng của cả nước và 65% và 2%. Nhận thức của phụ nữ DTTS và cộng đồng người DTTS bị ảnh hưởng nặng nề của định kiến và khuôn mẫu giới về phân công công việc trong gia đình, áp đặt công việc nội trợ, chăm sóc trẻ em, người già, người ốm trong gia đình là trách nhiệm, nghĩa vụ của phụ nữ.

Vấn đề giới trong tiếp cận thông tin, trợ giúp pháp lý

Theo nghiên cứu "Cải thiện trợ giúp pháp lý cho người nghèo và nhóm dễ bị tổn thương: nghiên cứu định tính từ 2 tỉnh Điện Biên và Bắc Kạn" của Ngân hàng Thế giới năm 2019 cho thấy: Tỷ lệ phụ nữ tiếp cận với các dịch vụ trợ giúp pháp lý thấp hơn rất nhiều so với nam giới. Trong năm 2018, phụ nữ chỉ chiếm 23,7% số vụ trợ giúp pháp lý tại Điện Biên và 31,4% số vụ tại Bắc Kạn.

Vấn đề giới trong việc tham gia vào hệ thống chính quyền cơ sở và phát triển

Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019 của Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê, năm 2019 cho thấy tỉ lệ cán bộ công chức là nữ DTTS so với tổng số cán bộ công chức trong cơ quan Đảng còn hạn chế, chỉ chiếm 6,0%; tỉ lệ này trong Hội đồng nhân dân là 7,3%; trong cơ quan hành chính là 11,4% và trong các tổ chức chính trị - xã hội là 15,5%[32].

[32] Tổng cục Thống kê, Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/07/ket-qua-dieu-tra-thu-thap-thong-tin-ve-hien-trang-kinh-te-xa-hoi-cua-53-dan-toc-thieu-so-nam-2019.

PHỤ LỤC 3: MỘT SỐ TRÒ CHƠI NÂNG CAO KIẾN THỨC VỀ GIỚI

1. Trò chơi: Soi gương

Mục đích

Giúp người chơi giải trí và nâng cao hiểu biết về khả năng có thể thay đổi các định kiến giới.

Đối tượng chơi

Số lượng người chơi nên tối đa khoảng 40 người.

Luật chơi

- Tạo ra được 03 thay đổi khác nhau trên cơ thể ở mỗi vòng chơi.
- Không lặp lại các thay đổi đã làm ở vòng trước.
- Người nhận ra được nhiều nhất thay đổi của người đối diện là người thắng cuộc
- Người không tạo ra được hoặc tạo ra ít sự thay đổi nhất hoặc không nhận ra sự thay đổi của người đối diện là người thua cuộc.

Chuẩn bị chơi

Người quản trò chia tất cả người tham gia thành 02 đội. Hai đội đứng thành hai hàng ngang quay mặt vào nhau.

Chơi

- **Vòng 1**: người quản trò hô hiệu lệnh: **Đằng sau quay!** Sau khi mọi người quay lưng lại với nhau. Quản trò yêu cầu mỗi người hãy tạo ra 03 sự thay đổi trên cơ thể của mình. Trong khoảng 30 giây hoặc 1 phút người quản trò hô hiệu lệnh: **Đằng sau quay!** Sau khi các cặp đôi quay mặt lại với nhau quản trò mời từng cặp đôi quan sát kỹ người đối diện để nhận diện 03 thay đổi của họ. Quản trò có thể hỏi một vài người chia sẻ về những thay đổi của người đối diện mà họ đã nhận ra.

- **Vòng 2**: người quản trò hô hiệu lệnh: **Đằng sau quay!** Sau khi mọi người quay lưng lại với nhau. Quản trò yêu cầu mỗi người tạo ra 03 sự thay đổi KHÁC trên cơ thể của mình. Trong khoảng 30 giây hoặc 1 phút người quản trò hô hiệu lệnh: **Đằng sau quay!** Sau khi các cặp đôi quay mặt lại với nhau quản trò mời từng cặp đôi quan sát kỹ người đối diện để nhận diện 03 thay đổi của họ. Quản trò có thể hỏi một vài người chia sẻ về những thay đổi của người đối diện mà họ đã nhận ra.

- **Vòng 3**: người quản trò hô hiệu lệnh: **Đằng sau quay!** Sau khi mọi người quay lưng lại với nhau. Quản trò yêu cầu mỗi người tạo ra 03 sự thay đổi KHÁC trên cơ thể của mình. Trong khoảng 30 giây hoặc 1 phút người quản trò hô hiệu

lệnh: **Đằng sau quay!** Sau khi các cặp đôi quay mặt lại với nhau quản trò mời từng cặp đôi quan sát kỹ người đối diện để nhận diện 03 thay đổi của họ. Quản trò có thể hỏi một vài người chia sẻ về những thay đổi của người đối diện mà họ đã nhận ra.

Xử phạt

Sau khi kết thúc ba vòng chơi người quản trò yêu cầu người chơi xác định ra người thắng cuộc (người nhận ra được nhiều nhất sự thay đổi) và người thua cuộc (không hoặc tạo ra ít sự thay đổi nhất, không nhận ra sự thay đổi của bản thân) và có hình thức thưởng và phạt cho người thắng và người thua.

Trải nghiệm

Người quản trò đặt từng câu hỏi và dành thời gian cho mọi người trả lời (mỗi câu hỏi nên dành cho 2-3 người trả lời hoặc nhiều hơn tùy vào thời gian cho phép). Câu hỏi có thể sử dụng bao gồm:

1. Anh chị thấy việc thay đổi những đặc điểm trên cơ thể khó hay dễ?
2. Anh chị thấy nhận ra sự thay đổi của người khác khó hay dễ? Vì sao?
3. Theo anh chị điều gì khích lệ hay kìm hãm sự thay đổi của một người nào đó?

Chốt thông điệp về giới

Sau khi mọi người đã có cơ hội chia sẻ quan điểm của mình cho các câu hỏi trên. Người quản trò kết thúc trò chơi bằng cách chốt lại một số thông điệp quan trọng liên quan đến giới. Các thông điệp về giới có thể sử dụng để chốt lại sau khi chơi trò chơi này bao gồm:

- Trong cuộc sống việc người nam hoặc người nữ tạo ra sự thay đổi cho bản thân họ là việc làm không dễ, nhưng nếu người nam và người nữ muốn thay đổi thì họ hoàn toàn có thể thay đổi được.
- Có những thay đổi của người khác, người ngoài rất dễ nhận ra, nhưng có những thay đổi của người khác người ngoài rất khó nhận ra.
- Việc nam hoặc nữ có muốn thay đổi hay không thường bị tri phối hoặc bị ảnh hưởng bởi suy nghĩ của người đó (hay do tự định kiến) chứ không phải vì khả năng thực tế của người đó.
- Nam và nữ thường nghĩ là họ không thể thay đổi nên họ không thay đổi. Trong khi điều này hoàn toàn có thể thay đổi được trong thực tế.
- Định kiến giới hoàn toàn có thể thay đổi được chỉ có điều bản thân người nam và người nữ có thực sự muốn thay đổi hay không.

2. Trò chơi: Thay tên đồ vật bằng tên gọi khác

Mục đích

Mục đích của trò chơi này giúp cho người chơi cảm thấy vui vẻ và nâng cao hiểu biết về định kiến giới thường rất phổ biến ở mọi nơi mọi chỗ và chúng ta thường có định kiến giới mà không hề biết.

Đối tượng

Trò chơi này có thể sử dụng cho bất cứ đối tượng nào. Số lượng người tham gia trò chơi tốt nhất nên từ 10 người trở nên. Tối đa không vượt quá 40 người.

Luật chơi

- Gọi tên đồ vật được chỉ bằng tên một **đồ vật** khác
- Không được lặp lại các đồ vật đã gọi tên
- Không được lặp lại tên gọi mà người quản trò đã gọi
- Không được ấp úng
- Khi gọi tên phải nhìn vào đồ vật mà quản trò chỉ, không nhìn đi nơi khác.

Chuẩn bị chơi

Quản trò mời mọi người tham gia đứng thành vòng tròn. Mỗi người lấy một đồ vật bất kỳ mà mình có đặt vào giữa tâm vòng tròn. Quản trò chuẩn bị một chiếc thước để chỉ đồ vật.

Chơi

Người quản trò mời người đầu tiên tham gia trò chơi và dùng thước chỉ vào những đồ vật đã được đặt trên mặt đất và yêu cầu người đầu tiên gọi tên đồ vật đó bằng tên đồ vật khác.

Khi chỉ các đồ vật trên đất người quản trò chỉ nhanh dần và có thể gây nhiễu bằng cách gọi đúng tên đồ vật đó hoặc tên một con vật hoặc theo trật tự lô gic nào đó khiến cho người tham gia dễ bị vi phạm nội quy. Thời gian tham gia trò chơi của mỗi người nhiều hay ít do quản trò quyết định theo số lượng người chơi và thời gian cho phép.

Xử phạt

Những người vi phạm nội quy sẽ chịu hình phạt. Nên sử dụng hình phạt tích cực như phạt múa, hát hay nhảy lò cò...

Trải nghiệm

Người quản trò đặt từng câu hỏi và dành thời gian cho mọi người trả lời (mỗi câu hỏi nên dành cho 2-3 người trả lời hoặc nhiều hơn tùy vào thời gian cho phép). Câu hỏi sử dụng bao gồm:

1. Anh/chị thấy việc gọi tên đồ vật quen thuộc bằng tên một đồ vật khác dễ hay khó?

2. Những người tham gia đầu tiên thường dễ mắc lỗi hay những người cuối cùng?

3. Theo anh/chị thói quen/quan điểm của một người có thể thay đổi được không?

Chốt thông điệp về bình đẳng giới

Sau khi mọi người đã có cơ hội chia sẻ quan điểm của mình cho các câu hỏi trên. Người quản trò kết thúc trò chơi bằng cách chốt lại một số thông điệp quan trọng liên quan đến giới. Các thông điệp về giới có thể sử dụng để chốt lại sau khi chơi trò chơi này bao gồm:

- Để gọi tên một đồ vật quen thuộc bằng tên một đồ vật khác là điều không dễ vì nó tên gọi đó đã ăn sâu vào suy nghĩ của mỗi chúng ta nên không dễ thay đổi.
- Trong trò chơi này những người chơi đầu tiên thường bị mắc lỗi nhiều hơn so với những người chơi cuối cùng vì họ chưa nắm bắt được quy luật.
- Trong cuộc sống hàng ngày, bản thân chúng ta vẫn thường có những quan điểm mang tính định kiến (không đúng) đối với phụ nữ hoặc nam giới vì bản thân chúng ta luôn nghĩ điều mình nghĩ là đúng hoặc đó là chuẩn mực cho phụ nữ hoặc nam giới và để thay đổi quan điểm này là điều không dễ.
- Mặc dù khó thay đổi, nhưng hoàn toàn có thể thay đổi được những quan điểm mang tính định kiến đối với phụ nữ và nam giới nếu như có thời gian và bản thân chúng ta mong muốn thay đổi.

3. Trò chơi: Điều ước của ông bà tiên

Mục đích

Trò chơi này giúp mọi người cảm thấy thỏa mái, vui vẻ và nâng cao nhận thức về định kiến giới rất phổ biến ở mọi nơi mọi chỗ và chúng ta thường rất dễ có định kiến mà không hề biết.

Đối tượng

Đối tượng tham gia tối đa 50 người. Trò chơi không áp dụng cho nhóm dưới 12 người.

Luật chơi

- Mỗi ông bà tiên viết ba điều ước cho ba gia đình
- Viết điều ước ra giấy và nói to điều ước khi chúc phúc
- Ông bà tiên nào không có điều chúc phúc sẽ bị phạt

- Ông bà tiên nào có lời chúc được mọi người bầu hay nhất sẽ được thưởng

Chuẩn bị

Người quản trò chọn 12 người làm tình nguyện viên (6 nam và 06 nữ) và những tình nguyện viên được chia làm 03 đội. Đội 01: có 4 người đóng vai một gia đình gồm: bố, mẹ và hai con gái. Đội 02: có 04 người đóng vai gia đình gồm: bố, mẹ và hai con trai. Đội 03: có 04 người đóng vai gia đình có bố, mẹ, 01 con trai và 01 con gái. Những người tham gia còn lại đóng vai các ông tiên và bà tiên.

Để cho vui nhộn người quản trò có thể yêu cầu bố mẹ bế con (giống bế trẻ mới sinh) và đối với những ông bà tiên làm động tác bay khi đến các gia đình và có thể làm những chiếc đũa thần hài ước để gõ lên đầu trẻ khi đọc lời chúc phúc.

Chơi

Người quản trò mời ba gia đình ngồi ở 03 góc khác nhau. Sau đó người quản trò thông báo cho các ông bà tiên và yêu cầu họ như sau:

Gia đình 1: Người quản trò thông báo: Các ông bà tiên đáng kính, ở dưới trần gian, gia đình ông/bà....mới sinh hạ được hai cô con gái. Các ông bà tiên hãy mau mau viết lời chúc mừng đến họ và mau xuống hạ giới để thăm chúc phúc cho họ. Sau khi ông bà tiên viết xong lời chúc người quản trò mời các ông bà tiên bay xuống hạ giới và đến gõ chiếc đũa thần lên đầu trẻ và đọc lời chúc phúc cho họ. Các gia đình giữ lại những thiệp chúc phúc của ông bà tiên.

Gia đình 2: Người quản trò thông báo: Các ông bà tiên đáng kính, ở dưới trần gian, gia đình ông/bà....mới sinh hạ được cậu con trai. Các ông bà tiên hãy mau viết lời chúc mừng đến họ và bay xuống hạ giới để thăm chúc phúc cho họ. Sau khi ông bà tiên viết xong lời chúc người quản trò mời các ông bà tiên đến gõ chiếc đũa thần lên đầu trẻ và đọc lời chúc phúc cho họ. Các gia đình giữ lại những thiệp chúc phúc của ông bà tiên.

Gia đình 3: Người quản trò thông báo: Các ông bà tiên đáng kính, ở dưới trần gian, gia đình ông/bà....mới sinh hạ được một cậu con trai và một cô con gái. Các ông bà tiên hãy mau viết lời chúc mừng đến họ và bay xuống hạ giới để thăm chúc phúc cho họ. Sau khi ông bà tiên viết xong lời chúc người quản trò mời các ông bà tiên đến gõ chiếc đũa thần lên đầu trẻ và đọc lời chúc phúc cho họ. Các gia đình giữ lại những thiệp chúc phúc của ông bà tiên.

Xử phạt

Quản trò xác định xem những ông bà tiên không có lời chúc thì sẽ bị phạt. Ông/bà tiên nào có lời chúc được mọi người bình bầu hay nhất sẽ được thưởng.

Trải nghiệm

Người quản trò đọc lời chúc phúc to, rõ ràng cho từng gia đình và yêu cầu mọi người lắng nghe. Hay đọc gia đình có một con trai và một con gái trước, rồi đến gia đình hai con trai và gia đình hai con gái. Sau đó, người quản trò đặt từng câu hỏi và dành thời gian cho mọi người trả lời (mỗi câu hỏi nên dành cho 2-3 người trả lời hoặc nhiều hơn tùy vào thời gian cho phép). Câu hỏi sử dụng bao gồm:

1. Anh/chị có cảm nghĩ gì về lời chúc của ông bà tiên dành cho gia đình sinh được một con trai và một con gái?

2. Anh/chị có cảm nghĩ gì về lời chúc của ông bà tiên dành cho gia đình sinh được hai cậu con trai?

3. Anh/chị có cảm nghĩ gì về lời chúc của ông bà tiên dành cho gia đình sinh được hai cô con gái?

Chốt thông điệp về giới

Sau khi mọi người đã có cơ hội chia sẻ quan điểm của mình cho các câu hỏi trên. Người quản trò kết thúc trò chơi bằng cách chốt lại một số thông điệp quan trọng liên quan đến giới. Các thông điệp về giới có thể sử dụng để chốt lại sau khi chơi trò chơi này bao gồm:

- Định kiến giới được hiểu là những quan điểm, đánh giá hoặc hành vi ứng xử không đúng về phụ nữ và nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái.
- Trong ứng xử hàng ngày, chúng ta rất dễ có quan điểm hoặc hành vi ủng hộ cho các định kiến giới nhưng chúng ta không hề biết hoặc không nghĩ đó là định kiến giới.
- Quan điểm và hành vi định kiến giới xảy ra ở mọi nơi, mọi chỗ.
- Định kiến giới là nguyên nhân sâu xa gây lên bất bình đẳng giới.

4. Trò chơi: nặn tượng

Mục đích

Trò chơi này nhằm mục đích tạo không khí vui vẻ, thỏa mái và giúp người tham gia hiểu được hậu quả của định kiến giới khiến cho cả nam giới và phụ nữ thường phải chịu áp lực và việc xóa bỏ định kiến giới là rất cần thiết.

Đối tượng

Trò chơi này phù hợp với nhóm lớn và không phù hợp với nhóm có số lượng người chơi ít hơn 5 người.

Luật chơi

• Đất nặn: không được nói chỉ làm theo chỉ định của nghệ sĩ và phải giữ nguyên động tác do nghệ sĩ đã nhào nặn cho đến khi được yêu cầu chấm dứt.

• Nghệ sĩ: dùng tay uốn, nắn đất nặn (tránh khu vực nhạy cảm) theo các hình tượng mà mình muốn sáng tạo.

Chuẩn bị

Người quản trò chi người tham gia thành hai đội có số lượng bằng nhau và sau đó đứng tạo thành hai vòng tròn đồng tâm. Những người tham gia ở vòng trong và vòng ngoài quay mặt đối diện với nhau. Người quản trò qui định về chủ đề thi nặn tượng (có thể là rau củ quả, các con vật trong rừng hoặc dưới biển...)

Chơi

Người quản trò nêu chủ đề cho cuộc thi nặn tượng (có thể chọn chủ đề bất kỳ) và yêu cầu các nghệ sĩ hãy sáng tạo tối đa để tạo ra bức tượng đẹp nhất và có ý nghĩa nhất theo chủ đề. Khi nghệ sĩ nặn tượng lưu ý họ hãy sáng tạo hết cỡ và lưu ý người đóng vai đất nặn sẽ phải giữ nguyên động tác cho đến khi quản trò yêu cầu chấm dứt.

Để tạo không khí vui nhộn, quản trò có thể mời các nghệ sẽ đi thăm quan một vòng các bức tượng và nặn bổ sung cho các bức tượng khác nếu muốn.

Sau khi nghệ sẽ nặn xong, người quan trò mời nghệ sẽ chia sẻ ý nghĩa bức tượng của họ và bình bầu những nghệ sẽ có bức tượng đẹp và có ý nghĩa.

Trải nghiệm

Sau khi mọi người chơi xong, người quản trò đặt từng câu hỏi và dành thời gian cho mọi người trả lời (mỗi câu hỏi nên dành cho 2-3 người trả lời hoặc nhiều hơn tùy vào thời gian cho phép). Câu hỏi sử dụng bao gồm:

1. Trong trò chơi vừa rồi những ai muốn làm nghệ sĩ? Vì sao?

2. Trong trò chơi vừa rồi những ai muốn làm đất nặn? vì sao?

Chốt thông điệp về giới

Sau khi mọi người đã có cơ hội chia sẻ quan điểm của mình cho các câu hỏi trên. Người quản trò kết thúc trò chơi bằng cách chốt lại một số thông điệp quan trọng liên quan đến giới. Các thông điệp về giới có thể sử dụng để chốt lại sau khi chơi trò chơi này bao gồm:

- Trong trò chơi vừa rồi, ít người muốn làm đất nặn mà đa phần muốn làm nghệ sĩ vì nghệ sĩ được quyền tự do sáng tạo và chủ động trong mọi tình huống.

- Những người làm đất nặn họ phải chịu đựng sự nhào nặn theo ý muốn của người khác và bản thân họ cảm thấy rất mệt mỏi.

- Định kiến giới được hiểu là những quan điểm, đánh giá hoặc hành vi ứng xử không đúng về phụ nữ và nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái.

- Hàng ngày: nam và nữ thường ứng xử, hành động theo ý muốn chủ quan của người khác hoặc theo các chuẩn mực giới chứ không được sáng tạo hoặc không được chủ động của bản thân họ.

- Định kiến giới hay các chuẩn mực giới khiến cho phụ nữ và nam giới đang phải chịu áp lực khá nặng nề.

5. Trò chơi: Lựa chọn đôi dép vừa vặn

Mục đích

Giúp người chơi cảm thấy vui vẻ, thỏa mái và hiểu rõ hơn về công bằng giới, bình đẳng giới và nhạy cảm giới.

Đối tượng

Trò chơi phù hợp cho nhóm đông, không phù hợp cho nhóm ít hơn 10 người.

Luật chơi

- Nam nữ đứng ở vị trí giống nhau
- Mỗi người phải lấy được ít nhất 02 chiếc dép trong thời gian cho phép.
- Người lấy được nhiều dép nhất là người thắng cuộc
- Người không lấy được dép bị phạt

Chuẩn bị

Người quản trò yêu cầu mọi người bỏ dôi đép của mình và để vào vị trí giữa. Sau đó mời tất cả nữ đứng về một bên và tất cả nam đứng về một bên với khoảng cách bằng nhau từ chỗ đứng tới chỗ để dép. Yêu cầu tất cả mọi người đứng quay lưng lại khu vực để dép.

Đề trò chơi thêm gây cấn và vui nhộn người quản trò có thể yêu cầu một ai đó trong nhóm nam đóng giả làm người mù, người què bằng cách lấy khăn bịt mắt hoặc trói hai chân lại với nhau. Đối với nhóm nữ có thể yêu cầu ai đó đóng giả phụ nữ có thai hoặc khuyết tật.

Chơi

Người quản trò mời mọi người về vạch xuất phát phân định cho bên nam và bên nữ và yêu cầu mọi người quay lưng lại đối với khu vực để dép. Người quản trò hô chuẩn bị và sau đó phát lệnh chạy đi lấy dép. Trò chơi kết thúc khi mọi người đã lấy xong dép.

Xử phạt

Quản trò xác định người nào lấy được nhiều dép được thưởng. Người nào không lấy được hai chiếp dép bị phạt.

Trải nghiệm

Quản trò phân loại người chơi bằng cách: yêu cầu họ đi hai chiếc dép (nếu lấy được dép) và cầm số còn lại trên tay và đứng theo phân loại như sau:

- Tất cả những người không lấy được dép đứng thành một nhóm
- Tất cả những người lấy được nhiều dép nhất đứng thành một nhóm;
- Tất cả những người lấy được đúng hai chiếc dép của mình đứng thành một nhóm
- Tất cả những người lấy được hai chiếc dép nhưng không phải của mình đứng thành một nhóm.
- Sau đó người quản trò đặt câu hỏi phù hợp cho từng nhóm:
- Anh/chị có cảm xúc gì khi không lấy được dép?
- Anh/chị có cảm xúc gì khi lấy được nhiều dép?
- Anh/chị có cảm xúc gì khi lấy được hai chiếc dép của chính mình?
- Anh/chị có cảm xúc gì khi lấy được hai chiếc dép không phải của mình?
- Quản trò đặt câu hỏi chung cho tất cả các nhóm?
- Xét về khoảng cách đứng chúng ta thấy có công bằng giữa nam và nữ không?
- Xét về số lượng dép chúng ta thấy có công bằng cho cả nam và nữ không?
- Xét về cơ hội lấy dép chúng ta thấy có công bằng cho cả nam và nữ không?

Chốt thông điệp về giới

Sau khi mọi người đã có cơ hội chia sẻ quan điểm của mình cho các câu hỏi trên. Người quản trò kết thúc trò chơi bằng cách chốt lại một số thông điệp quan trọng liên quan đến giới. Các thông điệp về giới có thể sử dụng để chốt lại sau khi chơi trò chơi này bao gồm:

- Trong trò chơi vừa rồi mặc dù đứng ở vị trí giống nhau nhưng mỗi người lại lấy được số lượng dép không giống nhau có người nhiều, người ít, người không có, người có nhưng không dùng được.
- Trong trò chơi này: Bình đẳng giới là kết quả cuối cùng phải đạt được đó là phụ nữ và nam giới được thụ hưởng quyền lợi phù hợp với mong muốn và ngang nhau giữa nam và nữ (nghĩa là nam và nữ đều có hai chiếc giầy hoặc dép phù hợp với đôi chân của mình)
- Trong trò chơi này, bình đẳng giới không thể đạt được nếu như không có biện pháp đối xử công bằng cho nam và nữ.

- Vì nam và nữ, người khuyết tật và người bình thường, có kinh nghiệm và khả năng khác nhau nên cần phải được đối xử phù hợp thì mới đạt được bình đẳng thực chất.

- Để đối xử công bằng hay phù hợp cho nam và nữ trong cuộc sống thì cần phải nhận ra sự khác biệt của phụ nữ và nam giới về nhu cầu, khả năng và kinh nghiệm từ đó đưa ra biện pháp phù hợp. Đây chính là nhạy cảm giới.

6. Trò chơi: xé giấy

Mục đích

Trò chơi này giúp người tham gia giải trí, giảm căng thẳng và hiểu rõ cùng một hoạt động can thiệp cho phụ nữ và nam giới nhưng sẽ mang lại kết quả có thể khác nhau đối với nam và nữ, từ đó gợi mở rằng trong khi thực hiện các hoạt động can thiệp, cần phải chú ý những khác biệt này để có thể tạo ra những thay đổi tốt nhất cho phụ nữ hoặc nam giới.

Đối tượng

Trò chơi phù hợp với nhóm có từ 10 người trở nên.

Luật chơi

- Làm theo hiệu lệnh của người quản trò.
- Không trao đổi với người khác khi làm
- Không nhìn về phía quản trò

Chuẩn bị

Người quản trò phát cho mỗi người tham gia một tờ giấy trắng và yêu cầu họ đợi hiệu lệnh mới làm.

Chơi

Người quản trò đưa ra hiệu lệnh và yêu cầu mọi người làm theo

1. Mời mọi người gấp đôi tờ giấy
2. Mời mọi người gấp đôi tờ giấy
3. Mời mọi ngước xé góc bên phải của tờ giấy
4. Mời mọi ngời mở các nếp gấp và giơ tờ giấy lên

Trải nghiệm

Quản trò mời mọi người nhìn các hình được tạo ra bởi các cá nhân và đặt một số câu hỏi:

1. Mọi người thấy các hình được tạo ra giống hay khác nhau?
2. Vì sao có sự khác nhau như vậy?

3. Theo chúng ta cùng một hoạt động can thiệp cho nam và nữ thì liệu sẽ tạo ra kết quả giống nhau hay khác nhau.

Chốt thông điệp về giới

Sau khi mọi người đã có cơ hội chia sẻ quan điểm của mình cho các câu hỏi trên. Người quản trò kết thúc trò chơi bằng cách chốt lại một số thông điệp quan trọng liên quan đến giới. Các thông điệp về giới có thể sử dụng để chốt lại sau khi chơi trò chơi này bao gồm:

- Cho dù cùng tham gia một hoạt động giống nhau nhưng hoạt động đó sẽ mang lại hoặc tạo ra các kết quả hay hiệu quả có thể khác nhau cho nam và nữ.

- Muốn đạt được các hoạt động can thiệp hiệu quả thì ngoài biện pháp chung thì cần chú ý có các biện pháp dành riêng cho nam hoặc nữ.

PHỤ LỤC 4: MỘT SỐ KỸ NĂNG DÀNH CHO GIẢNG VIÊN

1. Sử dụng trò chơi trải nghiệm

Mục đích

Trò chơi thường được sử dụng khá phổ biến trong các hoạt động thúc đẩy nhất là các buổi sinh hoạt của tổ nhóm, các hội thảo, tập huấn… Việc sử dụng các trò chơi nhằm đạt nhiều mục đích khác nhau tùy thuộc vào từng hoàn cảnh và ý định của người thúc đẩy.

Khi căn cứ vào mục đích sử dụng trò chơi, có thể chia các loại trò chơi thành hai nhóm: (1) trò chơi thông thường và (2) trò chơi trải nghiệm kiến thức và kỹ năng.

Đối với trò chơi thông thường:

Mục đích chính của trò chơi thông thường hướng tới:

+ Xóa bỏ sự e ngại, thiếu tự tin của người tham gia

+ Giảm căng thẳng, mệt mỏi

+ Tạo hưng phấn, không khi sôi nổi

+ Khích lệ sự tương tác, tham gia tích cực của mọi người

Đối với trò chơi trải nghiệm kiến thức và kỹ năng

Khi sử dụng các trò chơi trải nghiệm, ngoài yêu cầu đạt được các mục đích giống như trò chơi thông thường, thì việc tổ chức các trò chơi trải nghiệm phải đạt thêm một số một đích khác đó là:

+ Nâng cao nhận thức, kiến thức về một nội dung nào đó

+ Tạo cơ hội trải nghiệm để tự rút ra bài học bổ ích cho bản thân.

Với đặc thù là những trò chơi trải nghiệm nên khi sử dụng các trò chơi này, người thúc đẩy cần phải đảm bảo tuân thủ theo các nguyên tắc căn bản sau đây:

- *Trải nghiệm kiến thức:* Đảm bảo đạt được mục đích nâng cao hiểu biết, thay đổi thái độ hay thay đổi hành vi liên quan đến chủ đề/nội dung kiến thức cụ thể nào đó.

- *Nhạy cảm giới*: thu hút sự tham gia tích cực của cả nam và nữ. Không sử dụng những ngôn từ, hình ảnh mang tính ủng hộ hoặc làm gia tăng các quan điểm mang định kiến giới hoặc phân biệt đối xử về giới. Khích lệ các sáng kiến trải nghiệm về bình đẳng giới hoặc tôn trọng sự khác biệt và tôn trọng sự đa dạng.

- *Có sự tham gia tích cực*: Khi tổ chức trò chơi cần đảm bảo có sự tham gia của tất cả mọi người và dành thời gian để mọi người được trao đổi hoặc tự rút ra bài học cho bản thân trước khi người quản trò chốt các thông điệp về kiến thức liên quan đến trò chơi trải nghiệm.

- *Thông điệp rõ ràng*: Thông điệp muốn truyền tải thông qua trò chơi trải nghiệm phải rõ ràng, dễ hiểu và không nên quá nhiều.

- Kiểm tra sự sẵn sàng tham gia của mọi người và tránh các hành vi quấy rối tình dục: Trước khi tổ chức các trò chơi, người quản trò cần kiểm tra xem tất cả mọi người có sẵn sàng và có cảm thấy thoải mái tham gia vào trò chơi không. Nếu không thoải mái có thể chọn trò chơi nào mà tất cả mọi người cảm thấy thoải mái tham gia hoặc có thể phân công những công việc khác cho người không chơi để họ không bị loại khỏi trò chơi (ví dụ phân công làm trọng tài bắt những người mắc lỗi trong trò chơi). Khi xử phạt những người thua cuộc cần tránh sử dụng những hình phạt đụng chạm các bộ phận nhạy cảm hoặc tránh áp dụng các hình phạt có thể làm cho người tham gia cảm thấy không thoải mái.

Để đảm bảo đạt được mục đích của trò chơi trải nghiệm người quản trò cần phải tuân thủ chặt chẽ theo thứ tự các bước tổ chức một trò chơi trải nghiệm như sau:

- **Bước 1**: Giới thiệu luật chơi: người thúc đẩy cần giới thiệu về luật chơi và đảm bảo tất cả người chơi nắm rõ luật chơi của trò chơi. Luật chơi cần ngắn gọn, dễ hiểu.

- **Bước 2**: Kiểm tra về sự sẵn sàng tham gia của mọi người: Người quản trò kiểm ta xem mọi người có sẵn sàng tham gia không và nếu không sẵn sàng tham gia có thể chọn một trò chơi khác hoặc phân công người không tham gia làm trọng tài cho trò chơi.

- **Bước 3:** Chơi thử (nếu thấy cần thiết): Có một số trò chơi cần được chơi thử trước khi chơi chính thức để người chơi hiểu rõ. Tuy nhiên, không nhất thiết trò chơi nào cũng cần phải trải qua bước này. Người thúc đẩy có thể bỏ qua nếu thấy không cần thiết.

- **Bước 3**: Chơi: người thúc đẩy dành thời gian cho mọi người chơi.

- **Bước 4:** Thưởng phạt: tùy theo đặc thù người chơi sẽ được thưởng hoặc phạt dựa vào nội quy của trò chơi. Nên sử dụng hình thức thưởng sáng tạo và hình phạt tích cực để mọi người cảm thấy vui vẻ. Lưu ý không sử dụng những hình thức xử phạt có tính nhạy cảm và hành vi đụng chạm vào các bộ phận nhạy cảm hoặc khiến cho người bị phạt cảm thấy không thoải mái.

- **Bước 6:** Thảo luận: Đây là bước quan trọng nhất của trò chơi trải nghiệm. Người thúc đẩy dành thời gian cho mọi người tự rút ra kinh nghiệm hoặc bài học cho bản thân khi tham gia trò chơi này.

- **Bước 7:** Chốt các thông điệp quan trọng: dựa trên ý kiến của mọi người đưa ra người thúc đẩy chốt lại những thông điệp quan trọng mà người quản trò muốn gửi tới mọi người khi tham gia trò chơi này.

(Tham khảo phụ lục 5: hướng dẫn tổ chức một số trò chơi về bình đẳng giới)

2. Sử dụng phim/video ngắn

Mục đích

Mục đích chính khi dùng phim, clip ngắn trong thúc đẩy để giúp người tham gia nâng cao hiểu biết và tự rút ra những bài học cho bản thân. Kỹ thuật này áp chủ yếu áp dụng khi điều hành sinh hoạt tổ nhóm. Việc sử dụng clip ngắn, phim ngắn được coi là một sáng kiến vì hướng tới đạt được các mục đích sau đây:

- Tạo cơ hội tương tác, trao đổi, thảo luận giữa những người tham gia
- Truyền tải thông điệp một cách ấn tượng và trực quan sinh động, dễ hiểu, dễ thấy và dễ làm theo.
- Định hướng thay đổi hành vi của cá nhân trên cơ sở tự rút ra cho bản thân những bài học quan trọng sau khi xem phim.

Nguyên tắc cần tuân thủ

Để việc sử dụng các bộ phim có hiệu quả cần phải tuân thủ một số nguyên tắc sau đây:

- Không sử dụng phim, clip không có thông điệp rõ ràng hoặc không liên quan đến chủ đề thảo luận.
- Không nên sử dụng các bộ phim có thời lượng quá dài: Tùy theo nội dung truyền thông mà lựa chọn những bộ phim có độ dài hợp lý. Tránh trường hợp chọn
- Phù hợp với chuẩn mực đạo đức và văn hóa: lựa chọn các bộ phim không ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, không gây ảnh hưởng đến tín ngưỡng, văn hóa của địa phương.
- Không sử dụng những phim, video ngắn có nội dung ủng hộ cho các định kiến giới, phân biệt dối xử về giới.
- Sử dụng các điểm nhấn/cao trào trong phìm hợp lý: Tùy theo mục đích truyền thông, người sử dụng cần chọn ra những điểm nhấn (có thể là thông điệp, hình ảnh) hoặc xác định các cao trào của bộ phim để gây sự chú ý cho người xem. Mỗi bộ phim thường có ba phần chính: mở đầu, cao trào và kết thúc. Do đó, người sử dụng phim để tuyên truyền cần phải lựa chọn được những nội dung quan trọng của bộ phim, đặc biệt là cao trào của bộ phim khi truyền thông phù hợp với nội dung kiến thức dự kiến truyền tải tới người xem.

Các bước thực hiện

- *Bước 1: Giới thiệu ngắn gọn về phim:* Người thúc đẩy giới thiệu về tiêu đề của bộ phim và mục đích của việc sử dụng bộ phim này để thảo luận về chủ đề gì.

- *Bước 2: Chiếu phim:* Người điều hành mời mọi người xem phim.

- *Bước 3: Đặt câu hỏi thảo luận sau khi xem phim:* Sau khi đoạn phim, clip kết thúc, người điều hành đặt câu hỏi cho tất cả người tham gia và dành thời gian cho mọi người chia sẻ quan điểm của mình.

Để phần thảo luận hiệu quả, người thúc đẩy cần phải chuẩn bị trước một số câu hỏi gợi ý thảo luận sau khi xem phim.

Ví dụ một số câu hỏi sử dụng để gợi ý phần thảo luận:

1. Đoạn phim, clip anh/chị vừa xem nói về nội dung gì?

2. Chi tiết hay nội dung nào gây ấn tượng nhất cho anh chị? vì sao?

3. Những nội dung/chi tiết đề cập trong phim/clip giúp anh chị hiểu thêm điều gì?

4. Bản thân anh/chị rút ra điều gì sau khi xem xong bộ phim này

Bước 4: Chốt thông điệp

Người điều hành chốt lại một số thông điệp cơ bản muốn gửi gắm thông qua bộ phim/clip ngắn.

Ưu điểm:

- Tác động đến thị giác (và cả thích giác với phim/video), vì vậy giúp học viên hứng thú và nhớ lâu hơn

- Mang lại nhiều thông tin mà học viên không cần đọc, giảng viên không cần thuyết trình

- Giúp không khí lớp học thoải mái hơn, học viên tích cực làm việc hơn

- Có thể sử dụng được nhiều lần

- Hiệu quả cao với những chủ đề học viên không đồng đều về trình độ, ngôn ngữ

Hạn chế

- Mất nhiều thời gian để tìm kiếm phim/video phù hợp

- Giảng viên cần kết hợp với giải thích rõ ràng tránh gây hiểu nhầm về nội dung

- Nếu sử dụng lâu sẽ khiến học viên mệt

3. Sử dụng giáo cụ trực quan

Giáo cụ trực quan hóa là việc sử dụng tranh, ảnh, hình vẽ, sơ đồ, bảng, biểu…, để truyền tải hoặc minh họa cho một chủ đề hay một nội dung bài giảng.

Mục đích của Trực quan hóa:

- Gây ấn tượng, thu hút sự chú ý của học viên
- Giúp học viên định hướng tốt nội dung
- Giảm thời lượng nói của người giảng
- Làm cho thông tin, nội dung bài giảng trở nên rõ ràng, cụ thể giúp người học dễ tiếp thu, dễ nhớ
- Mở rộng và bổ sung những kiến thức đã học
- Mô tả, minh họa những luận điểm, nội dung đang trình bày
- Làm thay đổi bầu không khí học
- Khiến bài giảng thêm phong phú, sinh động

Tác dụng của Trực quan hóa:

- Thời gian trình bày trên lớp ít, song hiệu quả cao
- Tạo được sự thoải mái trong giờ học
- Dễ dàng sử dụng kết hợp với các phương pháp khác, đặc biệt là phương pháp thuyết trình
- Các ý kiến đã đóng góp không bị mất và quên đi (ví dụ khi thu thập thông tin, ý kiến của người học về một chủ đề nào đó có thể viết lên bảng, lên giấy khổ lớn…).
- Kích thích trí tưởng tượng của người học
- Khuyến khích tính chủ động, tích cực tham gia học tập của người học
- Tăng khả năng tiếp nhận và mức độ nhớ thông tin của người học
- Giúp giờ học đạt được mục tiêu đề ra.

Một số lưu ý:

Trực quan hóa không phải là việc triển lãm tranh, ảnh, hình vẽ…, một cách tùy hứng càng không phải là việc trưng bày các đồ vật hoặc các sản phẩm hàng hóa. Để trực quan hóa có hiệu quả trong giảng dạy, người dạy cần lưu ý:

- Dành thời gian chuẩn bị kỹ các công cụ trực quan
- Trực quan hóa những nội dung, thông tin quan trọng
- Nội dung ngắn gọn, dễ hiểu
- Hình ảnh đơn giản, màu sắc có định hướng phù hợp với chủ đề
- Trực quan hóa đúng thời điểm và tạo yếu tố bất ngờ cho người học
- Hình ảnh, bảng biểu được hiển thị theo thứ tự trình bày
- Các hình ảnh, bảng biểu cần được sắp xếp ở vị trí dễ quan sát
- Lựa chọn phương tiện phù hợp để có thể treo, ghim, dán tranh, ảnh, hình vẽ
- Chữ viết và hình ảnh đủ lớn để mọi người có thể nhìn dễ dàng

- Những nội dung cốt lõi nên được hiển thị suốt buổi học

Các loại công cụ trực quan thông dụng:

- Tranh ảnh, hình vẽ để truyền tải một chủ đề, nội dung
- Mẫu vật, sản phẩm chứa đựng nội dung, chủ đề trình bày
- Hiện vật sống
- Bảng phấn hoặc bút dạ, bìa màu
- Giấy lật
- Sơ đồ
- Phim ảnh, băng hình…

Gợi ý cách trình bày trực quan hiệu quả:

- Đến lớp trước từ 15-30 phút để chuẩn bị phương tiện
- Sắp xếp thông tin phù hợp
- Sử dụng các hình ảnh trực quan sinh động
- Không đứng che lấp bảng, màn hình, tranh, ảnh
- Nói rõ ràng, dễ nghe
- Kết hợp nhuần nguyễn ngôn ngữ và phi ngôn ngữ
- Giảm bớt những lời giải thích dài dòng
- Tránh độc thoại với hình ảnh, bảng biểu
- Khuyến khích học viên tham gia khai thác nội dung thông qua hình ảnh, bảng biểu bằng cách đặt câu hỏi, nêu chủ đề thảo luận, hoặc phân tích, bình luận về hình ảnh, bảng biểu đồ
- Có thể áp dụng xuyên suốt buổi tập huấn: mở đầu, giảng nội dung và chốt kiến thức.

4. Thảo luận nhóm

Khái niệm thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là một trong những phương pháp tập huấn có sự tham gia được sử dụng phổ biến trong quá trình tập huấn đào tạo. Theo đó, phương pháp này tạo không gian và cơ hội phù hợp để cho tất cả học viên có cơ hội tham gia thảo luận và trao đổi ý kiến về một nội dung cụ thể liên quan đến nội dung tập huấn.

Thế mạnh của phương pháp này đó là xây dựng được sự đồng thuận của toàn bộ nhóm về một vấn đề cụ thể. Trên cơ sở thảo luận nhóm nhỏ, các học viên tham gia không chỉ có cơ hội chia sẻ ý kiến và quan điểm của cá nhân mà quan trọng hơn là quá trình đi đến đồng thuận ý kiến của cả nhóm về một vấn đề nào đó.

Phương pháp này đảm bảo ý kiến đưa ra có sự đồng thuận của cả nhóm và phản ánh quan điểm của nhóm.

Điểm mạnh của phương pháp thảo luận nhóm

- Các thành viên có cơ hội tranh luận theo quan điểm của mình mà không gặp bất cứ khó khăn rào cản gì.

- Các thành viên được tương tác cùng nhau. Quá trình này không chỉ giúp họ học hỏi lẫn nhau mà còn được chia sẻ những kiến thức và trải nghiệm cá nhân của mình cho người khác.

- Các thành viên trong nhóm có sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau để có hiểu biết chung về một vấn đề cụ thể. Phương pháp này giúp người tham gia có thể đi đến đồng thuận về một kiến thức hoặc kỹ năng nào đó.

- Các thành viên tương tác với giảng viên nhiều hơn. Thông qua phương pháp này, các học viên không chỉ có cơ hội thảo luận với các thành viên khác mà còn có cơ hội để thúc đẩy các tương tác đa chiều.

- Các thành viên biết lắng nghe ý kiến đóng góp của người khác và biết cách tiếp thu, tôn trọng các ý kiến trái chiều hay khác biệt.

- Là phương pháp giúp học viên chủ động, tích cực tiếp thu các kiến thức từ những người xung quanh

Một số hạn chế của phương pháp này

- Thời gian học tập có thể bị kéo dài.

- Giảng viên phải có sự chuẩn bị trước cách thức dẫn dắt thảo luận nhóm.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp thảo luận nhóm

- Số lượng: Số lượng thành viên tham gia thảo luận nhóm nên từ 3-5 người. Nếu một nhóm quá đông hay quá ít thì đều ảnh hưởng đến hiệu quả của phương pháp này.

- Cần có người điều hành nhóm, người ghi chép kết quả và người trình bày đại diện quan điểm của nhóm: Người điều hành sẽ giúp các thành viên thảo luận trên cơ sở các nội dung đã thống nhất, tránh tình trạng lan man hoặc đi lệch hướng trong quá trình thảo luận. Mặt khác, khi thảo luận nhóm, các nhóm thường có xu hướng đùn đẩy cho một người tích cực nhất trình bày, thậm chí lặp đi lặp lại rất nhiều. Do đó, giảng viên cần phải phân chia rõ trách nhiệm của từng người để đảm bảo quá trình thảo luận, tổng hợp và trình bày kết quả thảo luận nhóm có sự nhất quán.

Các bước thực hiện thảo luận nhóm

Chia nhóm thảo luận và phân công nhiệm vụ trong nhóm

Giảng viên cần giới thiệu về cách thức chia nhóm và dành thời gian cho người tham gia tiến hành chia nhóm. Đặc biệt là việc phân công trách nhiệm giữa các thành viên trong nhóm, bao gồm người điều hành, người ghi chép (thư ký) và người trình bày kết quả.

Người điều hành và các thành viên trong nhóm có thể tự đặt tên nhóm theo các tên gọi khác nhau sao cho dễ dàng trong quá trình thảo luận.

Thảo luận nhóm

- Tạo môi trường trao đổi thoải mái: dành thời gian cho mọi người giới thiệu bản thân, sở thích, nhu cầu… của học viên (áp dụng cho những người lần đầu gặp nhau)

- Làm rõ và thống nhất về mục tiêu, mục đích của các cuộc thảo luận nhóm ngay từ đầu để tránh lạc hướng hoặc không đồng thuận được quan điểm.

- Đảm bảo ghi chép và thể hiện được kết quả thảo luận nhóm bao gồm các quan điểm đồng thuận chung và các quan điểm khác biệt trong nhóm.

- Trình bày rõ ràng và mạch lạc kết quả thảo luận nhóm của mình.

Qui tắc cần áp dụng trong thảo luận nhóm nhỏ

Mục tiêu thảo luận rõ ràng:

- Được cả nhóm xác định rõ ràng, cụ thể

- Không ôm đồm, đưa ra nhiều mục tiêu khác nhau

- Vấn đề được giải quyết sau các buổi thảo luận (vấn đề được làm sáng tỏ, quyết định đề ra mang tính khả thi, tạo được sự quyết tâm thực hiện, nội dung mà mọi người đều hiểu, kiến thức mới được tiếp thu, mâu thuẫn được giải quyết…).

Bầu không khí thuận lợi:

- Thoải mái, thân tình cởi mở

- Có sự bình đẳng và chấp nhận lẫn nhau của các thành viên

- *Thành viên hài lòng về kết quả*

- Các thành viên hài lòng về kết quả vì đã thu nhận được cái mới (nội dung, kiến thức, thái độ…)

- Các thành viên hài long vì đã đóng góp vào mục tiêu chung (về chuyên môn cũng như trong xây dựng nhóm…)

- *Đảm bảo thời gian cho phép, không kéo quá dài về thời gian đã định*

- Lãnh đạo nhóm phải xác tín về tiềm năng nhóm trong việc đạt tới mục tiêu và khơi dậy tiềm năng

- Dân chủ trong thái độ và cung cách làm việc

Một số lưu ý khi thúc đẩy thảo luận nhóm

- Lưu tâm đến diện tích phòng học, cách bài trí trong phòng để phù hợp với nhu cầu tập huấn

- Cố gắng tìm hiểu nhiều nhất về học viên của mình trước khi tập huấn

- Lưu ý các phương thức để quản lý các học viên có hành vi gây khó khăn làm ảnh hướng tới sự tham gia bài học của những người khác xung quanh.

- Thể hiện cách trình bày cởi mở và rõ rang đối với học viên

- Các giảng viên cũng cần đơn giản hóa các bài học khi cần và đưa ra các ví dụ cụ thể cũng như việc trình diễn những kĩ năng nếu thấy cần thiết.

- Thay đổi cách giảng dạy để kích thích tinh thần học tập của Học viên

- Khuyến khích sự tham gia tối đa của các học viên trong lớp. Sự tham gia nhiều của các học viên sẽ đem lại kết quả cao nhất.

- Tất cả các nguồn phục vụ cho giảng dạy cần có sự chuẩn bị trước để tránh sự nhầm lẫn. Những nguồn đó sẽ bổ sung và thúc đẩy việc học tập ở người học.

- Thường xuyên tóm tắt và trao đổi với người trợ giảng hoặc phiên dịch (nếu có)

- Cần đảm bảo chắc chắn về tất cả các nguồn, các trang thiết bị, phương tiện nghe nhìn hoạt động và lắp đặt tốt trước khi tập huấn cũng như trước mỗi bài học.

- Dành thời gian để học viên nêu câu hỏi ngoài sau mỗi bài học

- Đánh giá các kết quả để dần dần cải thiện chất lượng giảng dạy.

5. Đóng vai

Mục đích

Đóng vai được sử dụng trong thúc đẩy nhằm khích lệ sự tham gia tích cực của mọi người vào các hoạt động học hỏi và chia sẻ. Đây là một phương pháp trực quan và khích lệ mọi người tham gia tích cực thông qua những gì họ quan sát thấy từ vai diễn mà họ quan sát.

Khi sử dụng hình thức đóng vai, cần phải đạt được một số mục đích sau đây:

+ Truyền tải được thông điệp một cách rõ ràng và trực quan cho người tham gia.

+ Khích lệ mọi người tham gia tích cực tham gia thảo luận về những vấn đề có liên quan.

+ Xác định các giải pháp để giải quyết được vấn đề khi gặp tình huống tương tự.

Nguyên tắc cần tuân thủ

+ *Xác định rõ thông điệp muốn truyền tải*: khi sử dụng hình thức đóng vai, cần đảm bảo rằng các vai diễn thể hiện rõ nét và truyền tải các thông điệp và nội dung kiến thức cần truyền tải đến người xem một cách rõ ràng.

+ *Khích lệ sự tham gia vào thảo luận tích cực của tất cả mọi người:* các bài tập đóng vai không phải là những vai diễn cầu kỳ, phức tạp, điều quan trọng nhất là thông qua hình thức này có thể khích lệ tất cả mọi người tham gia cùng thảo luận hoặc đưa ra ý kiến bình luận của mình một cách tích cực. Qua đó, họ tự rút ra cho mình những bài học hoặc nhận thức một vấn đề nào đó.

+ *Đơn giản, dễ hiểu và không tốn kém*: việc sử dụng hình thức đóng vai không đòi hỏi phải có sự chuẩn bị quá cầu kỳ và tốn kém cho vai diễn (trang phục diễn viên, thời gian chuẩn bị quá nhiều...). Mục đích của đóng vai là giúp mọi người tiếp nhận thông tin một cách thoải mái và dễ dàng thông qua tình huống đóng vai.

Các bước thực hiện

- *Bước 1:* Lựa chọn diễn viên và chuẩn bị đóng vai: người thúc đẩy lựa chọn người tham gia đóng vai và dành thời gian để họ chuẩn bị vai diễn. Việc này có thể được thực hiện trước buổi họp.

- *Bước 2:* Chuẩn bị thông điệp và câu hỏi sẽ sử dụng để khích lệ mọi người tham gia thảo luận sau vai diễn. Việc này cũng có thể được chuẩn bị bởi người thúc đẩy trước buổi họp.

- *Bước 3: Trình diễn vai diễn:* người thúc đẩy mời những người tham gia trình diễn vai diễn.

- *Bước 4: Thảo luận:* người thúc đẩy đặt ra một số câu hỏi thảo luận và dẫn dắt mọi người tham gia thảo luận. Dành thời gian cho mọi người thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

Ví dụ một số câu hỏi có thể sử dụng để thảo luận bao gồm

+ Anh/chị cảm nhận hay suy nghĩ gì về vai diễn?

+ Điều gì gây ấn tượng nhất cho anh/chị khi xem vai diễn?

+ Anh/chị học được điều gì từ phần đóng vai?

- *Bước 5*: Chốt thông điệp: người thúc đẩy chốt lại một số thông điệp quan trọng liên quan đến vai diễn.

6. Phản biện/tranh biện

Mục đích

Phản biện/tranh biện là một kỹ thuật có thể sử dụng khi thúc đẩy hoạt động của tổ nhóm với mong muốn khích lệ người tham gia tích cực chia sẻ quan điểm và suy nghĩ của mình về một vấn đề cụ thể nào đó. Mục đích sử dụng phương pháp hay kỹ thuật tranh biện nhằm:

+ Khích lệ sự tham gia thảo luận tích cực

+ Thu nhận ý kiến phản ánh đa chiều

+ Tạo cơ hội học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với người khác

+ Hình thành kỹ năng tư duy phản biện

+ Xây dựng kiến thức và kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề

Nguyên tắc cần tuân thủ khi tranh biện/phản biện

+ Tranh biện trên tinh thần cởi mở

+ Kiên định mục tiêu tranh luận

+ Linh hoạt trong sử dụng linh hoạt các kỹ năng, bằng chứng và các thông tin hỗ trợ cho quan điểm của mình.

+ Xác định rõ độ dài của cuộc tranh biện

Các bước thực hiện

- *Bước 1:* Nêu vấn đề: người thúc đẩy trình bày rõ ràng về một vấn đề cần tranh luận. Có thể là một quan điểm hoặc một nhận định về một nội dung nào đó làm cơ sở cho việc tranh biện.

- *Bước 2:* Phân loại người tham gia thành ba nhóm chính gồm: (1) nhóm ủng hộ vấn đề/nhận định; (2) nhóm phản đối vấn đề/nhận định đưa ra và (3) nhóm trung lập.

- *Bước 3:* Chuẩn bị lý lẽ để tranh biện: người thúc đẩy dành thời gian cho mọi người suy nghĩ và chuẩn bị lý lẽ cho phần tranh biện của mình.

- *Bước 4:* Thống nhất một số quy định cần tuân thủ khi tranh biện: người thúc đẩy thảo luận và thống nhất với người tham gia về một số quy định hoặc nội quy cần phải tuân thủ khi tranh biện.

- *Bước 5:* tranh biện: người thúc đẩy sẽ mời từng nhóm (Nhóm ủng hộ, nhóm phản đối và nhóm trung lập) nêu quan điểm của nhóm mình. Đảm bảo khi một nhóm trình bày quan điểm, các nhóm còn lại lắng nghe và sau đó khi được mời từng nhóm sẽ phản biện lại quan điểm đưa ra của đối phương hoặc đưa ra quan điểm của mình.

- *Bước 6:* Kết luận: người điều hành kết luận những lý lẽ, bằng chứng mà từng đội đã sử dụng hoặc đưa ra trong quá trình tranh biện và dành thời gian cho

mọi người đưa ra cảm nhận về cuộc tranh biện và đúc rút những bài học kinh nghiệm hoặc kiến thức mà họ đã học được qua phần tranh biện.

7. Một số kỹ thuật khích lệ sự tham gia của người tham gia

Động não

Người thúc đẩy đặt ra những câu hỏi cần thảo luận về một chủ đề hoặc nội dung cụ thể. Sau đó người thúc đẩy dành thời gian cho mọi người trả lời các câu hỏi dựa trên hiểu biết và kinh nghiệm của cá nhân họ. Người thúc đẩy phân tích các ý kiến, quan điểm của mọi người đưa ra và tổng hợp các ý kiến và chốt lại những nội dung quan trọng.

Mục đích

• Kích thích học viên suy nghĩ về chủ đề đang thảo luận

• Thu thập được nhiều quan điểm, kinh nghiệm từ học viên

Cách làm

• Giới thiệu chủ đề/nội dung hay nêu câu hỏi

• Lấy ý kiến (trên thẻ hoặc phát biểu)

• Nhóm các ý kiến

• Đánh giá về các nhóm ý kiến

• Chốt/đưa ra ý kiến cuối cùng

Thảo luận theo cặp đôi

Người thúc đẩy chia mọi người tham gia thành những cặp đôi và sau đó yêu cầu các cặp đôi cùng thảo luận về một vấn đề nào đó. Dành thời gian cho họ thảo luận và chia sẻ với nhau những suy nghĩ, quan điểm cá nhân với nhau. Sau đó có thể mời từng cặp đôi chia sẻ quan điểm với nhóm lớn hơn.

Bàn tròn cà phê

Người thúc đẩy đưa ra yêu cầu về thời gian và chủ đề trao đổi sau đó yêu cầu người tham gia luân chuyển theo nhóm theo một chiều cố định (ví dụ từ trái sang phải hoặc ngược lại). Trong thời gian cho phép, những người tham gia dành thời gian thảo luận và chia sẻ quan điểm của cá nhân mình một cách nhiều nhất có thể. Khi hết thời gian, người điều hành tiếp tục mời người tham gia tìm cho mình một người (hoặc nhóm người mới) để chia sẻ. Hoạt động tiếp tục cho đến khi tất cả mọi người có cơ hội gặp gỡ và thảo luận với nhau.

Triển lãm tranh

Người điều hành mời mọi người di chuyển theo nhóm từ trái sang phải hoặc từ phải sang trái. Mỗi nhóm cử một người làm người trình bày hoặc giải thích về

kết quả thảo luận của nhóm. Sau khi hết thời gian, mọi người được yêu cầu di chuyển sang nhóm tiếp theo. Thời gian dừng lại ở mỗi nhóm dài hay ngắn tùy thuộc vào nội dung và người điều hành.